

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**NGUYỄN VĂN TUẾ (Tổng Chủ biên)  
TRƯƠNG THIẾU HUYỀN – NGUYỄN THỊ THANH THỦY (Đồng Chủ biên)  
NGUYỄN THỊ THU HẠNH – LÊ THỊ SÔNG HƯƠNG  
ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG – NGUYỄN MAI PHƯƠNG – ĐÀO THỊ THÀNH  
NGUYỄN CHIẾN THẮNG – VŨ TIẾN TÌNH**

**TÀI LIỆU  
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG  
TỈNH QUẢNG NINH**

Lớp

**12**



# MỤC LỤC

Bài	Nội dung	Trang
	Lời nói đầu	3
<b>Chủ đề 1</b>	<b>VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG</b>	
1	Văn học hiện đại Quảng Ninh	5
2	Chiến khu Trần Hưng Đạo trong Cách mạng tháng Tám năm 1945	16
3	Bảo vệ biên giới	21
4	Bác Hồ với nhân dân Quảng Ninh	25
5	Quảng Ninh hội nhập quốc tế	31
6	Kì quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long	39
7	Thực hành lịch sử - Tái hiện lịch sử	43
<b>Chủ đề 2</b>	<b>ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG</b>	
8	Tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh	46
9	Tỉnh Quảng Ninh trong tương lai	55
<b>Chủ đề 3</b>	<b>KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP</b>	
10	Nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh	61
<b>Chủ đề 4</b>	<b>CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI</b>	
11	Vấn đề an sinh xã hội ở Quảng Ninh	66
12	Quảng Ninh trong công cuộc đổi mới cùng với cả nước từ năm 1986 đến nay	73
<b>Chủ đề 5</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>	
13	Chung tay bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ninh	80

## LỜI NÓI ĐẦU

*Các em học sinh thân mến!*

*Trên tay các em là cuốn **Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh lớp 12**. Với 5 chủ đề, các em sẽ được tìm hiểu thêm và sâu hơn về các vấn đề: Văn hoá, lịch sử truyền thống; Địa lí địa phương; Kinh tế hướng nghiệp; Chính trị – xã hội và Môi trường. Thông qua hoạt động trong các chủ đề, các em sẽ được trang bị những tri thức cơ bản về Quảng Ninh. Qua đó, các em được phát triển những năng lực và phẩm chất cần thiết, được bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước.*

*Cuốn sách sẽ đồng hành với các em trong suốt năm học. Hi vọng các em sẽ yêu thích các nội dung trong sách, say mê học tập, trải nghiệm, biết vận dụng, liên hệ để hiểu rõ hơn những vấn đề của địa phương và thêm trân trọng truyền thống quê hương Quảng Ninh.*

*Cuốn sách được biên soạn lần đầu nên khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến góp ý của các cán bộ quản lí, giáo viên, phụ huynh và các em học sinh để chất lượng cuốn sách ngày càng tốt hơn.*

CÁC TÁC GIẢ

## KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



### Mở đầu

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.



### Hình thành kiến thức mới

Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.



### Luyện tập

Các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng gắn với kiến thức vừa học.



### Vận dụng

Sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

# Chủ đề 1 VĂN HOÁ, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG



## VĂN HỌC HIỆN ĐẠI QUẢNG NINH

- Giới thiệu được những nét khái quát về văn học hiện đại của tỉnh Quảng Ninh qua thành tựu sáng tác và tác phẩm của một số tác giả tiêu biểu.
- Lựa chọn và thuyết trình được một vấn đề của văn học hiện đại Quảng Ninh.
- Có kĩ năng đọc hiểu một số tác phẩm văn học hiện đại tiêu biểu của Quảng Ninh (phân tích, đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ và truyện theo đặc trưng thể loại).



Giới thiệu một vài tác giả, tác phẩm văn học hiện đại Quảng Ninh mà em biết.



### I. Khái quát về văn học hiện đại Quảng Ninh

Không phải ngẫu nhiên, từ rất sớm trong lịch sử dựng nước và giữ nước đã có nhiều chính khách và các học giả từng có mặt ở Quảng Ninh với nhiều lí do khác nhau. Có người người đến rồi đi, có người gắn bó lâu dài, song họ đều gửi gắm những cảm xúc sâu nặng vào các áng văn chương viết về vùng đất phía đông bắc Tổ quốc. Tiêu chí cơ bản để tập hợp các tác phẩm văn học trong phạm trù khái niệm văn học Quảng Ninh là đề tài về thiên nhiên, con người và cuộc sống trên mảnh đất Quảng Ninh. Theo đó, văn học hiện đại Quảng Ninh gồm các tác phẩm văn chương viết bằng chữ Quốc ngữ về vùng đất này từ đầu thế kỉ XX đến nay.

#### 1. Đội ngũ tác giả qua các thời kì phát triển

Căn cứ vào bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội có ảnh hưởng đến đặc điểm phát triển của văn học, văn học hiện đại Quảng Ninh có thể chia thành ba thời kì lớn:

- Những năm đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945;
- Từ năm 1946 đến năm 1975;
- Từ năm 1976 đến nay.

##### 1.1. Những năm đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945

Đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi, trong đó có sự cách tân sâu sắc của văn học. Khi chữ Quốc ngữ phát triển và chiếm địa vị độc tôn trên văn đàn, những tác phẩm viết về Quảng Ninh ngày

càng phong phú. Hai loại đề tài thường gặp là cảnh đẹp vịnh Hạ Long và cuộc sống, con người đất mỏ. Tiêu biểu là tác giả Trần Trọng Kim (*Sự du lịch đất Hải Ninh*), Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến (*Chơi vịnh Hạ Long*), Nhân Văn Đình (*Quảng Yên du kí*).

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời; tháng 10-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Sự kiện này là một mốc son lịch sử đánh dấu bước ngoặt lớn của cách mạng. Từ đây, ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam chuyển sang tay giai cấp vô sản, phong trào công nhân dâng lên mạnh mẽ. Tại Quảng Ninh, cuộc tổng đình công của thợ thuyền vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả vào năm 1936 đã làm chấn động guồng máy cai trị của chính quyền bảo hộ và tác động lớn đến văn học viết vùng than. Lần đầu tiên, hình tượng người thợ mỏ và cuộc đấu tranh của họ được phản ánh đậm nét, sống động. Trước hết, Quảng Ninh ghi nhận công lao đóng góp của người đã sinh trưởng trên mảnh đất này là tác giả Vi Huyền Đắc. Ông là người Quảng Ninh đầu tiên sử dụng chữ Quốc ngữ sáng tác văn học. Tinh thông cả Hán học và Pháp ngữ, Vi Huyền Đắc dịch văn học Pháp, soạn từ điển tiếng Việt, sáng tác truyện ngắn nhưng ông đặc biệt thành công ở thể loại kịch và là một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho kịch hiện đại Việt Nam. Đáng chú ý trong sáng tác của ông là tác phẩm *Kim tiền*, vở kịch đầu tiên đã đưa hình tượng những người thợ mỏ lên sân khấu Việt Nam. Cũng được đánh giá cao trong việc xây dựng bức chân dung về thợ thuyền vùng mỏ còn phải nhắc tới nhà văn Nguyễn Công Hoan với truyện ngắn *Sáng, chị phu mỏ*.

## **1.2. Từ năm 1946 đến năm 1975**

### **1.2.1. Từ năm 1946 đến năm 1954**

Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược đã in đậm dấu ấn trận mạc của vùng đất Quảng Ninh qua các trang thơ của Hoàng Lộc (*Viếng bạn*), Vũ Cao (*Đèo Trúc*), Vũ Minh (*Trong trại giam*) và truyện ngắn *Thư nhà* của Hồ Phương. Trong các tác giả này, chỉ có Vũ Minh là người địa phương, quê ở thị xã Quảng Yên. Bài thơ trên được ông viết trong nhà lao Hải Phòng trước khi bị đày ra Côn Đảo.

Đây cũng là giai đoạn mà người dân Quảng Ninh kiên cường đấu tranh chống lại sự bóc lột tàn tệ của bọn chủ mỏ và sự đàn áp, khủng bố của chính quyền thực dân để đòi quyền sống, quyền lợi kinh tế thiết thân. Nhà văn Võ Huy Tâm, người mà cả cuộc đời gắn bó máu thịt với Quảng Ninh, đã phản ánh chân thực, đậm nét hiện thực này trong tiểu thuyết *Vùng mỏ* và khơi mở một chủ đề quan trọng của văn học cách mạng: đề cao sức mạnh, vai trò của giai cấp công nhân, mà ở đây là thợ mỏ vùng than trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm được truy tặng giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật vào năm 2001.

### **1.2.2. Từ năm 1955 đến năm 1975**

Đây là những năm miền Bắc bước vào thời kì khôi phục kinh tế, bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội với không khí hào hứng, phấn khởi chưa từng có. Khu mỏ Hồng Quảng là một trong những trung tâm công nghiệp lớn, không chỉ thu hút hàng vạn lao động từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ mà còn lôi cuốn đội ngũ văn nghệ sĩ thâm nhập thực tế. Nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng đã đến đây “ba cùng” với công nhân, vừa để tìm hiểu một mảng hiện thực mới mẻ, vừa muốn góp phần xây dựng văn học viết về hiện thực và con người vùng than mà bấy giờ hãy còn thưa thớt trên văn đàn. Về thơ, có Huy Cận (tập thơ *Vùng mỏ*), Chế Lan

Viên (*Cành phong lan bể, Tàu đến... Tàu đi...*), Xuân Diệu (*Chào Hạ Long*),...; văn xuôi có Nguyễn Tuân với các bài kí và tuỳ bút về Vân Đồn, Cô Tô, Móng Cái và Lê Phương với tiểu thuyết *Bất khuất*.

Cũng những năm tháng này, quân và dân Quảng Ninh bước vào thời kì chiến đấu, sản xuất đầy gian khổ mà oanh liệt. Việc hợp nhất khu mỏ Hồng Quảng, Hải Ninh (năm 1963), sự ra đời của Hội văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh (năm 1969) đã tạo nên sự thống nhất và đa dạng cho diện mạo văn nghệ Quảng Ninh. Có thể kể đến đóng góp của các tác giả trong việc phản ánh hiện thực phong phú, đa dạng, đầy hào khí của cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại như những bài kí của Tống Khắc Hải, Lê Hoàng, Tạ Kim Hùng, Sỹ Hồng; thơ của Trần Nhuận Minh, Yên Đức, Đỗ Kha, Long Chiêu, Phạm Doanh, Trí Dũng; tiểu thuyết của Võ Huy Tâm (*Những người thợ mỏ*). Truyện ngắn là thể loại thành công hơn cả, tiêu biểu là sáng tác của các tác giả: Tô Ngọc Hiến (*Người kiểm tu*), Lý Biên Cương (*Khoảng không của đất*), Nguyễn Sơn Hà (*Gió thổi*), Nam Ninh (*Trong phòng trung tâm*). Đây cũng là thời điểm các tác giả kịch bản văn học có thành tựu ban đầu, đó là Vương Lan (*Đêm cửa biển*), Tống Khắc Hải (*Ngôi nhà ấm*), Thanh Đạm (*Người làng tôi*).

### 1.3. Từ năm 1976 đến nay

Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979 và những khó khăn, khủng hoảng trong đời sống kinh tế ở Quảng Ninh đầu những năm 1980 đã được các nhà văn phản ánh kịp thời. Tiêu biểu là những trang kí của Nguyễn Đức Huệ về Trung đoàn 43, Lê Hoàng về lâm trường nơi biên giới, Tống Khắc Hải về liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm; Nam Ninh với truyện ngắn *Ra đi*; Trần Nhuận Minh với tập thơ *Thành phố bên này sông* (trong đó có trường ca *Miền Đông*, giải Nhất giải thưởng Văn nghệ Hạ Long lần thứ II, năm 1986 và trường ca *Một trăm bước cuối cùng*, đến nay, vẫn được coi là một thành công quan trọng của thơ Việt Nam trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc).

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986), đất nước đổi thay kì diệu nhưng cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Trong đời sống văn học, các nhà văn phản ánh sâu sắc hơn sự phong phú, đa diện của hiện thực cuộc sống và con người. Nếu trước đây, chủ nghĩa anh hùng cách mạng thấm nhuần từng câu, từng chữ thì nay chủ nghĩa nhân văn lại đậm nét trên từng trang sách. Bên cạnh tư tưởng cộng đồng là sự phục hưng của ý thức cá nhân, là số phận đa đoan của con người giữa cuộc đời, bộn bề những hoạ phúc, may rủi. Đây là giai đoạn văn học Quảng Ninh đã hình thành đội ngũ sáng tác khá hùng hậu. Tính đến thời điểm năm 2022, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh có gần 200 tác giả, nhiều người là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Văn xuôi Quảng Ninh ghi nhận sự đóng góp của các cây bút quen thuộc, bền bỉ, đó là: Tô Ngọc Hiến, Lý Biên Cương, Sỹ Hồng, Võ Khắc Nghiêm, Dương Hương, Phan Thanh, Nguyễn Đức Huệ, Tạ Kim Hùng, Triệu Nguyễn, Vũ Khai, Ngô Quang Thông, Như Thắng, Lê Toán, Trọng Khang, Trần Ngọc Tảo, Trần Tâm, Nguyễn Châu, Lương Vĩnh Phúc, Vũ Ngọc Khiêm, Vũ Ngọc Cẩm, Nguyễn Thị Thương, Vũ Thảo Ngọc. Tiếp nối các nhà văn lớp trước là các tác giả mới, có triển vọng như: Ưông Triều, Đinh Phương, Dương Giao Linh, Vũ Thị Hạnh, Huệ Ninh, Cao Nguyệt Nguyên. Đội ngũ nhà văn ngày càng đông đảo của Quảng Ninh đã góp phần không nhỏ vào thành tựu văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tiêu biểu là các tác giả, tác phẩm được trao giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật: Nhà văn Lý Biên Cương với tiểu thuyết *Những kiếp phù du* và hai tập truyện: *Những khoảnh khắc rủi may*, *Nẻo trời Vô Tích tôi qua* (đợt III, năm 2012); nhà văn Dương Hương với

tiểu thuyết *Bến không chồng* (đợt IV, năm 2017) và nhà văn Võ Khắc Nghiêm với hai tiểu thuyết: *Mảnh đời của Huệ*, *Mạnh hơn công lí* (đợt IV, năm 2017).

Theo năm tháng, đội ngũ nhà thơ không ngừng trưởng thành, tạo nên một dàn đồng ca nhiều giọng điệu. Các tác giả giàu sức sáng tạo, ngày càng đứng lâu trong trí nhớ người đọc là: Trần Nhuận Minh, Lê Hường, Đặng Sâm, Trần Tâm, Nguyễn Châu, Đỗ Luyến, Trần Đình Nhân, Triệu Nguyễn, Ngô Tiến Cảnh, Ngô Mai Phong, Trần Đình Thắng, Trương Thiệu Huyền, Yên Đức, Mai Phương, Hoàng Thuận, Vũ Tư, Văn Chư, Dương Phương Toại, Vũ Hữu Thịnh, Vũ Khiêm, Hữu Lịch, Trịnh Công Lộc, Thi Sánh. Làm nên diện mạo riêng cho thơ ca vùng Mỏ còn phải kể tới một số tác giả nữ như: Vũ Thảo Ngọc, Nguyễn Thị Hoàng Hoà, Thi Nga, Nguyễn Thu Mát, Lê Thị Ninh, Lại Tuấn Hiền, Phạm Thị Diễm, Nguyễn Thị Xuân, Trần Thị Thuý Giang, Phan Thanh Vân. Điều đáng mừng là một số gương mặt trẻ có tiềm năng như: Tăng A Tài, Nguyễn Thị Nguyệt, Xuân Đạt, Tô Hiệu cũng đang từng bước hoà nhập cùng đội ngũ. Thơ Quảng Ninh giai đoạn này phản ánh mọi mặt của hiện thực đời sống, mọi góc khuất của tâm hồn con người dưới ánh sáng của chủ nghĩa nhân văn và ý thức thời đại. Hiện tượng nổi bật có thành tựu đáng kể là nhà thơ Trần Nhuận Minh với vài chục đầu sách đã xuất bản, trong đó có hai tập thơ được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt II năm 2007: *Nhà thơ và hoa cỏ*, *Bản Xônát hoang dã*. Điều đặc biệt là sáng kiến tổ chức “Ngày thơ Quảng Ninh” hằng năm vào ngày 29-3 (từ 29-3-1988) đã làm cho phong trào sáng tác thơ ca ở Quảng Ninh sôi động, thu hút được sự quan tâm của công chúng.

Quảng Ninh cũng ghi nhận sự phong phú và đa dạng của kịch bản văn học với tên tuổi của Thanh Đạm, Võ Khắc Nghiêm, Tống Khắc Hải, Vương Lan, Bằng Thái, Lê Thái, Bùi Hồng Diễm, Quang Hậu, Ngọc Hưng, Thanh Quang, Nguyễn Năng Văn, Nguyễn Thế Nhu, Đinh Thuý Vương, Phạm Ngà, Hồng Cẩm,... Từ hiện thực phức tạp, đa dạng của nền kinh tế thị trường, các tác giả đã cho ra mắt công chúng nhiều tác phẩm đấu tranh chống tệ nạn xã hội, đề cao đạo đức, lối sống nhân văn. Một số kịch bản đặc sắc, đã được đoàn kịch chuyên nghiệp của tỉnh dàn dựng, được đánh giá cao, trở thành hiện tượng của sân khấu, như *Nhân danh công lý* của Võ Khắc Nghiêm và Doãn Hoàng Giang, *Người không thể chết* của Thanh Đạm.



1. Trình bày cách hiểu về văn học hiện đại Quảng Ninh.
2. Văn học hiện đại Quảng Ninh được chia làm mấy thời kì? Căn cứ nào để phân chia các thời kì đó?
3. Tóm tắt các sự kiện văn hoá, lịch sử tác động đến đời sống xã hội và văn học Quảng Ninh trong từng thời kì và kể tên một vài tác giả, tác phẩm nổi bật.
4. Lập bảng thống kê tên các nhà văn, nhà thơ Quảng Ninh được trao tặng giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật theo thứ tự thời gian.
5. Giới thiệu ngắn gọn về một tác giả, tác phẩm mà em có ấn tượng sâu sắc nhất.



## 2. Đặc điểm chủ yếu của văn học hiện đại Quảng Ninh

### 2.1. Đặc điểm nội dung và nghệ thuật

#### a) Về nội dung:

Văn học hiện đại Quảng Ninh đã phản ánh trung thực thiên nhiên, cuộc sống và con người Quảng Ninh qua các thời kì lịch sử. Thiên nhiên và lịch sử vùng đất này tạo thành bức tranh sống động về một vùng non nước vừa thơ mộng kì thú, vừa oanh liệt hào hùng. Một vùng sông nước Bạch Đằng, một dải non thiêng Yên Tử, một vịnh Hạ Long huyền diệu cùng cuộc sống lao động, chiến đấu và dựng xây của các thế hệ người Quảng Ninh đã giúp cho giai đoạn văn học này có bản sắc riêng, rõ rệt. Từ hai cuộc kháng chiến trường kì đến giai đoạn phát triển, đổi mới dựng xây Tổ Quốc, hình tượng người công nhân mang sức mạnh của lí tưởng thấm mĩ tiến bộ trở thành nhân vật trung tâm trong các trang viết. Mặt khác, các tầng lớp trong xã hội với những mối quan hệ phức tạp của đời sống, những xung đột đời thường, những nhu cầu mưu sinh quyết liệt ... đã làm nên bức tranh hiện thực đa màu về cuộc sống và con người Quảng Ninh thời hiện đại.

#### b) Về nghệ thuật

Song song với sự phát triển, đổi mới về nội dung phản ánh là một quá trình trưởng thành về nghệ thuật của Văn học Quảng Ninh. Trước hết là sự phát triển ngày càng phong phú về thể loại: thơ đạt chất lượng nghệ thuật cao; nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn đạt được thành tựu; một số kịch bản dài có giá trị, được ghi nhận. Về thi pháp, vượt qua cái nhìn giản đơn và những hình tượng mang tính minh họa là sự chuyển biến mới trong thế giới quan và bút pháp nghệ thuật. Văn học đã giải quyết được sự đa dạng trong bình diện đề tài để hướng tới bối cảnh hiện thực rộng mở của cuộc sống, đặc biệt là sự quan tâm đến số phận con người; cách giải quyết các vấn đề xã hội đã tránh được sự khiên cưỡng và công thức của tư tưởng.

Tuy nhiều tác giả đã có giọng điệu nghệ thuật riêng khá rõ rệt nhưng văn phẩm Quảng Ninh chưa tạo được những điển hình nghệ thuật xuất sắc. Nhìn chung, hình thức nghệ thuật còn ít biến động, chậm cách tân trong khi hiện thực đời sống hằng ngày hằng giờ đổi thay sâu sắc.



1. Nêu một số đặc điểm nổi bật về nội dung và nghệ thuật của văn học hiện đại Quảng Ninh.
2. Lựa chọn và phân tích một trong những đặc điểm của văn học hiện đại Quảng Ninh.

### 2.2. Đánh giá chung

Lịch sử hình thành và phát triển vùng đông bắc Tổ quốc thật sự tồn tại một vùng văn học mang tiếng nói nghệ thuật đặc trưng - văn học Quảng Ninh. Tiếp nối những thành tựu của văn học trung đại, văn học hiện đại Quảng Ninh ngày một trưởng thành, lớn mạnh cả về lượng và chất. Lấy hiện thực cuộc sống và người lao động mới làm đối tượng phản ánh, văn học hiện đại Quảng Ninh đang từng bước chiếm lĩnh những giá trị nghệ thuật chân chính, tô đậm thêm truyền thống lịch sử, văn hoá và những thành tựu kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh; góp phần không nhỏ vào việc phát triển phong phú nền văn học Việt Nam.



### **Chú thích:**

1. Nhà thơ Trần Nhuận Minh sinh ngày 20-8-1944, tại làng Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, sống và viết ở Quảng Ninh từ 1962 (khi ấy còn là khu mỏ Hồng Quảng) đến nay. Ông có thơ đăng báo từ 1960, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1982, tốt nghiệp Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nhiều năm là Ủy viên Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Công tác nhà văn các tỉnh thành phía Bắc, Ủy viên Hội đồng thơ Hội Nhà văn Việt Nam, Bí thư Đảng Đoàn, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh.

Ông đã được xuất bản 65 tác phẩm ở nhiều thể loại: sáng tác, lí luận phê bình văn học, nghiên cứu văn chương văn hoá, lịch sử và biên khảo, trong đó, thơ có 49 tập ở cả trong và ngoài nước. *Trường ca Đá cháy*, giải Đặc biệt Hội Nhà văn Việt Nam năm 2011 (đã tái bản đến lần thứ 34). Tập thơ *Nhà thơ và hoa cỏ* (đã tái bản lần thứ 25, lập kỉ lục Việt Nam về một tập thơ thời đổi mới được tái bản nhiều lần nhất) và trường ca *Bản xonat hoang dã* (đã tái bản lần thứ 14) được tặng Giải thưởng Nhà nước lần thứ II năm 2007. Tập thơ *Qua sông Trường Giang* xuất bản bằng 3 ngữ Việt - Trung - Anh, được tặng Giải thưởng văn học “Sông Mê Kông” tại Campuchia năm 2020. Ba tập nghiên cứu: *Thời gian lên tiếng*, *Đi tìm sự thật*, *Đối thoại văn chương*, được tặng Giải thưởng Đào Tấn, về Bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc, năm 2023. Đến nay, thơ ông đã được dịch ra 17 thứ tiếng trên thế giới: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Ba Lan, Rumani, Hàn Quốc, Đài Loan, Italia, Pakistan, Uzbekistan, Đức, Hi Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và Ailen, xuất bản và phát hành ở 21 quốc gia trên thế giới. Trần Nhuận Minh cũng là tác giả tiểu thuyết *Trước mùa mưa bão* viết về mỏ Cọc Sáu, Cẩm Phả, đạt giải Nhất Văn học năm Quốc tế Thiếu nhi năm 1979 của Hội Nhà văn Việt Nam (đã tái bản lần thứ 11) và được dịch ra 7 thứ tiếng: Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Campuchia và Lào; tiểu thuyết *Hòn đảo phía chân trời*, lấy thực tế từ vùng biển Vân Đồn - Cô Tô, được tặng giải Nhì năm 2000 về tiểu thuyết của Hội Nhà văn Việt Nam (đã tái bản lần thứ 11).

Ông được tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2000, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2011, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2022 và Giải thưởng Công hiến, Huy chương Văn học Đài Loan, tại Đài Loan năm 2024.

2. Bài thơ *Chơi thuyền trên vịnh Hạ Long* viết năm 1985, được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, được tái bản hơn 40 lần và được nhạc sĩ Triệu Lam Châu phổ nhạc.

- ?
1. Nêu hiểu biết khái quát về tác giả Trần Nhuận Minh.
  2. Đọc kĩ văn bản và xác định tác dụng của thể thơ trong việc biểu đạt cảm xúc của bài thơ.
  3. Vịnh Hạ Long được nhà thơ khắc hoạ qua những từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu, các biện pháp tu từ nào? Hãy phân tích sự độc đáo hoặc nét đặc sắc của một trong các yếu tố nghệ thuật đó.
  4. Em đọc được thông điệp gì từ bài thơ trên?
  5. Suy tầm một bài thơ hiện đại cùng viết về vịnh Hạ Long, so sánh khái quát cách cảm nhận và thể hiện riêng của từng bài thơ, từng tác giả.



1. Giới thiệu khái quát về một tác giả, tác phẩm văn xuôi tiêu biểu viết về người thợ mỏ.
2. Xây dựng dàn ý về một vấn đề của văn học hiện đại Quảng Ninh và thuyết trình về nội dung đã lựa chọn.
3. Khuyến khích tổ chức dự án văn học: Thăm trụ sở Hội văn học nghệ thuật Quảng Ninh và phỏng vấn một số nhà văn/nhà thơ tiêu biểu



## 1. Đọc mở rộng

# BẾN KHÔNG CHỒNG

(Trích)

(**Dương Hương**)

*Tóm tắt tiểu thuyết: Truyện khắc họa cuộc đời của những con người ở làng Đông với bao trắc trở, đổ vỡ trong và sau chiến tranh, đặc biệt tập trung vào bi kịch thời hậu chiến. Đó là những người lính mang nhiều di chứng trên cơ thể trở về từ chiến trường Điện Biên như Nguyễn Vạn, Nghĩa, Thành,... Nơi chiến trường họ oai hùng bao nhiêu thì trở về cuộc sống đời thường họ lạc lõng, cô độc bấy nhiêu. Họ dù cố gắng nhưng không thể hoà nhập được với cuộc sống mới. Họ lạc lõng ngay trong chính gia đình, giữa những người thân yêu nhất của mình. Thậm chí, để “giữ gìn hình ảnh”, Nguyễn Vạn đã không dám đến với Nhân để xây dựng hạnh phúc. Đó là nỗi niềm khắc khoải, sự cô đơn của những “hòn Vọng Phu” như bà Nhân, Hạnh, Cúc, Thắm, Dâu, ... Bà Nhân có chồng và hai con trai đều là liệt sĩ nên đã không dám bước qua lễ thói cũ mòn mà chọn cuộc sống cô đơn. Chỉ một lần nghĩ về Nguyễn Vạn, bà đã day dứt lo âu “sẽ sống ra sao nếu xóm làng biết chuyện”? Tất cả mọi hi vọng của bà đều trông vào đứa con gái duy nhất là Hạnh. Nhưng số phận, cảnh ngộ của Hạnh cũng chẳng suôn sẻ gì. Hạnh và Nghĩa yêu nhau, vượt qua được mối thù truyền kiếp cũng như lời nguyện độc địa giữa hai dòng họ, làm đám cưới đời sống mới tại sân hợp tác xã. Họ hàng hai bên chẳng có một ai, đêm tân hôn màn trời chiếu đất. Sau đó Nghĩa lên đường đánh giặc, Hạnh đã chờ đợi dằng dặc 10 năm nhưng khi Nghĩa trở về thì mối tình ấy lại dang dở chỉ vì hai vợ chồng Hạnh không thể có con. Trong một đêm tuyệt vọng và đau đớn, Hạnh đã tìm đến Nguyễn Vạn. Kết quả của đêm ấy là Hạnh có thai với Nguyễn Vạn rồi bỏ làng ra đi. Và những thiếu nữ xinh đẹp như Cúc, Thắm cũng có cuộc tình cay đắng... Kết truyện, Hạnh đưa con gái trở về tìm cha với mong muốn có một mái ấm gia đình và bù đắp cho nỗi cô đơn, khốn khổ của Nguyễn Vạn. Nhưng Nguyễn Vạn đã tìm đến cái chết trong niềm xót thương, day dứt của người làng Đông.*

*Đoạn trích thuộc phần đầu chương 20 tiểu thuyết “Bến không chồng”*

“... Hạnh chợt tỉnh giấc. Chưa bao giờ Hạnh lại khao khát có con như lúc này. Nỗi khao khát thường cuộn lên vào ban đêm làm Hạnh thức giấc liên tục. Nhất là từ hôm Hạnh nhận được thư Nghĩa gửi về hỏi “Em đã có gì chưa?” Và anh báo tin đơn vị anh sắp phải hành quân lên biên giới Lạng Sơn. Tình hình chiến sự ở vùng biên giới Lạng Sơn, Quảng Ninh khá căng. Hạnh không ngờ vừa mới hoà bình được vài ba năm, chiến tranh lại đe dọa. Nỗi hoang mang lo sợ đè nặng trong tâm trí Hạnh. Hạnh mòn mỏi đi trong căn phòng mới xây

còn hơi mùi vôi vữa. Hạnh cứ thao thức vắn vơ “Giá mình có được đưa con mọi việc sẽ khác”. Khi thiếp đi những giấc mơ lại ập đến. Hạnh thấy bơ vơ trên cõi đời này, đi đến đâu cũng bị ông Xung xua đuổi “Cút đi, mày là loài yêu tinh quỳn rũ thằng Nghĩa. Mày làm cho gia đình bà Khiên tuyệt tự, mày làm cho cả họ Nguyễn suy sụp. Mày...”. Hạnh hét lên “Không! Tôi không phải yêu tinh. Tôi là Hạnh, con gái mẹ Nhân. Bố tôi, anh Hà, anh Hiệp đều là liệt sĩ. Hạnh vừa hét vừa chạy ra cánh đồng lúa chín vàng óng “Mắt cô tiên” hiện ra trong leo lẻo trước mặt Hạnh. Câu chuyện cụ Nghiên kể ngày nào lại hiện lên trong tâm trí Hạnh. Hạnh cởi hết quần áo nhảy xuống hồ mắt tiên để giải oan. “Không phải tôi là yêu tinh, tôi là Hạnh, con mẹ Nhân. Tôi bị oan...”.

– Mày kêu gào gì mà khiếp thế hả?

Tiếng bà Khiên gọi làm Hạnh tỉnh giấc.

– Mẹ đấy à? Không có chuyện gì đâu ạ. Con mơ ngủ.

Giấc mơ hãi hùng làm Hạnh không sao ngủ lại được. Trời đã sắp sáng. Bà Khiên lục sục dậy nấu cơm. Qua ô cửa sổ Hạnh nhìn thấy mẹ chồng lặng lẽ mò mẫm ngoài vườn hái rau ngót. Hồi này Hạnh nhận ra mẹ chồng cũng già đi và đôi với Hạnh cũng hơi khang khác. Hạnh thấy thỉnh thoảng mẹ lại hay lén nhìn Hạnh, thờ dài. Không hiểu mẹ lo Nghĩa sắp phải lên biên giới hay lo Hạnh không có con. Thế mới biết sức chịu đựng con người cũng có giới hạn. Mẹ cũng chỉ là dâu họ Nguyễn như Hạnh. Những tháng năm Nghĩa đi xa, Hạnh đã chứng kiến bao nỗi khổ đau của mẹ. Giờ đây nhìn nét mặt rầu rầu của mẹ, Hạnh không sao chịu nổi.

Hạnh nằm lặng trên giường nghe rõ tiếng chân mẹ đi lại, tiếng bát đĩa khua lách cách. Mẹ đã dọn cơm xong và đứng bên giường Hạnh. Hạnh nghe rõ cả tiếng thờ dài của mẹ.

– Tao dọn xong cơm rồi, dậy mà ăn cho nóng.

– Con mệt lắm, mẹ cứ ăn cơm trước.

Mẹ lặng lẽ ra khỏi buồng. Sự im lặng triền miên như đang chờ đợi điều gì đó sắp xảy ra. Hạnh cảm nhận rõ sẽ có tai họa đợi xuống đầu Hạnh. Từ ngày Hạnh được ở ngôi nhà mới này, dân làng Đông và người trong họ Nguyễn nhìn Hạnh không còn đăm thắm như xưa. Hạnh khiếp sợ những ánh mắt lạnh lùng và những lời dị nghị “Bà thiếu tá phu nhân họ Nguyễn bị điếc”. Cứ nghĩ đến những lời rủa cay độc ấy Hạnh lại thấy rã rời và chìm ngimm trong ảo ảnh.

Thấy cổ khô rát, Hạnh cố gượng dậy uống nước. Mẹ đã đi đâu, nhà vắng ngắt. Mâm con trên bàn còn nguyên vẹn, niêu cơm mới chỉ khoét vài thìa cho con mèo. Chú mèo ăn no nằm trước cửa mắt tròn xoe nhìn Hạnh. Hạnh có cảm giác sợ hãi cả thứ ánh sáng chói rục lên trên mảnh vườn trước cửa. Hạnh kéo sập cánh cửa rồi lại vào giường nằm.

Căn buồng còn lại một thứ ánh sáng nhờ nhờ từ lỗ thông gió lọt vào hắt lên mảng trần giống như vòm trời bé con xám đục vây bọc lấy tấm thân đang run rẩy của Hạnh. Con sốt đang hầm hập thiêu cháy cơ thể, Hạnh cảm giác cả căn phòng bé nhỏ này cũng đang tan rữa ra thành tro bụi...

Chả lẽ đây là kết quả cuối cùng của mối tình say đắm cuồng nhiệt của Hạnh với Nghĩa. Hạnh cố níu kéo lại những kỉ niệm về Nghĩa bằng sức lực còn sót lại trong cơ thể đã cạn kiệt khô gầy của mình.

Chợt Hạnh nghe có tiếng xe rì rầm từ xa. Nghĩa được về thật sao? Đã từ lâu mỗi lần có tiếng xe con về làng, tim Hạnh lại đập rộn lên. Tiếng xe mỗi lúc nghe gần hơn. Hạnh vùng

dậy mở toang cánh cửa sổ. Chiếc xe quen thuộc đã lao vào công đờ xích giữa sân. Dáng Nghĩa vẫn cao lớn, quân hàm đỏ rực ve áo. Anh gỡ vôi gót giày trên bậc thềm gạch. Hạnh vuốt vôi mái tóc, lập cập ra mở cửa. Nghĩa lao vào đứng sững trước mặt Hạnh:

– Ôi! Em ốm sao?

– Em chỉ hơi đau đầu một chút.

– Mẹ đi đâu hả em?

– Em cũng không hiểu mẹ chạy đâu đấy.

Hạnh bê vôi mâm cơm xuống bếp, rồi mời người lái xe vào nhà uống nước. Người lái xe đang say sưa nhìn ngắm ngôi nhà của thủ trưởng.

– Anh chị cứ tự nhiên. Anh lái xe cười. Tôi loăng quăng đi dạo chút cho mát.

Nỗi thất vọng của Nghĩa lộ rõ trong ánh mắt. Hạnh nhận ra hết. Hạnh thấy xót xa nhào vào lòng Nghĩa khóc rung rức.

(...)

Nghĩa về giữa buổi, làng xóm vắng teo, người lớn đi làm đồng, chỉ còn mấy đứa trẻ quanh quẩn bên chiếc xe con ngó nghiêng. Nghĩa men theo bờ ao sang ông Xung và thấy mẹ ở đó. Chú Xeng và mẹ đang thì thào chuyện gì đấy.

– Tao nói rõ là thiêng. Chú Xeng vỗ đùi “bốp” một cái khi nhìn thấy Nghĩa. Có mẹ mà chứng kiến, tao vừa nhắc tới mà xong.

– Nghĩa về đây hả con. Mẹ ngược cặp mắt lo âu nhìn Nghĩa. Có mà về lúc này thật may. Vợ mà cũng ốm, ông Xung đã mấy ngày nay cũng chẳng ăn uống gì được. Nghĩa ơi, mẹ... mẹ lo quá, biết đâu tai hoạ sẽ xảy ra. Tao thấy con Hạnh nhiều lúc nó như người ngớ ngẩn, tao chỉ sợ nó lại mắc bệnh giống căn bệnh của ông và chú Xeng xưa.

Ông Xung nằm co quắp trên giường khê đưa cặp mắt mệt mỏi nhìn Nghĩa, Nghĩa quên hết mọi mặc cảm đối với ông, anh cảm thấy như chính mình đã gây nên mọi chuyện.

– Anh ngồi xuống đây, tôi nói với anh câu chuyện. Chú Xeng kéo chiếc điều bát vào lòng liếc mắt nhìn hai mẹ con Nghĩa, giọng chú trầm lắng xuống. Anh cứ đi biệt việc nước, nên chẳng hiểu việc nhà ra sao. Bố anh mất rồi, việc gia tiên anh phải có bổn phận gánh vác. Anh phải chủ động giải quyết tình thế bế tắc của vợ chồng anh hiện nay để mẹ anh khỏi rầu lòng. Xin phép anh cho tôi được nói thẳng thế này. Anh còn sống với con Hạnh ngày nào, mẹ con anh còn khỏe, con Hạnh cũng chẳng bao giờ có con được. Chuyện này đã rõ như ban ngày. Anh nên nghĩ cả đến tương lai của anh, của gia đình, họ tộc.

– Cám ơn chú đã cho một lời khuyên. Nghĩa nói. Bây giờ chưa phải là lúc cháu lo chuyện đó. Mẹ về đi, con chỉ tranh thủ về được vài tiếng.

– Ấy là tôi cũng nói thế. Chú Xeng xoa dịu – Chuyện đó là tùy anh.

Hai mẹ con ra đến ngõ, mẹ níu áo Nghĩa:

– Nghĩa ơi con cũng phải cân nhắc cho kĩ lời chú Xeng nói. Mẹ cũng không ghét bỏ gì con Hạnh. Nhưng tương lai của con không thể mãi thế này được.

Xưa nay Nghĩa chưa bao giờ dám nghĩ đến chuyện phụ bạc Hạnh. Nghĩa không ngờ tình cảnh vợ chồng anh lại đi vào ngõ cụt...

(Trích *Bến không chồng*, NXB Văn hoá – Thông tin, 2015)

### Chú thích:

1. Nhà văn Dương Hương sinh năm 1949, quê quán Thái Thụy, Thái Bình, sinh sống tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ông bắt đầu viết văn từ năm 1985 và là một trong những gương mặt tiêu biểu của văn học Việt Nam thời kì đổi mới, hiện nay ông là Chủ tịch Hội đồng văn xuôi Hội Nhà văn Việt Nam. Những tác phẩm chính của ông là: Tập truyện ngắn *Gót son*, NXB Công an, năm 1989; tiểu thuyết *Bến không chồng*, NXB Hội Nhà văn, năm 1990; tiểu thuyết *Trần gian người đời*, NXB Thanh niên, năm 1992; tập truyện ngắn *Người đàn bà trên bãi tắm*, NXB Văn học, năm 1995; tuyển tập truyện ngắn *Bóng đêm mặt trời*, NXB Văn học, năm 1998; tập truyện ngắn *Bến khách*, NXB Trẻ, năm 2018; tiểu thuyết *Dưới chín tầng trời*, NXB Hội Nhà văn, năm 2007. Nhà văn Dương Hương được nhận nhiều giải thưởng về văn học nghệ thuật: Giải thưởng Văn nghệ Hạ Long (*Người đàn bà trên bãi tắm*, *Dưới chín tầng trời*); Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (*Bến không chồng*); Giải thưởng Văn nghệ Quân đội (*Đêm trắng*); Đặc biệt, ông được nhận Giải thưởng Nhà nước vào năm 2016 (*Bến không chồng*).

2. Nhà văn Dương Hương viết *Bến không chồng* khi ông đang công tác tại Hải quan Quảng Ninh, ra mắt bạn đọc lần đầu tiên năm 1990. Tác phẩm gồm 25 chương, góp một cái nhìn chân thực về thời kì hậu chiến, được đánh giá là tiểu thuyết xuất sắc của nhà văn Dương Hương và được dịch ra nhiều thứ tiếng như: Pháp, Ý, Đức, Anh; được đạo diễn Lưu Trọng Ninh hai lần chuyển thể thành phim (lần đầu là phim nhựa *Bến không chồng*, lần thứ hai là phim truyền hình *Thương nhớ ở ai*). Gần đây tiểu thuyết này được chuyển thể sang sân khấu do Nhà hát kịch Việt Nam và Hiệp hội các nhà sản xuất chương trình biểu diễn Hàn Quốc (KAPAP) cùng dàn dựng, biểu diễn tại Hàn Quốc và Việt Nam.



1. Nêu hiểu biết khái quát về nhà văn Dương Hương và tiểu thuyết *Bến không chồng*.
2. Đoạn trích được chia làm mấy phần? Lập sơ đồ về mối quan hệ giữa các nhân vật trong đoạn trích trên.
3. Nguyên nhân nào tác động đến cảm xúc, tâm trạng của các nhân vật trong đoạn trích? Hãy lựa chọn và phân tích tâm trạng của một nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc đối với em.
4. Cách kể chuyện của tác giả có gì đáng chú ý? Phân tích sự độc đáo hoặc nét đặc sắc của một trong các yếu tố nghệ thuật đó.
5. Qua đoạn trích, tác giả đã phản ánh về cuộc sống sau chiến tranh như thế nào? Giá trị của sự phản ánh đó là gì?

### Khuyến khích học sinh

- Sưu tầm một bài viết (nghiên cứu, phê bình) về tác phẩm, tác giả hoặc giai đoạn văn học hiện đại Quảng Ninh.
- Sáng tác thơ, truyện ngắn, tản văn, tùy bút... để làm phong phú thêm kho tàng văn học của tỉnh.

## 2

# CHIẾN KHU TRẦN HƯNG ĐẠO TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

- *Nêu được những cơ sở ra đời và hoạt động tiêu biểu của Chiến khu Trần Hưng Đạo.*
- *Trình bày được những nét chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Chiến khu Trần Hưng Đạo.*



Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, tỉnh Quảng Ninh là một trong những trung tâm cách mạng của cả nước. Năm 1945, Chiến khu Trần Hưng Đạo được thành lập ở huyện Đông Triều (Đệ tứ Chiến khu). Hình ảnh dưới đây là chùa Bắc Mã (Phúc Chí tự) là một ngôi chùa cổ tại huyện Đông Triều. Thời kì tiền khởi nghĩa, chùa Bắc Mã từ một cơ sở liên lạc đã trở thành trung tâm của Chiến khu cách mạng Đông Triều. Với giá trị lịch sử văn hoá, năm 1994 chùa Bắc Mã đã được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia.

? *Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về Chiến khu Trần Hưng Đạo. Là người con của quê hương Quảng Ninh, em sẽ làm gì để bảo tồn và phát huy các giá trị những di tích lịch sử ở Chiến khu Trần Hưng Đạo?*



Hình 2.1. Chùa Bắc Mã



## 1. Cơ sở hình thành và những hoạt động tiêu biểu của Chiến khu Trần Hưng Đạo

### a) *Cơ sở và sự thành lập của Chiến khu Trần Hưng Đạo*

*Thứ nhất, tình hình xã hội Quảng Ninh trước ngày phát xít Nhật đảo chính*

Trước ngày phát xít Nhật đảo chính lật đổ thực dân Pháp trên toàn Đông Dương (9-3-1945), nhân dân tỉnh Quảng Ninh sống trong cảnh ngột ngạt, đói khổ. Ở huyện Yên



Hung, các “Đội danh dự vũ trang” được thành lập; công tác tuyên truyền vận động cách mạng ở Khu mỏ Hòn Gai – Cẩm Phả được đẩy mạnh. Công nhân mỏ đã ở tư thế sẵn sàng nổi dậy, chuẩn bị mọi mặt tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Tháng 3-1945, tại Móng Cái đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ thị: *Phải gấp rút xây dựng cơ sở, đẩy mạnh công tác binh vận và đặc biệt phải nhanh chóng hình thành lực lượng vũ trang, để đón thời cơ nổi dậy khởi nghĩa.*

#### *Thứ hai, hoạt động của Mặt trận Việt Minh ở Quảng Ninh*

Ở Đông Triều, quần chúng tham gia vào các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh như ở các làng Bắc Mã, Hồ Lao, Đạm Thủy, Mạo Khê... các tầng lớp thanh niên tự vũ trang, luyện tập quân sự, tuần tra canh gác, chống bọn phi, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Các hoạt động tuyên truyền vũ trang ngày càng được mở rộng như: rải truyền đơn, căng biểu ngữ, dán cáo thị ở bến đò, bến xe... Ngoài ra, lực lượng tự vệ ở huyện Đông Triều còn trừng trị đích đáng những tên Việt gian, cường hào, ác bá. Nhờ đó, khí thế cách mạng của quần chúng lên cao.

Việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng ngày càng cấp thiết, làm đòn bẩy cho cao trào cách mạng của quần chúng. Đến cuối tháng 5-1945, tại chùa Bắc Mã (Đông Triều), lực lượng vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh được thành lập bao gồm lực lượng du kích ở các làng Bắc Mã, Hồ Lao, Đạm Thủy... cùng 16 binh sĩ yêu nước đồn Cửa Ông và 3 thủy thủ tàu Buốcđe được tổ chức thành đội du kích tập trung dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Bình, người sau này được Bác Hồ phong quân hàm Trung tướng. Lực lượng vũ trang là chỗ dựa vững chắc cho nhân dân nổi dậy khởi nghĩa ở nhiều nơi trong tỉnh.

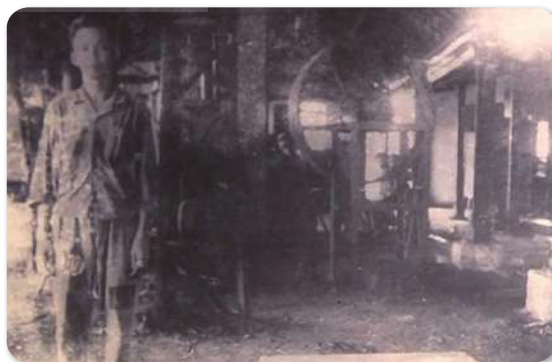
#### *Thứ ba, sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ*

Ngày 15-4-1945, Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ họp tại Hiệp Hoà, Bắc Giang đã quyết định xây dựng 7 chiến khu (chiến khu Lê Lợi, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Trần Hưng Đạo...), trong đó có thành lập chiến khu thứ tư ở vùng Đông Bắc lấy tên là chiến khu Trần Hưng Đạo (gồm các tỉnh Kiên An, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Yên, Móng Cái). Đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, Ủy viên Thường vụ Ủy ban Quân sự Cách mạng được giao nhiệm vụ chỉ đạo và thành lập chiến khu.

#### ***b) Hoạt động của Chiến khu Trần Hưng Đạo trước Cách mạng tháng Tám năm 1945***

Dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Hải Dương đã cử hai đồng chí là Tỉnh ủy viên và một số cán bộ, đảng viên đến các huyện Đông Triều, Chí Linh... triển khai việc lập chiến khu. Đến cuối tháng 5-1945, các đoàn thể cứu quốc ở Đông Triều được củng cố, các lực lượng vũ trang tăng nhanh, quần chúng cách mạng đã ở tư thế sẵn sàng. Chiến khu cách mạng Đông Triều được thành lập với trung tâm chiến khu là các làng Bắc Mã, Hồ Lao, Đạm Thủy, An Sinh.

Đêm 6-6-1945, Ban lãnh đạo khởi nghĩa họp tại chùa Bắc Mã, nhận định: điều kiện khởi nghĩa đã tới và quyết định ngày 8-6-1945, lực lượng vũ trang cùng nhân dân nổi dậy đánh chiếm các đồn Đông Triều, Mạo Khê, Trảng Bạch, Chí Linh (đồn Thiên)... rồi thành lập Chiến khu Trần Hưng Đạo.



*Hình 2.2. Xưởng sản xuất vũ khí đặt tại Đông Triều (1945)*

Sáng ngày 8-6-1945, khởi nghĩa bắt đầu trên một chiến tuyến dài 24km, dọc đường số 18. Ở Đông Triều, quân khởi nghĩa đã chiếm được công đường huyện, nhà bưu điện và nhiều công sở của địch. Phong trào phá kho thóc giải quyết nạn đói được đông đảo quần chúng tham gia, một số người Việt trong bộ máy cai trị của Nhật cũng ngã về cách mạng.

Ở Mạo Khê, dưới sự chỉ huy của Việt Minh và sự hỗ trợ của quân khởi nghĩa, công nhân mỏ nổi dậy khởi nghĩa chiếm kho vũ khí của bọn lính bảo an, nhà máy, bến cảng, công sở của bọn tay sai phát xít Nhật, Ủy ban quân sự cách mạng giám sát việc khai thác các mỏ.

Ở Tràng Bạch và Chí Linh, lực lượng vũ trang chiếm được đồn, sở chỉ huy, kho vũ khí, lấy kho thóc của Nhật chia cho nhân dân, kêu gọi nhân dân tham gia Mặt trận Việt Minh, đứng lên chống Nhật, cứu nước.

Sau khi bộ máy cai trị của Nhật và tay sai ở Đông Triều, Mạo Khê, Tràng Bạch và Chí Linh đã bị xoá bỏ, quân khởi nghĩa và nhân dân hoàn toàn làm chủ một vùng rộng lớn. Chiều ngày 8-6-1945, tại làng Hồ Lao (huyện Đông Triều), Chiến khu Trần Hưng Đạo (Đệ tứ Chiến khu) chính thức được thành lập. Ủy ban quân sự cách mạng được lập ra gồm bốn đồng chí Nguyễn Bình, Trần Cung và Hải Thanh và Nguyễn Hiền. Chiến khu đã trở thành chỗ dựa vững chắc và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ nhân dân vùng Đông Bắc đứng dậy chống Nhật, chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

### ***c) Cao trào kháng Nhật ở Chiến khu Trần Hưng Đạo***

Từ ngày 10 đến ngày 17-6-1945, quân Nhật tổ chức hai cuộc tiến công vào Chiến khu nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng. Lực lượng vũ trang của Chiến khu được sự hỗ trợ của quần chúng nhân dân đã giáng trả những đòn quyết liệt sau đó phân tán ra nhiều xã để hoạt động, các cuộc tiến quân của Nhật ở đây bị thất bại.

Đầu tháng 7-1945, quân khởi nghĩa đánh địch ở huyện Thanh Hà, Kinh Môn (nay thuộc tỉnh Hải Dương), Thủy Nguyên (nay thuộc Hải Phòng) và các đồn Uông Bí, Bí Chợ. Đặc biệt, bọn lính bảo an và lực lượng quân Nhật ở đồn Uông Bí bị tiêu diệt, quân địch ở khu mỏ Hòn Gai - Cẩm Phả bị uy hiếp. Trại thanh niên Đại Việt do quân Nhật chỉ huy bị thất



*Hình 2.3. Đình Hồ Lao, nơi diễn ra cuộc mít tinh tuyên bố thành lập Đệ tứ Chiến khu (8-6-1945)*



*Hình 2.4. Cờ đỏ sao vàng đầu tiên tung bay tại Quảng Yên sau ngày giải phóng ngày 20-7-1945*

bại, bọn Đại Việt ở Hải Phòng và Quảng Yên hoang mang, lo sợ. Sau những thắng lợi đó, quân khởi nghĩa trưởng thành nhanh chóng.

Đến giữa tháng 7-1945, thực hiện quyết định của Ủy ban quân sự cách mạng Chiến khu, đồng chí Nguyễn Bình trực tiếp chỉ huy các trung đội quân khởi nghĩa tiến từ Đông Triều, theo sông Kinh Thầy đánh tỉnh lỵ Quảng Yên. Đêm ngày 20-7, quân khởi nghĩa chiếm được trại bảo an binh. Lực lượng Việt Minh chiếm được dinh tỉnh trưởng, nhà kho bạc, bưu điện, phá nhà tù giải phóng những người bị địch giam giữ. Quân khởi nghĩa và lực lượng Việt Minh làm chủ được tỉnh lỵ Quảng Yên. Chiến thắng tỉnh lỵ Quảng Yên là chiến thắng lớn, đầu tiên ở Chiến khu Trần Hưng Đạo có sự phối hợp của lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị quần chúng nhân dân. Đây cũng là tỉnh lỵ đầu tiên của cả nước mà quân cách mạng chiếm được trong thời kì tiền khởi nghĩa.

Cùng với thắng lợi ở Đông Triều, Mạo Khê, Tràng Bạch, Uông Bí, thắng lợi ở tỉnh lỵ Quảng Yên có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào khởi nghĩa vũ trang ở vùng Đông Bắc, tạo ra những nhân tố thuận lợi tiến tới cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 trên toàn quốc.



1. Nêu những cơ sở hình thành Chiến khu Trần Hưng Đạo ở Quảng Ninh.
2. Trình bày những hoạt động chủ yếu của Chiến khu Trần Hưng Đạo trong cao trào kháng Nhật ở Quảng Ninh. Theo em, sự ra đời và hoạt động của Chiến khu có ý nghĩa gì?

## 2. Chiến khu Trần Hưng Đạo trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Ngày 17-8-1945, một cuộc mít tinh lớn đã được tổ chức tại bến ô tô Uông Bí. Ủy ban nhân dân cách mạng Uông Bí được thành lập. Ngày 24-8-1945, chính quyền cách mạng ở tỉnh lỵ Quảng Yên được thành lập, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Yên ra mắt nhân dân và công bố các chính sách của Mặt trận Việt Minh, tên tri huyện Yên Hưng bị chính quyền cách mạng xử tử. Đến cuối tháng 8-1945, chính quyền cách mạng được thành lập ở các huyện Yên Hưng, Cát Hải, Cát Bà.

Tại Hòn Gai và nhiều nơi ở biên giới, quân Trung Hoa Dân quốc đã lục tục kéo vào giải giáp quân đội Nhật. Song chúng lợi dụng danh nghĩa quân Đồng minh để đánh chiếm các địa phương trong tỉnh. Lực lượng vũ trang Chiến khu Trần Hưng Đạo cùng nhân dân các địa phương đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quân Trung Hoa Dân quốc, thành lập chính quyền cách mạng.

Ở Hòn Gai, đêm 25-8-1945, một đơn vị quân từ Chiến khu Trần Hưng Đạo tiến về Hòn Gai, chuẩn bị kế hoạch khởi nghĩa theo sách lược mềm dẻo, ít đổ máu với bọn Việt Cách là tay sai của Trung Hoa Dân quốc. Tuy nhiên, do tính chất ngoan cố của địch, nên đến chiều ngày 26-8, một cuộc mít tinh có vũ trang của công nhân mỏ và nhân dân lao động Hòn Gai mới giành thắng lợi, Ủy ban nhân dân cách mạng Hòn Gai được thành lập.



Hình 2.5. Tranh “Công nhân Vùng mỏ giành chính quyền” của họa sĩ Nguyễn Hoàng trưng bày tại Bảo tàng Quảng Ninh

Ở Cẩm Phả, ngày 27-9-1945, một đơn vị quân giải phóng và một số cán bộ Việt Minh từ Hòn Gai kéo về Cẩm Phả, tổ chức cuộc mít tinh và tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Cẩm Phả. Sau đó, chính quyền thành lập ở Cửa Ông (nay thuộc thành phố Cẩm Phả) trừ đảo Vạn Hoa và Cô Tô. Ở các huyện miền Đông của Hải Ninh, quân giải phóng Chiến khu Trần Hưng Đạo phối hợp cùng nhân dân tiến công quân Trung Hoa Dân quốc. Giữa tháng 10-1945, Tiên Yên được hoàn toàn giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Tiên Yên được thành lập. Từ ngày 18-11 cho đến cuối tháng, chính quyền cách mạng thành lập ở huyện Đình Lập (nay thuộc tỉnh Lạng Sơn), huyện Bình Liêu. Cuối tháng 1-1946, chính quyền cách mạng được thành lập ở huyện Đầm Hà.

Ở Móng Cái, tháng 4-1946, lực lượng vũ trang chính quy cùng dân quân du kích tiến từ Tiên Yên, Đầm Hà ra Móng Cái nhằm tiêu diệt quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai của chúng, được sự ủng hộ của nhân dân, tháng 7-1946, huyện Móng Cái hoàn toàn được giải phóng, chính quyền cách mạng được thành lập.

Như vậy, cuộc đấu tranh thành lập chính quyền cách mạng ở Hải Ninh, Quảng Yên và Đặc khu Hòn Gai là cuộc đấu tranh cách mạng liên tục chống lại phát xít Nhật, quân Trung Hoa Dân quốc và các thế lực tay sai của chúng. Do đó, thắng lợi không đồng đều giữa các địa phương, thậm chí có nơi chính quyền cách mạng chưa được thành lập. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Hải Ninh, Quảng Yên và Đặc khu Hòn Gai thể hiện tinh thần đấu tranh kiên quyết của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong tỉnh, đưa nhân dân các dân tộc nơi đây trở thành người làm chủ quê hương, đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

**?** *Nêu những thắng lợi tiêu biểu của Chiến khu Trần Hưng Đạo trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.*



1. Đọc thông tin, quan sát các hình ảnh trong bài để hoàn thành bảng hệ thống kiến thức theo mẫu sau:

Nội dung	Thành lập lực lượng vũ trang	Thành lập Chiến khu Trần Hưng Đạo	Cao trào kháng Nhật ở Chiến khu Trần Hưng Đạo
Chủ trương	?	?	?
Sự kiện tiêu biểu	?	?	?
Ý nghĩa	?	?	?

2. Em hãy nêu đặc điểm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc đấu tranh giành chính quyền của nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh từ tháng 8-1945 đến trước ngày cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (19-12-1946).



1. Em hãy sưu tầm hình ảnh và giới thiệu về Chiến khu Trần Hưng Đạo.
2. Hãy nghiên cứu và giới thiệu về một trong những di tích lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ninh.

# 3

## BẢO VỆ BIÊN GIỚI

- Trình bày được những nét chính về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới năm 1979 của nhân dân Quảng Ninh.
- Nêu được địa điểm, ý nghĩa sự kiện cắm cột mốc đầu tiên trên biên giới Việt – Trung (mốc giới mang kí hiệu 1369).
- Giới thiệu được những địa phương đường biên giới Việt – Trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.



Hình ảnh Sa Vĩ - một vùng địa đầu Tổ quốc gợi cho em liên tưởng đến không gian nào của tỉnh Quảng Ninh? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về một sự kiện đã diễn ra trên vùng đất địa đầu Tổ quốc trong khoảng thời gian từ năm 1979 trở đi.



Hình 3.1. Sa Vĩ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái



### 1. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới năm 1979

Quảng Ninh là tỉnh duy nhất trong 7 tỉnh biên giới giáp Trung Quốc có cả biên giới trên bộ và trên biển. Đường biên giới trên đất liền có các huyện Bình Liêu, Hải Hà và thành phố Móng Cái tiếp giáp huyện Phòng Thành và thị trấn Đông Hưng (Quảng Tây, Trung Quốc); Vùng biên giới hải đảo có các huyện Vân Đồn (đảo Hạ Mai, xã Ngọc Vũng) và vùng hải đảo của thị xã Móng Cái (mũi Sa Vĩ, xã Trà Cổ).

Quảng Ninh có 43 dân tộc anh em như: người Kinh, Dao, Tày, Hoa... Trong đó, người Hoa có khoảng 16 vạn người, gần 1/3 lao động trong ngành than, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nông nghiệp... Đây là những lao động có kinh nghiệm, chiếm số đông ở một số địa phương.

Từ tháng 5-1978, Trung Quốc dựng lên sự kiện “nạn kiều”, thực chất là dụ dỗ, đe dọa, lần lượt cưỡng ép hàng vạn người Hoa đang sống yên ổn ở Quảng Ninh về nước. Sự kiện đó gây xáo trộn cho các ngành kinh tế, các vấn đề xã hội của nhân dân Quảng Ninh gặp khó khăn, thậm chí xảy ra sự hỗn loạn và xung đột ở các cửa khẩu Hoành Mô (thuộc huyện Bình Liêu), cửa khẩu Bắc Luân (thuộc Móng Cái).

Trước những thử thách cam go, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã bình tĩnh, tin tưởng và đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã tập trung xây dựng các làng xã, xí nghiệp, công trường thành những điểm tựa, pháo đài sẵn sàng bảo vệ biên giới.

Lực lượng dân quân tự vệ được trang bị tương đối hiện đại, có pháo cao xạ, pháo mặt đất, súng bộ binh loại hiện đại như: AK47, RPD, cối 60... Tỉnh cũng chú trọng củng cố các lực lượng bảo vệ chủ quyền trên biển. Các đơn vị tự vệ trong ngành đánh bắt hải sản được trang bị vũ khí và phương tiện thông tin hiện đại, kế hoạch đánh bắt gắn với tuần tra bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Ngày 17-2-1979, quân Trung Quốc bất ngờ tấn công toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Tại Quảng Ninh, chúng tiến công vào khu vực Pò Hèn – Thán Phún (Hải Ninh), Quảng Đức (Quảng Hà), Đồng Văn, Hoành Mô (Bình Liêu).

Mặc dù chỉ có lực lượng công an nhân dân vũ trang (nay là bộ đội biên phòng), bộ đội địa phương và dân quân du kích, nhưng đã đánh lui được toàn bộ các đợt tiến công của lực lượng quân chính quy và quân các tỉnh vùng núi ở bên kia biên giới với số lượng đông gấp nhiều lần. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương của Tổ quốc đã xuất hiện những tập thể và cá nhân anh hùng như Đại đội 6 Công an vũ trang, liệt sĩ Hoàng Thị Hồng Chiêm, Anh hùng Đỗ Chu Bỉ, Đỗ Sĩ Hoạ...

Sau sự kiện ngày 17-2-1979, cả tỉnh Quảng Ninh chiến đấu với tinh thần *tất cả để bảo vệ Tổ quốc với khí thế của Bạch Đằng – Vân Đồn lịch sử*. Hàng vạn thanh niên đã lên đường xây dựng trận tuyến bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979. Không ngại hi sinh và gian khổ, các đội thanh niên xung kích đã đào hàng trăm kilômét hào chiến đấu, dựng hàng ngàn ụ phòng ngự xây dựng hàng trăm điểm tựa.



Hình 3.2. Trong hầm pháo của các chiến sĩ bảo vệ biên giới phía Bắc



Hình 3.3. Thiếu nhi huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên) vót chông gửi ra biên giới đánh giặc

Phong trào làm chông sắt, chông tre để phòng ngự bảo vệ biên giới phía Bắc diễn ra rộng khắp trong các nhà máy, xí nghiệp, công trường, hợp tác xã và các địa bàn dân cư.

Thắng lợi của cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới của quân dân tỉnh Quảng Ninh đã trực tiếp khẳng định các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc luôn có sự cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với âm mưu mới của địch cũng như góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tạo dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc.



Hình 3.4. Đoàn văn công xung kích của thanh niên Quảng Ninh biểu diễn tại Pò Hèn

? *Nêu những nét chính về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới (1979) của nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh.*

## 2. Cắm mốc biên giới quốc gia Việt Nam – Trung Quốc trên địa phận tỉnh Quảng Ninh

Cột mốc biên giới gắn liền với chủ quyền quốc gia của mỗi dân tộc. Từ thế kỉ XIX, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tuyến biên giới đất liền tiếp giáp với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa có chiều dài 118,825 km giữa tỉnh Quảng Yên (nay là tỉnh Quảng Ninh) với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) đã được cắm những cột mốc biên giới. Việc cắm mốc biên giới Việt Nam – Trung Quốc được coi là một trong những biện pháp cần thiết để xây dựng vùng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và ổn định lâu dài cho nhân dân hai nước nói chung và đồng bào các dân tộc vùng biên giới Quảng Ninh nói riêng.

Ngày 30-12-1999, Việt Nam và Trung Quốc kí Hiệp ước biên giới trên đất liền. Theo đó, cột mốc đầu tiên mang số hiệu 1369. Cột mốc số 1369 (1) đặt trên bờ sông Bắc Luân phía Trung Quốc, còn cột mốc số 1369 (2) đặt trên bờ sông Bắc Luân phía Việt Nam. Lễ khánh thành cột mốc diễn ra vào ngày 27-12-2001. Cột mốc 1369 cao 2,2m, rộng 0,5m, chân mốc rộng 0,9m, làm bằng đá hoa cương, gắn Quốc huy Việt Nam và Trung Quốc. Sau lễ cắm mốc, đại biểu hai nước tham quan lẫn nhau.

Việc cắm cột mốc đầu tiên (số hiệu 1369) giúp hai nước Việt Nam – Trung Quốc xác định được đường biên giới rõ ràng trên đất liền, đặt nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị và ổn định lâu dài, hợp tác và phát triển toàn diện giữa hai nước.

Cột mốc biên giới 1369 ở Quảng Ninh góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị và toàn diện giữa Quảng Ninh và vùng tiếp giáp với Trung Quốc;



Hình 3.5. Lễ khánh thành cột mốc đầu tiên trên biên giới Quảng Ninh

tạo cơ sở để quản lý biên giới hiệu quả, giúp người dân dễ dàng nhận biết được đường biên giới, ngăn ngừa hiện tượng xâm canh, xâm cư biên giới; mở ra cơ hội mới, phát triển kinh tế, tăng cường giao lưu hữu nghị giữa hai vùng.

? Em hãy nêu nét chính việc cắm mốc giới đầu tiên ở Quảng Ninh mang số hiệu 1369.



1. Đọc thông tin, quan sát các hình ảnh trong bài để hoàn thành bảng hệ thống kiến thức theo mẫu sau:

Nội dung	Quảng Ninh với cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới năm 1979
Nguyên nhân	?
Sự kiện tiêu biểu	?
Ý nghĩa	?

2. Việc cắm mốc giới 1369 có ý nghĩa gì đối với tỉnh Quảng Ninh?



- Em hãy nghiên cứu bản đồ và xác định các địa danh biên giới tiếp giáp giữa Quảng Ninh với Trung Quốc.
- Tìm hiểu về các cột mốc biên giới đã được cắm tại Quảng Ninh. Với vai trò là một hướng dẫn viên du lịch, hãy thuyết minh thông tin về một cột mốc biên giới mà em đã tìm hiểu.



# 4

## BÁC HỒ VỚI NHÂN DÂN QUẢNG NINH

- Trình bày được thời gian, địa điểm và nội dung của 9 lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh.
- Giới thiệu được các điểm di tích, lưu niệm của những lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh.
- Đề xuất được một số giải pháp trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các điểm di tích, lưu niệm của những lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh.



Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới luôn quan tâm đến nhân dân các dân tộc và Người đã có 9 lần về thăm tỉnh Quảng Ninh. Những lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh là những sự kiện vô cùng quan trọng, là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh.

Sự kiện Bác Hồ về thăm Quảng Ninh đã được ghi dấu trong nhiều tác phẩm. Năm 1985, Viện Tư liệu phim Việt Nam (nay là Viện phim Việt Nam) và Sở Văn hoá thông tin (nay là Sở Văn hoá và Thể thao) tỉnh Quảng Ninh đã sản xuất phim tài liệu “Bác Hồ với Quảng Ninh”. Năm 2007, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh biên soạn, xuất bản sách “Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh”. Năm 2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh chỉ đạo thực hiện tập sách ảnh “Những hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quảng Ninh”, do Nhà xuất bản Thông tấn ấn hành, nhân kỉ niệm 50 năm Bác Hồ đi xa và cũng là 50 năm thực hiện Bản Di chúc của Người.

- ?
1. Sinh thời, Bác Hồ đã mấy lần về thăm Quảng Ninh? Tình cảm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh với Bác Hồ ra sao?
  2. Em đã biết đến điểm di tích, lưu niệm nào ghi dấu sự kiện Bác Hồ về thăm ở Quảng Ninh?



### 1. 9 lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh

• **Lần thứ nhất:** Ngày 24-3-1946, lần đầu tiên Hồ Chủ tịch tới vịnh Hạ Long. Bác đến từ Hà Nội bằng máy bay để hội đàm với Cao ủy Pháp tại Đông Dương là Đô đốc Đắc-giăng-li-ơ, người được Chính phủ Pháp ủy quyền ở Đông Dương, để thoả thuận tiếp một số điều khoản thực hiện Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946.

Trên máy bay, nhìn Khu mỏ và biển trời Đông Bắc, Bác nói với những người đi cùng: “Vùng mỏ của đất nước ta thật đẹp và giàu. Thợ mỏ của ta thật vô cùng anh dũng”.



Hình 4.1. Chủ tịch Hồ Chí Minh (áo trắng) cùng các quan chức của Chính phủ Pháp ở Đông Dương trên tuần dương hạm Emile Bertin

• **Lần thứ hai:** Từ ngày 3 đến 5-10-1957, Hồ Chủ tịch về thăm và làm việc với cán bộ, nhân dân Khu Hồng Quảng (nay là tỉnh Quảng Ninh). Ngày 3-10-1957, Bác làm việc với lãnh đạo Khu Hồng Quảng tại Bãi Cháy. Ngày 4-10-1957, Bác gặp gỡ, nói chuyện với nhân dân trong cuộc mít tinh tại sân vận động thị xã Hòn Gai. Ngày 5-10-1957, Bác tham quan vịnh Hạ Long, cùng tham gia đánh cá với bà con ngư dân. Trên đường đi, Bác thăm hang Đầu Gỗ và nói chuyện với đoàn cán bộ đi cùng về truyền thống đánh giặc giữ nước của cha ông ta trong lịch sử và trách nhiệm giữ gìn cảnh đẹp của thiên nhiên.

• **Lần thứ ba:** Từ ngày 29 đến 31-3-1959, Hồ Chủ tịch về thăm công nhân mỏ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Khu Hồng Quảng. Ngày 29-3-1959, Bác thăm Sở chỉ huy Trung đoàn 244 tại Bãi Cháy, sau đó Bác thăm vùng biển. Ngày 30-3-1959, Bác thăm công trường khai thác than Đèo Nai (Cẩm Phả). Tại công trường than Bác nói: *“Than ở vùng mỏ vào loại tốt nhất của thế giới. Cảnh của vùng mỏ vào loại kì quan của loài người. Các chú phải làm than cho tốt”*. Ngày 31-3-1959, Bác thăm đơn vị bộ đội trên đảo Hòn Rồng và đảo Tuần Châu.

• **Lần thứ tư:** Từ ngày 19 đến ngày 20-2-1960, Hồ Chủ tịch về thăm tỉnh Hải Ninh (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh). Ngày 19-2-1960, Bác đến thăm trường cấp I, II Móng Cái (nay là trường trung học phổ thông Trần Phú). Bác đứng ở bục giảng giáo viên trực tiếp kiểm tra bài của các cháu học sinh. Bác thăm hợp tác xã Soáy Nguồn, trại trồng cây ở xã Đoàn Tĩnh (nay là phường Hải Yên). Vào thăm xưởng gốm Dụ Phong (Móng Cái), Bác đã vẽ vào chiếc bát để đem nung. Ngày 20-2-1960, Bác nói chuyện với đồng bào Hải Ninh, Người căn dặn phải đoàn kết: *“Tỉnh Hải Ninh có nhiều dân tộc, đã sẵn có truyền thống đoàn kết, nay càng đoàn kết hơn nữa. Đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương giáo, đoàn kết Việt – Trung. Đoàn kết là sức mạnh, có sức mạnh thì làm gì cũng thành”*. Bác đã thăm các lực lượng chức năng làm việc tại Trạm Hải quan cửa khẩu Bắc Luân rồi đi bộ qua cầu sang Đông Hưng, Trung Quốc, thăm và chia quà cho các cháu tại một trường mầm non.



Hình 4.2. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với cán bộ, nhân dân khu Hồng Quảng tại sân vận động Hòn Gai, ngày 4-10-1957



Hình 4.3. Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm mỏ Đèo Nai, chiều ngày 30-3-1959



Hình 4.4. Đồng bào các dân tộc tỉnh Hải Ninh vui mừng chào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm, ngày 19-2-1960

- **Lần thứ năm:** Ngày 15-3-1961, Hồ Chủ tịch đưa bà Đặng Dĩnh Siêu, Chủ tịch Hội Phụ nữ Trung Quốc, phu nhân Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai tham quan vịnh Hạ Long bằng tàu hải quân. Trước đó, ngày 2-2-1961, bà Đặng Dĩnh Siêu đã dự Đại hội lần thứ III Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Trong chuyến tham quan này, Bác Hồ đã căn dặn các chiến sĩ hải quân khi Người thăm hang Đầu Gỗ: *“Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng. Ngày nay, ta có cả ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”*.



Hình 4.5. Chủ tịch Hồ Chí Minh và bà Đặng Dĩnh Siêu chụp ảnh cùng các chiến sĩ trên tàu hải quân, ngày 15-3-1961

- **Lần thứ sáu:** Từ ngày 8 đến ngày 9-5-1961, Hồ Chủ tịch thăm Móng Cái, Tiên Yên và đảo Cô Tô, tỉnh Hải Ninh. Ngày 8-5-1961, trên đường từ Hà Nội đi Móng Cái, máy bay đưa Bác dừng chân ở Trung đoàn 248 tại Tiên Yên, chiều Bác về Trà Cổ, Bác đã kéo lưới với ngư dân. Ngày 9-5-1961, Bác đáp máy bay từ Trà Cổ ra thăm đồng bào, chiến sĩ đảo Cô Tô. Bác đã đến thăm đồng muối, ruộng khoai đang đến mùa thu hoạch. Sau khi bới xem một bụi khoai, Bác khen khoai tốt, phù hợp với đất cát ở trên đảo. Nói chuyện với quân dân trên đảo, Bác căn dặn: *“Thủ đô Hà Nội tuy cách xa đảo, nhưng Đảng và Chính phủ luôn quan tâm tới đồng bào các đảo, mong đồng bào đoàn kết, cố gắng và tiến bộ. Nơi hiểm yếu không chỉ cần có súng lớn... mà cần phải có lòng trung với Đảng, hiếu với dân...”*.



Hình 4.6. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với hơn 2000 đồng bào, cán bộ, bộ đội đảo Cô Tô, ngày 5-9-1961

Sau chuyến thăm này, thể theo nguyện vọng của nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Bác Hồ đã đồng ý cho dựng tượng Người trên đảo Cô Tô và tượng đã được khánh thành vào ngày 22-5-1968.

- **Lần thứ bảy:** Từ 21 đến 22-1-1962, Hồ Chủ tịch và anh hùng vũ trụ Liên Xô (cũ) Ghéc-man Ti-tốp thăm Khu mỏ Hồng Quảng. Ngày 21-1-1962, Bác nói chuyện với nhân dân thị xã Hồng Gai về xây dựng đất nước ở Liên Xô và giới thiệu anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-tốp. Ngày 22-1-1962, Bác tham quan vịnh Hạ Long cùng với anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-tốp. Hòn đảo mà Bác và anh hùng vũ trụ lên thăm, Bác đặt tên là đảo Ti-tốp.



Hình 4.7. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng anh hùng vũ trụ Ghéc-man Ti-tốp trên tàu Hải Lâm tham quan vịnh Hạ Long, ngày 22-1-1962

• **Lần thứ tám:** Ngày 13-11-1962, Hồ Chủ tịch thăm quân dân đảo Ngọc Vũng, huyện Cẩm Phả (nay là huyện Vân Đồn), thăm quân cảng Vạn Hoa (xã Vạn Yên). Tại đảo Ngọc Vũng, Bác Hồ đã chia kẹo cho các em thiếu nhi. Nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ hải quân tại quân cảng Vạn Hoa, Bác Hồ căn dặn: *“Là chiến sĩ hải quân, các chú phải biết yêu quý đảo như nhà mình, chịu khó cải tạo xây dựng thành những mảnh đất vừa giàu, vừa đẹp, vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho đất nước”*.



Hình 4.8. Chủ tịch Hồ Chí Minh chia kẹo cho thiếu nhi Ngọc Vũng, ngày 13-11-1962

• **Lần thứ chín:** Từ ngày 1 và 2-2-1965, tức 30 Tết và mừng một Tết Ất Tỵ, Hồ Chủ tịch đã về ăn Tết với quân và dân tỉnh Quảng Ninh. Đây cũng là lần về thăm Quảng Ninh cuối cùng của Bác.

Tết Ất Tỵ là Tết sau một năm Khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh hợp nhất và được Bác đặt tên là tỉnh Quảng Ninh. Bác cùng các lãnh đạo tỉnh đón giao thừa tại Bãi Cháy. Sáng mừng một Tết (2-2-1965), Bác chúc tết đồng bào Quảng Ninh tại cuộc mít tinh đón Bác, địa điểm sân trường cấp 3 Hòn Gai. Người nói: *“Lần này về thăm, Bác rất vui lòng thấy đồng bào tiến bộ khá về mọi mặt. Việc hợp nhất hai tỉnh đã thành công tốt, cán bộ và đồng bào các dân tộc đoàn kết vui vẻ, hăng hái thi đua, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, quyết tâm xây dựng Quảng Ninh thành một tỉnh giàu mạnh”*. Bác đã tặng “Cờ thưởng luân lưu thi đua khá nhất” cho ngành Than. Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Thọ Chân đã dâng tặng Bác “Hòn than đầu tiên của kế hoạch khai thác năm 1965 vì miền Nam ruột thịt”.



Hình 4.9. Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc Tết nhân dân Quảng Ninh và tặng “Cờ thưởng luân lưu thi đua khá nhất” cho ngành Than, ngày 2-2-1965 (mùng 1 Tết)

Trên đường từ Hòn Gai về Uông Bí, Bác đã dừng chân ở đồi thông Yên Lập, xã Minh Thành, huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên). Tại xã Minh Thành, Bác đã chúc Tết gia đình ông bà Trần Mộc Sinh, dân tộc Hoa, ở thôn Khe Cát. Bác thăm, chúc tết nhân dân Uông Bí, công nhân công trường xây dựng Nhà máy điện Uông Bí. Trên đường về Hà Nội, Bác đã dừng chân tại trường cấp 2 xã Phạm Hồng Thái, nay là Trường Trung học cơ sở Hồng Thái Tây (thị xã Đông Triều).



1. Qua các lời căn dặn, Bác Hồ đã quan tâm tới nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh như thế nào?
2. Em hãy kể lại một chuyến thăm tỉnh Quảng Ninh của Bác Hồ.

## 2. Các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ tại Quảng Ninh

Quảng Ninh có 15 điểm di tích, lưu niệm những lần Bác Hồ về thăm (1 cấp Quốc gia đặc biệt, 1 cấp Quốc gia, 4 cấp tỉnh, 9 được kiểm kê), trải khắp 9/13 địa phương của tỉnh: Cẩm Phả (1); Cô Tô (1); Đông Triều (1); Hạ Long (2); Móng Cái (4); Quảng Yên (1); Tiên Yên (1); Uông Bí (1); Vân Đồn (3).

### • 01 di tích cấp Quốc gia đặc biệt

*Khu lưu niệm Bác Hồ trên đảo Cô Tô* (Gồm: Khu tượng đài Bác Hồ, Nhà trưng bày lưu niệm, Ao cá, Ruộng khoai, Cánh đồng muối). Lưu niệm những địa điểm Bác Hồ về thăm đảo Cô Tô (nay là huyện đảo Cô Tô) vào ngày 9-5-1961; xếp hạng Di tích Quốc gia ngày 7-5-1997, xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt ngày 18-1-2022.

### • 01 di tích cấp Quốc gia

*Di tích lịch sử địa điểm lưu niệm Bác Hồ về thăm mỏ than Đèo Nai ngày 30-3-1959* (Khai trường Công ty than Đèo Nai, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả); xếp hạng di tích Quốc gia 28-10-2016.

### • 04 di tích cấp tỉnh

+ *Di tích lưu niệm Bác Hồ trên đảo Ngọc Vừng (huyện Vân Đồn)*, nơi Bác Hồ thăm quân dân trên đảo ngày 13-11-1962; xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 01-10-2008.

+ *Di tích lưu niệm Bác Hồ xã Hồng Thái Tây (thị xã Đông Triều)*. Nơi ghi dấu sự kiện ngày 2-2-1965 (tức mùng 1 Tết Ất Tỵ), Bác Hồ đã về thăm trường phổ thông cấp II, gặp gỡ và nói chuyện với nhân dân; xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 23-1-2014.

+ *Di tích lưu niệm Bác Hồ tại phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái năm 1961*; xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 16-1-2017.

+ *Di tích lưu niệm sự kiện Bác Hồ về thăm Uông Bí năm 1965* (phường Trung Vương, thành phố Uông Bí); xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 16-1-2017.

### • 09 di tích được kiểm kê

+ *Di tích lưu niệm Bác Hồ* (Phòng 208, Khách sạn Hạ Long I, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long). Hiện trạng đã thay đổi (chưa rõ Bác Hồ nghỉ thời gian nào?); kiểm kê năm 1996.

+ *Di tích lưu niệm Bác Hồ* (Trường trung học phổ thông Hòn Gai, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long). Sự kiện diễn ra ngày 2-2-1965; kiểm kê năm 1996.

+ *Nơi Bác Hồ đến thăm* (Sân vận động thị xã Móng Cái trước đây). Đây là nơi Bác Hồ đứng nói chuyện vào ngày 20-2-1961. Hiện nay là khu vực sân bóng đá do UBND phường Hoà Lạc, thành phố Móng Cái quản lý; kiểm kê năm 1996.

+ *Địa điểm ghi dấu sự kiện Bác Hồ qua Trạm Hải quan cửa khẩu Bắc Luân (thành phố Móng Cái) thăm nhân dân Đông Hưng, Trung Quốc năm 1960*. Năm 2018 đã xây dựng Nhà lưu niệm Bác Hồ ở cửa khẩu Bắc Luân; kiểm kê năm 1995.

+ *Địa điểm lưu niệm sự kiện Bác Hồ thăm Móng Cái, tại thôn 3, xã Vĩnh Trung*. Được xây dựng từ năm 1967 để ghi nhớ sự kiện Bác Hồ về thăm Móng Cái năm 1961 và bày tỏ lòng kính yêu của nhân dân hai xã đảo Vĩnh Trung và Vĩnh Thực đối với Bác; kiểm kê năm 1996.

+ *Di tích Đồi thông Yên Lập* (thị xã Quảng Yên). Đây là nơi Bác Hồ dừng chân, hiện có nhà bia lưu niệm Bác Hồ; kiểm kê năm 1996.

+ *Di tích lưu niệm Bác Hồ*. Đây là nơi Bác Hồ dừng chân năm 1961. Năm 2016, Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 327 đã khánh thành nhà bia tưởng niệm Bác Hồ; kiểm kê năm 1996.

+ *Di tích lưu niệm Bác Hồ tại xã Vạn Yên*, nơi Bác Hồ về thăm 13-1-1962; kiểm kê năm 1996.

+ *Di tích Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển tại xã Vạn Yên*. Nơi đây Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm quân cảng Vạn Hoa ngày 13-1-1962. Đây chính là nơi xuất phát Đoàn tàu không số chi viện cho chiến trường miền Nam; kiểm kê năm 1996.

\* Ở Quảng Ninh, còn có các điểm Bác Hồ đã tới thăm chưa được kiểm kê di tích. Tại thành phố Hạ Long, Bác Hồ đã tham quan vịnh Hạ Long, trong đó có thăm hang Đầu Gỗ, lên đảo Ti-tốp, thăm đảo Tuần Châu, đảo Hòn Rồng.



3. Trong số các điểm di tích nêu trên, em đã được đến thăm những điểm nào?
4. Trong các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ tại Quảng Ninh, đâu là những điểm di tích, lưu niệm tại địa phương em, hoặc gần trường em học?

### 3. Bảo tồn, gìn giữ và phát huy các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ tại Quảng Ninh

Các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ tại Quảng Ninh là tài sản vô giá của nhân dân các dân tộc Quảng Ninh. Để bảo tồn, gìn giữ và phát huy các điểm di tích, lưu niệm này cần tiến hành các giải pháp sau:

- Tiến hành xem xét tiếp những nơi Bác Hồ tới thăm để lập hồ sơ kiểm kê; xếp hạng di tích đã kiểm kê; bảo tồn, gìn giữ các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ theo quy định của Luật Di sản văn hoá.
- Tiếp tục tổ chức sưu tầm, giới thiệu hình ảnh, tư liệu và hiện vật về Bác Hồ với nhân dân Quảng Ninh.
- Tổ chức các hoạt động, nhất là hoạt động ngoại khoá cho học sinh tại các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ để nhân dân, học sinh tri ân, tưởng nhớ công ơn Bác Hồ, tự nguyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- Xây dựng các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ tại Quảng Ninh thành điểm đến đối với nhân dân cùng du khách.



5. Để bảo tồn, gìn giữ và phát huy các điểm di tích, lưu niệm Bác Hồ tại Quảng Ninh, chúng ta cần tiến hành những công việc gì?



1. Nêu thời gian, địa điểm 9 lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh.
2. Em cho biết những lời căn dặn của Bác Hồ đối với chiến sĩ, công nhân, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh trong những lần Bác Hồ về thăm.
3. Liệt kê các di tích cấp Quốc gia đặc biệt, di tích Quốc gia, di tích cấp tỉnh ghi dấu những lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh.



1. Viết cảm tưởng về những lần Bác Hồ về thăm Quảng Ninh sau khi xem xong bộ phim tài liệu “Bác Hồ với Quảng Ninh”.
2. Em thấy cần phải làm gì để thực hiện lời căn dặn của Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh?

# 5

## QUẢNG NINH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

- *Tìm hiểu các chủ trương, chính sách, hoạt động của Quảng Ninh mở rộng quan hệ hợp tác, hướng ra khu vực và thế giới.*
- *Tìm hiểu cơ hội và tác động tích cực qua các hoạt động của Quảng Ninh với quốc tế: hoạt động về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, dịch vụ...*



Hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại, mở đường cho hợp tác phát triển của các quốc gia. Quảng Ninh là địa phương phát triển năng động của Việt Nam, đặc biệt trong đó là hội nhập quốc tế.

Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá, tính đến tháng 6-2022, tỉnh Quảng Ninh đã thiết lập quan hệ hữu nghị với 15 địa phương nước ngoài, có quan hệ kinh tế thương mại với trên 70 quốc gia, vùng lãnh thổ cùng với nhiều tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế.



*Hội nhập quốc tế đã góp phần cho Quảng Ninh năng động, phát triển như thế nào?*



### 1. Quảng Ninh chủ động mở rộng hợp tác, hướng ra khu vực và thế giới

#### 1.1. Chủ động, tích cực, sáng tạo triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá

Tỉnh Quảng Ninh tập trung hợp tác với các đối tác truyền thống: Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Vân Nam, Hải Nam (Trung Quốc), Hòa Phẫn, Luông Pha Băng, Xay Nhạ Bu Ly (Lào). Tỉnh tiếp tục triển khai hợp tác hữu nghị và hợp tác với các tỉnh Irkutsk (Nga), Karlovy Vary (Séc),...; củng cố và tăng cường các hoạt động hợp tác với các đối tác Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore. Đồng thời tỉnh mở rộng hoạt động giao lưu hợp tác tại các diễn đàn trong khối ASEAN; phát huy vai trò cửa khẩu quốc tế, cửa ngõ hợp tác trong Khu vực hợp tác “hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt – Trung và kết nối khu vực hợp tác ASEAN+3. Chủ động tìm kiếm và thiết lập quan hệ hợp tác cấp tỉnh với các địa phương có thể mạnh tương đồng thuộc các nước khu vực ASEAN, Đông Bắc Á, châu Âu, châu Mỹ nhằm thúc đẩy đầu tư, kết nối hàng không, thiết lập các tuyến du lịch, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng đô thị thông minh.



Hình 5.1. Ông Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ tịch nhóm nghị sĩ hữu nghị Việt – Nhật, Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam cùng các đối tác Nhật Bản và lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh dự toạ đàm thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư Quảng Ninh – Nhật Bản (năm 2017)



Hình 5.2. Đoàn cán bộ tỉnh Quảng Ninh dự lớp tập huấn quản lí hành chính công tại Trường Đại học Nam Dương, Singapore (năm 2014)

### 1.2. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tạo thể đan xen lợi ích trên địa bàn tỉnh và từng địa phương.

Quảng Ninh chủ động hình thành mối quan hệ chiến lược với các đối tác có uy tín, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới với các hình thức và mức độ phù hợp nhằm tạo thể đan xen về lợi ích và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

### 1.3. Tăng cường thông tin, tuyên truyền đối ngoại, tập trung quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người Quảng Ninh, Việt Nam

Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh chủ động hợp tác với các cơ quan báo chí – truyền thông của Trung Quốc (Tập đoàn Truyền thông Quảng Tây nhật báo, Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Tây) và Hàn Quốc (Đài Phát thanh Truyền hình Gangwon) để quảng bá về du lịch Quảng Ninh – Việt Nam, tổ chức Cuộc thi “*Tiếng hát hữu nghị Việt – Trung*”, thực hiện Tạp chí Hoa Sen in song ngữ Việt - Trung.



Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Quảng Ninh với 6 hội thành viên (Hội hữu nghị Việt – Nga; Việt – Trung; Việt – Pháp; Việt Nam – Ba Lan; Việt Nam – Thụy Điển; Việt Nam – Campuchia) góp phần quan trọng trong công tác tuyên truyền đối ngoại.

#### **1.4. Nâng cao năng lực hội nhập quốc tế cho các chủ thể là doanh nghiệp và người dân**

Năm 2012, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và thành lập Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, tạo bước đột phá trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Tỉnh Quảng Ninh thành lập *Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*, trong đó chú trọng các nhà đầu tư nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp của tỉnh chủ động tham gia hội chợ quốc tế như Hội chợ Trung Quốc – ASEAN, *Hội chợ thương mại, du lịch quốc tế Việt – Trung*.

Tỉnh thiết lập và duy trì quan hệ với các cơ quan xúc tiến đầu tư như Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KORCHAM), Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KCCI), Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EUROCHAM), Hiệp hội doanh nhân và đầu tư Việt Nam – Hàn Quốc (VKBIA), Tổ hợp KCN Deep C để nắm bắt tình hình xu hướng đầu tư, đồng thời trao đổi và cung cấp các tài liệu liên quan để xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh.

#### **1.5. Triển khai thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do**

Tỉnh Quảng Ninh đã chủ động thông tin, tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu kể từ khi Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh nắm vững các quy định đối với từng lĩnh vực hàng hoá cụ thể và các thông tin, hướng dẫn liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hoá sang các đối tác đã kí Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Việt Nam như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định khung về hợp tác kinh tế ASEAN – Trung Quốc và Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN – Trung Quốc để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)...

#### **1.6. Tăng cường hợp tác và hữu nghị với các địa phương của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác, phát triển**

Tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) cùng tham gia vào cơ chế hợp tác của Ủy ban công tác liên hợp (từ năm 2008) và Chương trình Gặp gỡ đầu xuân (từ năm 2016) với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc). Hoạt động đối ngoại nhân dân của các địa phương biên giới được đẩy mạnh, góp phần quan trọng xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Hiện nay, trên tuyến biên giới của tỉnh Quảng Ninh đã có 8 cặp (7 cặp bản – bản và 1 cặp xã – trấn) cụm dân cư hai bên biên giới tổ chức kết nghĩa và đi vào hoạt động. Các cơ quan chức năng hai bên tăng cường trao đổi công tác, giải quyết các vấn đề quản lý biên giới, bảo đảm thuận lợi cho hàng hoá xuất nhập khẩu, phòng, chống tội phạm, buôn lậu qua biên giới.



1. Nêu những chủ trương, chính sách, hoạt động của tỉnh Quảng Ninh mở rộng quan hệ hợp tác, hướng ra khu vực và thế giới.
2. Tỉnh Quảng Ninh đã có quan hệ hợp tác truyền thống với các địa phương nào của các nước Cộng hoà Nhân dân Trung Quốc và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

## 2. Cơ hội và tác động tích cực từ các hoạt động quốc tế của Quảng Ninh

### 2.1. Hoạt động ngoại giao kinh tế: Thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu

Tỉnh Quảng Ninh chú trọng thu hút vốn đầu tư theo hướng vận động các tập đoàn, công ty xuyên quốc gia của Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ, Trung Đông, châu Âu.

Tính đến cuối năm 2021, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 145 dự án FDI của các nhà đầu tư tới từ 20 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới<sup>1</sup> đang thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, với tổng vốn đầu tư đăng kí đạt khoảng 8,15 tỉ USD. Trong đó, có 85 dự án trên địa bàn các KCN, KKT với tổng vốn đầu tư đăng kí đạt 4,19 tỉ USD; 60 dự án ngoài KCN, KKT với tổng vốn đầu tư trên 3,96 tỉ USD. Lũy kế vốn đầu tư thực hiện ước đạt 5,82 tỉ USD, đạt 71,4% tổng vốn đầu tư đăng kí.

Tỉnh Quảng Ninh đặt ra mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 2,5-3 tỉ USD, giai đoạn 2026-2030 đạt 3-4,5 tỉ USD. Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu, tập trung vào các lĩnh vực: Du lịch, dịch vụ, bảo vệ môi trường; các ngành công nghiệp sản xuất có giá gia tăng cao (cơ khí chế tạo ô tô, xe máy, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, đóng tàu,...), công nghiệp điện, điện tử, vật liệu mới; sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng nông nghiệp hữu cơ, bền vững nhằm tận dụng cơ hội ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.



Hình 5.3. Đoàn các nhà đầu tư Nhật Bản khảo sát, tìm hiểu về Khu công nghiệp Sông Khoai tại thị xã Quảng Yên, ngày 16-12-2021

Tính đến năm 2020, thị trường xuất nhập khẩu của tỉnh Quảng Ninh mở rộng tới 80 quốc gia, vùng lãnh thổ, với 1.345 doanh nghiệp hoạt động. Tổng thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu giai đoạn 2011-2021 chiếm tỉ trọng 37% tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh.

Tỉnh Quảng Ninh có trên 15.000 người đang định cư, học tập, lao động và công tác ở nước ngoài. Hằng năm, lượng kiều hối có chiều hướng gia tăng, chủ yếu được chuyển về từ các nước Mỹ, Ô-x-trây-li-a, Canada, Anh, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc).

### 2.2. Hoạt động văn hoá đối ngoại: Nâng cao vị thế Quảng Ninh – Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập quốc tế

Hằng năm, tỉnh Quảng Ninh tổ chức một số sự kiện văn hoá có tính quốc tế trở thành sự kiện thường niên diễn ra tại tỉnh như: Lễ hội Hoa anh đào – Mai vàng Yên Tử, Lễ hội Carnival Hạ Long, Hội thi giao lưu hát đối hữu nghị Việt – Trung trên sông biên giới,...

<sup>1</sup> Trong số 20 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh, Hồng Kông dẫn đầu về số vốn đầu tư đăng kí; tiếp theo là Hoa Kỳ, Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE), Singapore, Indonesia, Bỉ, Trung Quốc đại lục, Thái Lan, Hàn Quốc, Xâ-y-sen, Anh,...

Đồng thời, tỉnh Quảng Ninh phối hợp tổ chức một số sự kiện quốc tế như: Cuộc thi Tiếng hát ASEAN+3, Liên hoan xiếc quốc tế – Hạ Long, Festival âm nhạc quốc tế – Hạ Long...

Quảng Ninh đã cử nhiều đoàn cán bộ đi nước ngoài giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm tại các nước. Cụ thể như tham gia các sự kiện văn hoá với với Quảng Tây, Hải Nam (Trung Quốc), Gangwon (Hàn Quốc), Luang Prabang (Lào), Cebu (Philippin), Nhật Bản,...

Tỉnh Quảng Ninh tăng cường mối quan hệ hợp tác truyền thống với các địa phương của Trung Quốc nhất là Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, trong đó chú trọng hoạt động giao lưu văn hoá của các địa phương biên giới hai bên. Các mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các nước (Nga, các nước SNG thuộc Liên Xô cũ và các nước ASEAN) tiếp tục duy trì. Việc tuyên truyền quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về củng cố mối quan hệ hữu nghị và hợp tác lâu dài giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã được chú trọng thực hiện.

Quảng Ninh tích cực tham gia các diễn đàn văn hoá khu vực như diễn đàn Tam giác di sản thế giới giữa ba tỉnh Quảng Ninh – Luang Prabang (Lào) – Udonthani (Thái Lan). Quảng Ninh còn hỗ trợ, tạo điều kiện cho các đoàn phóng viên, đoàn làm phim nước ngoài đến hoạt động tại tỉnh, đặc biệt là quảng bá hình ảnh vịnh Hạ Long với cộng đồng quốc tế.

### **2.3. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Tỉnh Quảng Ninh triển khai đề án phát triển nguồn nhân lực từ năm 2015 đến năm 2020, trong đó mời giảng viên nước ngoài đào tạo, bồi dưỡng trong nước 77 lớp, với 2.774 lượt cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng tại Singapore, Trung Quốc, New Zealand, Pháp, Mỹ, ... 54 lớp, với 1.261 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Từ năm 2012, mỗi năm Trường Đại học Hạ Long tiếp nhận khoảng 30 sinh viên Lào để học tiếng Việt, trước khi học chuyên ngành tại Việt Nam. Từ năm 2014, mỗi năm Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) dành cho tỉnh Quảng Ninh 25 suất học bổng đại học và sau đại học.

Nhiều dự án, chương trình được các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai hiệu quả, điển hình là: Chương trình dạy tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp tại Trường Tiểu học Hữu Nghị và Trường Trung học phổ thông Hòn Gai (thành phố Hạ Long); Trường Cao đẳng Việt – Hàn Quảng Ninh (thành phố Hạ Long) với giáo trình và đội ngũ giảng viên theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề Hàn Quốc.



*Hình 5.4. Đoàn các nhà báo tỉnh Quảng Ninh thăm, học tập, giao lưu với các đồng nghiệp tỉnh Kanchanaburi và các tỉnh miền trung Thái Lan (năm 2017)*



*Hình 5.5. Tập đoàn Amata Quảng Ninh và Tập đoàn KDDI (Nhật Bản) trao đổi biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư tại Hội nghị xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Nhật Bản vào tỉnh Quảng Ninh năm 2021*

## 2.4. Hợp tác quốc tế về y tế, triển khai kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại

Y tế Quảng Ninh là ngành hội nhập, hợp tác quốc tế sớm nhất so với các ngành trong tỉnh, từ triển khai các dự án hợp tác quốc tế từ năm 1975 đến năm 1999. Đó là dự án xây dựng và đào tạo Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển (Uông Bí); dự án xây dựng Trung tâm khám chữa bệnh nghề nghiệp (bệnh bụi phổi than – Silicose); các dự án cử các bác sĩ có chuyên môn cao đi làm chuyên gia và nghiên cứu sinh sau đại học ở một số nước, đào tạo nguồn nhân lực y tế cơ sở chuyên ngành sản nhi... Từ năm 2000 đã có các dự án của Đức, sau đó của Áo đầu tư cho bệnh viện tỉnh, trong đó tập trung đầu tư trung tâm tim mạch hoàn chỉnh, hiện đại như các bệnh viện Trung ương.

Những năm gần đây, Quảng Ninh đã chủ động hợp tác quốc tế nhằm triển khai kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại trong chẩn đoán, điều trị bệnh và phòng chống dịch bệnh với các nước có nền y học tiên tiến như: Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc), Singapore... Từ năm 2015 đến năm 2018, Quảng Ninh đã cử 5 đoàn với 127 cán bộ quản lý y tế, bác sĩ của các bệnh viện đi bồi dưỡng nghiệp vụ gắn liền với chuyển giao kỹ thuật ngành Y tại Đài Loan (Trung Quốc).



Hình 5.6. Đoàn bác sĩ Pháp phối hợp cùng các phẫu thuật viên Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh thực hiện ca phẫu thuật cho bệnh nhân bị phình động mạch chủ bụng (tháng 8-2019)

Cán bộ ngành Y Quảng Ninh đã tham gia các hiệp hội nghề y quốc tế như cố Phó Giáo sư, Tiến sĩ Lưu Văn Hoát, Giám đốc Sở Y tế, là thành viên Hiệp hội bệnh nghề nghiệp quốc tế; cố Tiến sĩ Đào Trân, Giám đốc Sở Y tế, là Tiến sĩ tim mạch Rumani; Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Hồng Hạnh, nguyên Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh, là Tiến sĩ môn tim mạch ASEAN và Tiến sĩ môn tim mạch Hoa Kỳ.

Các bệnh viện của Quảng Ninh đã chủ động trong hợp tác quốc tế. Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển (Uông Bí) có trên 200 người được đào tạo tại nước ngoài, là thành viên Hiệp hội các bệnh viện Á châu, kết nghĩa với bệnh viện Pitea và bệnh viện Blekinge (Thụy Điển). Bệnh viện tỉnh Quảng Ninh cử nhiều lượt bác sĩ đi học tập, hội thảo, tập huấn chuyên sâu tại các nước có nền y tế tiên tiến. Bệnh viện Sản – Nhi đã cử bác sĩ đi Singapore và Tây Ban Nha tham gia các khoá học về thụ tinh trong ống nghiệm và bác sĩ đi Nga tham dự các lần tập huấn chuyên ngành hồi sức cấp cứu trẻ em...

## 2.5. Thể thao góp phần thúc đẩy hoạt động giao lưu đối ngoại

Tham gia và tổ chức các hoạt động thể thao quốc tế góp phần thúc đẩy hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Ninh cũng như của cả nước. Với cơ sở vật chất cho luyện tập và thi đấu thể thao ngày một hiện đại, đồng bộ, Quảng Ninh đủ điều kiện tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc tế.

Các hoạt động giao lưu thể thao giữa tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) đã góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai tỉnh – khu của hai nước. Hằng năm, tại Quảng Ninh đã diễn ra các giải thi đấu thể thao

quốc tế như Giải bóng chuyền bãi biển nữ thể giới Tuần Châu, Giải marathon quốc tế di sản vịnh Hạ Long... Các sân golf như FLC Hạ Long, Móng Cái, Tuần Châu đã hấp dẫn các nhà đầu tư quốc tế khi tới Quảng Ninh.

Quảng Ninh chủ động tham gia các giải thể thao quốc tế góp phần quảng bá hình ảnh Quảng Ninh và có được những vận động viên đẳng cấp thế giới, điển hình là cặp bố con vận động viên cờ vua đại kiện tướng Nguyễn Anh Dũng và “Kì thủ vàng” Nguyễn Lê Cẩm Hiền.

### **2.6. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế**

Quảng Ninh đặt ra mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế phát triển theo chiều sâu có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao để phát triển du lịch nhanh, bền vững, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Lượng du khách quốc tế chiếm khoảng 50% tổng du khách đến Quảng Ninh, chủ yếu từ các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Mỹ, Anh, Úc, Đức, Malaysia, Thái Lan... Người Quảng Ninh đi du lịch nước ngoài chủ yếu đến các nước: Trung Quốc, khu vực Đông Nam Á, Pháp, Nga, Đức, Hàn Quốc, Nhật...

Quảng Ninh nhanh chóng cơ cấu lại ngành du lịch sau đại dịch Covid-19, chú trọng khai thác toàn diện cả thị trường nội địa và quốc tế, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiện đại, bền vững, chất lượng và hiệu quả vươn tầm đẳng cấp quốc tế, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao.

Quảng Ninh có đủ điều kiện, năng lực để chủ động hợp tác, liên kết, liên doanh với các hãng hàng không, các tập đoàn du lịch lớn trên thế giới. Dự kiến, đến năm 2030, ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh sẽ đóng góp 14,7% vào cơ cấu GRDP của tỉnh, đón 25,4 triệu lượt khách, trong đó 16,7 triệu lượt du khách trong nước (chiếm 66%), 8,7 triệu còn lại sẽ là du khách quốc tế (chiếm 34%), đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 6% giai đoạn 2021-2030.

### **2.7. Dịch vụ được thúc đẩy, hội nhập ngày càng sâu rộng**

Tầm nhìn định hướng phát triển đến năm 2045, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế.

Với lợi thế là cửa ngõ giao thương quốc tế, Quảng Ninh phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải, kinh tế thương mại, dịch vụ biên trong điều kiện khi tuyến cao tốc Hạ Long – Vân Đồn – Móng Cái đã hoàn thành. Phát triển công nghiệp dịch vụ, trong đó hình thành và mở rộng các trung tâm tài chính – ngân hàng lớn tại Hạ Long, Móng Cái, Vân Đồn để thuận lợi cho giao dịch tài chính quốc tế.



Hình 5.7.

*Đại kiện tướng Nguyễn Anh Dũng đưa con gái Nguyễn Lê Cẩm Hiền tham dự Giải cờ vua trẻ châu Á tại Sri Lanka năm 2019*

**?** 3. Hoạt động quốc tế của Quảng Ninh đã tạo ra cơ hội và tác động tích cực như thế nào tới các hoạt động về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, dịch vụ?



1. Nêu ý nghĩa việc thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá đối với tỉnh Quảng Ninh.
2. Lập bảng các lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, dịch vụ với cơ hội và tác động tích cực từ thực hiện quan hệ hợp tác quốc tế của tỉnh Quảng Ninh.

Lĩnh vực hoạt động	Cơ hội và tác động tích cực từ thực hiện quan hệ hợp tác quốc tế
Kinh tế	Thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu.
Văn hoá	Nâng cao vị thế Quảng Ninh - Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập quốc tế.
...	



1. Để góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách mở rộng quan hệ hợp tác, hướng ra khu vực và thế giới của tỉnh, công dân Quảng Ninh cần phải làm gì?
2. Xây dựng kế hoạch học tập của bản thân để góp phần thúc đẩy hoạt động đối ngoại của tỉnh trong tương lai.

# 6

## KÌ QUAN THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI VỊNH HẠ LONG

- Thuyết minh được giá trị địa chất, giá trị sinh học, giá trị văn hoá – lịch sử, giá trị danh thắng của vịnh Hạ Long.
- Thuyết minh được giá trị của di sản thế giới vịnh Hạ Long, giá trị của kì quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long.
- Xây dựng/ thực hiện được sản phẩm để giới thiệu, quảng bá về di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long với bạn bè / du khách quốc tế.



Vịnh Hạ Long được thiên nhiên ưu ái ban tặng cho vẻ đẹp tự nhiên với non nước hùng vĩ, đẹp tựa như một bức tranh sơn thủy bí ẩn và thơ mộng. Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới; được Tổ chức New Open World công nhận là một trong 7 kì quan thiên nhiên mới của thế giới.



Bằng hiểu biết của bản thân, em hãy kể tên các giá trị nổi bật của vịnh Hạ Long.



### 1. Các giá trị tiêu biểu của vịnh Hạ Long

#### 1.1. Giá trị về thẩm mỹ

Vịnh Hạ Long là một trong mười vịnh biển đẹp nhất thế giới. Vẻ đẹp của vịnh Hạ Long được tạo nên bởi hai yếu tố: đá và nước. Hệ thống nghìn đảo đá muôn hình vạn trạng, đường nét, họa tiết, màu sắc của đảo núi, hoà quyện với trời biển tạo nên một bức tranh phong cảnh hoành tráng, một tác phẩm điêu khắc độc đáo của thiên nhiên, khơi gợi trí tưởng tượng của con người.



Hình 6.1. Vịnh Hạ Long từ trên cao

## 1.2. Giá trị về địa chất – địa mạo

Với số lượng đảo lớn nhất cả nước, chiếm đến 2/3 số lượng đảo của cả nước, lịch sử địa chất của vịnh Hạ Long được nghiên cứu kéo dài ít nhất khoảng 500 triệu năm với nhiều các hệ tầng trầm tích có nguồn gốc lục địa và cacbonat. Giá trị nổi bật toàn cầu về địa chất – địa mạo của vịnh Hạ Long được khẳng định bởi một cảnh quan karst (cacxto) trưởng thành trong điều kiện nhiệt đới nóng ẩm bị biển xâm lấn và biến cải nhiều lần, hiện vẫn đang ngập chìm một phần trong nước với hàng ngàn đảo cực kì đa dạng tạo thành quần thể, có đầy đủ các dạng karst trên thế giới.



Hình 6.2. Địa hình karst ở hang Sừng Sốt

## 1.3. Giá trị về văn hoá – lịch sử

Vịnh Hạ Long là một trong những cái nôi cư trú của người Việt cổ, có niên đại cách ngày nay từ 18.000 – 3.500 năm, với sự xuất hiện ba nền văn hoá nối tiếp nhau là văn hoá Soi Nhụ – ghi lại những dấu tích sớm nhất của con người trên vịnh Hạ Long, tiếp đến là văn hoá Cái Bèo và sau cùng là văn hoá Hạ Long – một nền văn hoá có vai trò rất quan trọng trong nền văn minh Việt cổ, tạo ra nền văn hoá biển đặc sắc ở Việt Nam. Khu vực vịnh Hạ Long là nơi ghi dấu chiến công của quân và dân vùng mỏ trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm; là nơi lưu giữ những giá trị văn hoá, truyền thống độc đáo, phong phú của cộng đồng ngư dân làng chài Hạ Long với một số tập tục, tín ngưỡng, nét văn hoá truyền thống, di sản xướng dân gian vẫn còn được lưu giữ, bảo tồn và phát huy cho đến tận ngày nay.

## 1.4. Giá trị về sinh học

Vịnh Hạ Long là một trong những khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao. Giá trị đa dạng sinh học của vịnh Hạ Long thể hiện ở sự đa dạng về các hệ sinh thái, đa dạng về nguồn gen quý hiếm và đa dạng về thành phần giống, loài.

Hiện nay, đã thống kê được có gần 3.000 loài động thực vật sống trong các hệ sinh thái điển hình của quần đảo đá vôi vùng nhiệt đới: hệ sinh thái thảm thực vật trên đảo, hệ sinh thái rừng áng, hệ sinh thái hang động, hệ sinh thái vùng triều đáy cứng, hệ sinh thái vùng triều đáy mềm, hệ sinh thái bãi triều cát, hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng ngập nước thường xuyên ven bờ, hệ sinh thái rạn san hô. Trong đó, đã xác định được 102 nguồn gen quý hiếm đang bị đe dọa, 17 loài thực vật đặc hữu và các nguồn gen dược liệu có giá trị kinh tế cao.



Hình 6.3. Hệ sinh thái rừng ngập mặn trên vịnh Hạ Long



Dựa vào thông tin trong bài, hãy trình bày các giá trị tiêu biểu của vịnh Hạ Long.



## 2. Khai thác hiệu quả các tiềm năng, giá trị vịnh Hạ Long

### 2.1. Du lịch

Với các giá trị nổi bật về cảnh quan và địa chất, địa mạo, vịnh Hạ Long hội tụ những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành kinh tế du lịch với loại hình đa dạng. Các tuyến, điểm, sản phẩm du lịch được nghiên cứu, đề xuất đưa vào sử dụng nhằm khai thác tối đa tiềm năng di sản, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng du lịch vịnh Hạ Long.



Hình 6.4. Một số sản phẩm, dịch vụ du lịch trên vịnh Hạ Long

Các sản phẩm du lịch gồm du lịch tham quan thắng cảnh, nghỉ dưỡng ở biển, sinh thái biển đảo, thể thao, du lịch mạo hiểm, du lịch văn hoá lễ hội, làng nghề, làng chài, di chỉ khảo cổ, du lịch tàu biển nhằm tăng sự lựa chọn và trải nghiệm cho du khách. Một số sản phẩm du lịch bền vững, gắn với cộng đồng góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tiêu biểu của ngư dân làng chài.

Bảng 6.1. Khách du lịch và thu phí tham quan vịnh Hạ Long

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Thu phí tham quan vịnh (tỉ đồng)	528,7	683,6	1103,1	1184,7	1234,1
Tổng khách du lịch (triệu lượt)	2,6	3,1	3,9	4,1	4,4
Trong đó: Khách quốc tế	1,7	2,1	2,7	2,8	2,9

(Nguồn: Ban quản lí vịnh Hạ Long)

### 2.2. Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản

Với điều kiện thuận lợi về địa hình, khí hậu, thủy văn, vịnh Hạ Long có nguồn thủy sản rất phong phú. Đây là nơi quần tụ sinh sống và phát triển của nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao như cá song, cá thu, cá nhụ,.... Bên cạnh đó, nguồn nước giàu chất dinh dưỡng, biển lặng sóng, diện tích bãi triều rộng thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản, đặc biệt một số loài vừa có giá trị kinh tế cao vừa có khả năng làm sạch môi trường nước như tu hài, ngọc trai,



Hình 6.5. Nuôi trồng thủy sản lồng bè kết hợp du lịch tại làng chài Vung Viêng

vệ xanh, sò, hào,... không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn phục vụ cho xuất khẩu, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế trong vùng.

Hiện nay, mô hình nuôi trồng thủy sản thân thiện môi trường gắn với du lịch có trách nhiệm được thực hiện đã tạo sinh kế bền vững cho ngư dân làng chài, hình thành một sản phẩm du lịch hấp dẫn và góp phần gìn giữ, bảo tồn văn hoá truyền thống của cộng đồng ngư dân làng chài trên vịnh Hạ Long.

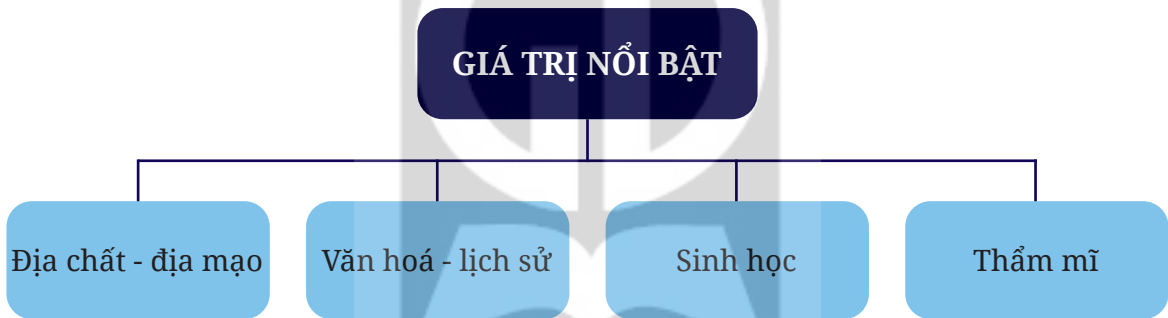
Vịnh Hạ Long là vùng vịnh kín, ít chịu tác động của sóng gió, có hệ thống luồng lạch tự nhiên dày đặc và cửa sông ít bị bồi lắng, là điều kiện thuận lợi để xây dựng hệ thống cảng biển, đặc biệt cảng nước sâu như cảng Cái Lân.

Bên cạnh các dịch vụ du lịch, các khu vực trong vịnh có đa dạng sinh học cao còn là điểm phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học.

? *Hãy nhận xét về việc khai thác hiệu quả các tiềm năng, giá trị của vịnh Hạ Long.*



1. Dựa vào sơ đồ, hãy lựa chọn và phân tích một trong các giá trị nổi bật của vịnh Hạ Long.



2. Kể tên các sản phẩm du lịch trên vịnh Hạ Long. Trong các sản phẩm du lịch, em muốn được trải nghiệm loại hình sản phẩm nào nhất? Vì sao?

3. Phân tích tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn, phát huy các giá trị của Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long.



1. Sưu tầm các truyền thuyết, ca dao, bài hát,... phản ánh các giá trị tiêu biểu của vịnh Hạ Long.

2. Lựa chọn và thiết kế poster/logo quảng cáo một trong các sản phẩm du lịch ở vịnh Hạ Long dựa theo gợi ý sau:

- Du lịch tham quan thắng cảnh.
- Du lịch du thuyền nghỉ đêm trên vịnh.
- Du lịch văn hoá làng chài.
- Du lịch trải nghiệm chèo đò, trực thăng ngắm cảnh.



## THỰC HÀNH LỊCH SỬ – TÁI HIỆN LỊCH SỬ

*Tổ chức được các hoạt động giáo dục di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long.*

- *Trình bày được một số giải pháp cho việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị của di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long.*
- *Nêu được ý tưởng để giới thiệu được giá trị của di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long với du khách trong nước và quốc tế.*
- *Có hành động cụ thể, thiết thực trong việc bảo vệ, bảo tồn, gìn giữ di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long.*
- *Xây dựng/ thực hiện sản phẩm học tập (video quay trực tiếp, video dựng bằng hình ảnh chụp có lồng tiếng thuyết minh, bài viết hoặc các hình thức sản phẩm khác...) về giáo dục bảo vệ, bảo tồn, gìn giữ và giới thiệu giá trị của di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long với du khách trong nước và quốc tế.*

### A. NỘI DUNG

#### 1. Giải pháp bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị của di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long

**A**

Đa dạng hoá về hình thức tuyên truyền, quảng bá, giáo dục cộng đồng về di sản: khai thác và tận dụng tối đa vai trò hiệu quả của mạng xã hội, mở rộng các ấn phẩm tuyên truyền; chú trọng hợp tác truyền thông trong nước và quốc tế, nâng cao nhận thức cộng đồng gắn với các hoạt động giáo dục về bảo vệ giá trị di sản.

**B**

Phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch trên vịnh Hạ Long, nhất là sản phẩm du lịch đẳng cấp, chất lượng cao, du lịch sinh thái,... để nâng cao chất lượng trải nghiệm cho khách tham quan và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương tham gia phát triển dịch vụ.

**C**

Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường trên vịnh: kiểm soát, xử lý nước thải của các hoạt động kinh tế - xã hội, giảm thiểu rác thải nhựa, sử dụng vật liệu bền vững, thân thiện môi trường; không đánh bắt thủy sản trong khu vực di sản; đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, cứu hộ cứu nạn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

**D**

Tăng cường hợp tác quốc tế với Trung tâm Di sản thế giới, tổ chức IUCN, mạng lưới các nhà quản lí di sản thế giới bên cùng nhiều tổ chức quốc tế khác, thu hút các dự án và sự hỗ trợ về nguồn lực, chuyên gia, kĩ thuật trong quản lí di sản, nhất là ứng dụng công nghệ kĩ thuật bảo tồn giá trị di sản, bảo vệ môi trường, phát triển du lịch bền vững...

**E**

Tu bổ tôn tạo cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất tại các tuyến, điểm du lịch, điểm lưu trú nghỉ đêm trên vịnh Hạ Long đảm bảo an toàn, đồng bộ, hài hoà với cảnh quan, môi trường. Các dự án đầu tư hạ tầng, phát triển dịch vụ du lịch của các doanh nghiệp thực hiện được tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc theo tiến độ phê duyệt.

**G**

Phối hợp với các viện nghiên cứu, chuyên gia thực hiện ứng dụng các đề tài khoa học, dự án, chương trình về giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, khảo sát tìm kiếm và phát hiện các hang động mới, di tích khảo cổ,...

**H**

Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lí di sản và nguồn nhân lực tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch trên vịnh Hạ Long (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng đón tiếp, phục vụ khách tham quan,...).

**?**

1. Đọc và nêu tên các giải pháp tương ứng với các ô thông tin.
2. Trình bày một trong số các giải pháp góp phần khai thác, phát huy giá trị di sản thiên nhiên thế giới.

## 2. Giới thiệu giá trị của di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long

### 2.1. Lựa chọn ý tưởng

*Gợi ý:* HS có thể lựa chọn một trong các ý tưởng để thực hiện giới thiệu các giá trị di sản.

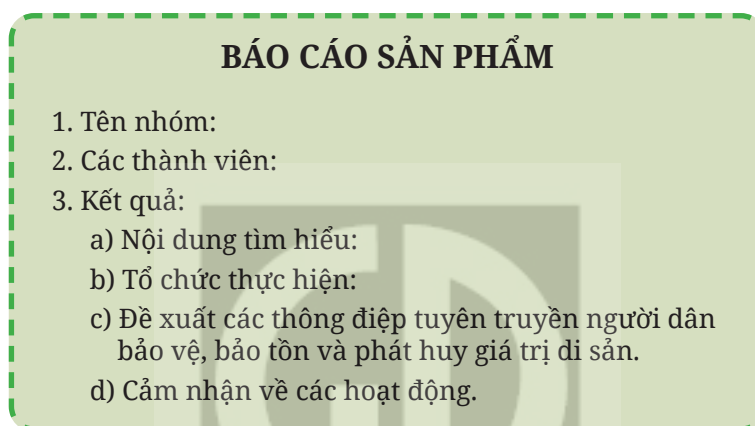
- Xây dựng video/clip thuyết minh giới thiệu giá trị di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long bằng các ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Pháp,...).
- Đóng vai hướng dẫn viên giới thiệu tuyến du lịch qua các hòn đảo nổi tiếng trên vịnh Hạ Long (đảo Tuần Châu, đảo Đầu Gỗ, đảo Bồ Hòn,...).
- ...

### 2.2. Tổ chức thực hiện

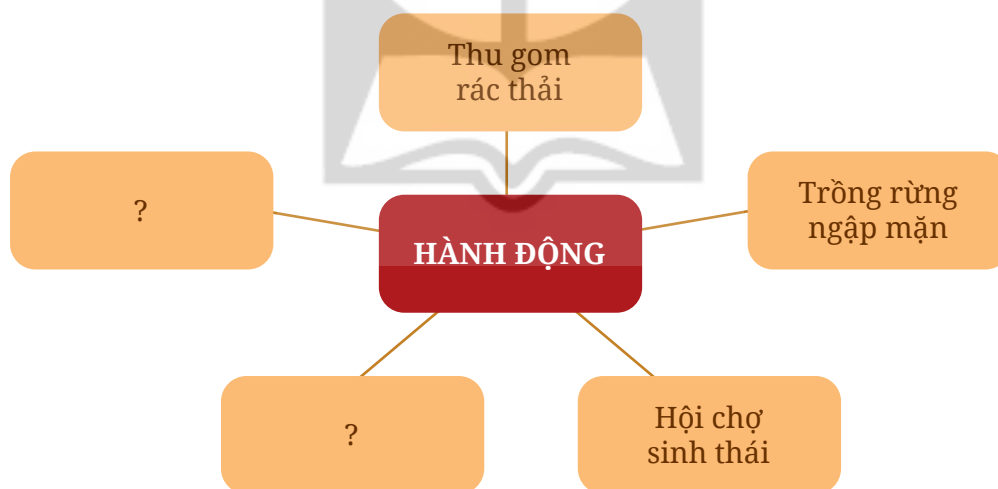
- Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung ý tưởng giới thiệu các giá trị di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long.

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- Thu thập tài liệu và xử lý tài liệu.
- + Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí.
- + Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học).
- + Trải nghiệm thực tế.
- + Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được.
- Các nhóm trao đổi và làm báo cáo về giáo dục bảo vệ, bảo tồn, gìn giữ và giới thiệu giá trị của di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long với du khách trong nước và quốc tế.

### 2.3. Báo cáo sản phẩm



### 3. Đề xuất các hành động cụ thể bảo vệ, bảo tồn, gìn giữ di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long



### B. VẬN DỤNG

1. Sưu tầm, thu thập thông tin về biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long của các điểm lưu trú, điểm du lịch trên vịnh.
2. Bản thân em đã làm gì góp phần bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long?

## Chủ đề 2 ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG



### TỔ CHỨC LÃNH THỔ KINH TẾ TỈNH QUẢNG NINH

- Trình bày được vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh.
- Kể tên được một số hình thức tổ chức lãnh thổ sản xuất ở tỉnh Quảng Ninh (trong dịch vụ, trong công nghiệp, trong nông nghiệp).



Sự phân hoá về điều kiện phát triển cùng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành, thành phần kinh tế trong những năm gần đây đã tạo nên bức tranh về tổ chức lãnh thổ kinh tế của tỉnh Quảng Ninh. Vậy tổ chức lãnh thổ kinh tế của tỉnh Quảng Ninh như thế nào?



#### 1. Khái quát tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh

##### 1.1. Vai trò

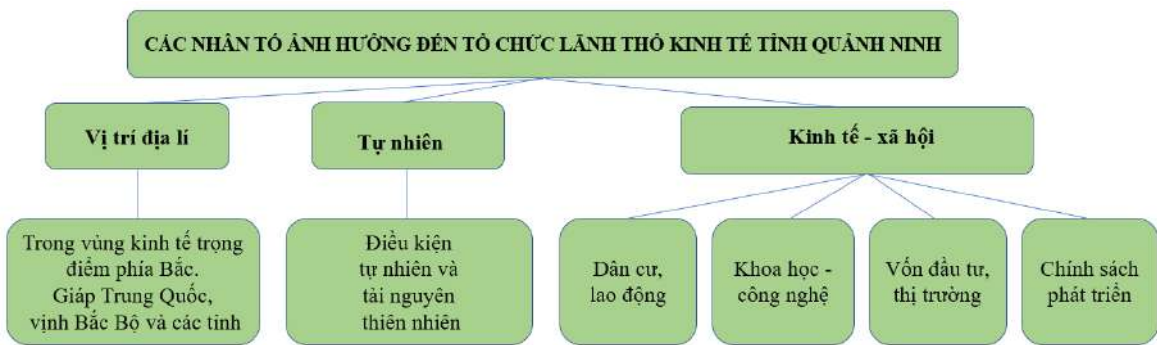
Tổ chức lãnh thổ kinh tế có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của tỉnh Quảng Ninh. Quá trình này giúp sử dụng hợp lý nguồn lực của tỉnh, đạt hiệu quả cao về kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Tổ chức lãnh thổ kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội như tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của tỉnh. Đặc biệt, tổ chức lãnh thổ kinh tế góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tạo sự phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ninh.



Đọc thông tin mục 1.1, lấy ví dụ về vai trò của tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh.

##### 1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế là những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh.



Hình 8.1. Sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh

Vị trí địa lí là nhân tố chi phối sự phân bố của hoạt động sản xuất và cơ cấu các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Đồng thời, vị trí địa lí còn ảnh hưởng đến việc trao đổi hàng hoá, dịch vụ, khả năng tiếp cận thị trường, thu hút vốn đầu tư, khoa học và công nghệ,... của tỉnh Quảng Ninh.

Điều kiện tự nhiên của tỉnh đã ảnh hưởng đến quy mô, phương hướng sản xuất, cơ cấu sản xuất và phân bố của các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Các yếu tố kinh tế – xã hội như dân cư, lao động, cơ sở hạ tầng và vật chất, kĩ thuật, khoa học - công nghệ, vốn đầu tư, thị trường, chính sách phát triển,... góp phần thúc đẩy, điều tiết các hoạt động sản xuất. Nhóm nhân tố này ảnh hưởng đến quy mô phát triển và cơ cấu hàng hoá, dịch vụ của các ngành kinh tế địa phương.

**?** Quan sát hình 8.1 và thông tin mục 1.2, em hãy:

- – Nêu các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh.
- – Theo em, trong các nhóm nhân tố trên, nhân tố nào là quan trọng nhất? Vì sao?

### 1.3. Đặc điểm tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Ninh

Việc phát huy thế mạnh của từng địa phương nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội đã dẫn tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa lãnh thổ sản xuất trong tỉnh Quảng Ninh.

Hiện nay, Quảng Ninh đã hình thành 1 vùng đô thị trung tâm là thành phố Hạ Long, 4 tiểu vùng độc lập: tiểu vùng khu kinh tế (KKT) cửa khẩu với Trung Quốc, tiểu vùng KKT Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô, tiểu vùng phía Tây và tiểu vùng rừng núi phía Bắc.

## 2. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế

### 2.1. Khu kinh tế

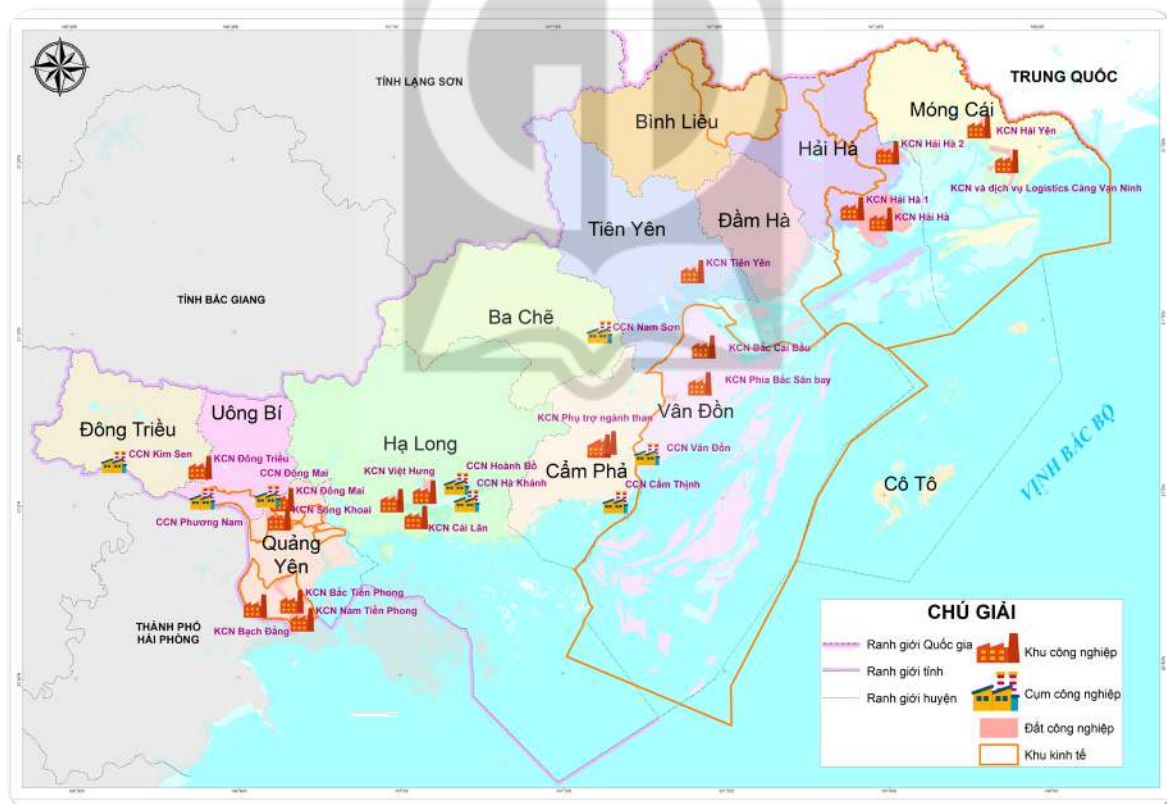
Tính đến tháng 9-2020 cả tỉnh đã hình thành 5 khu kinh tế bao gồm 2 khu kinh tế ven biển và 3 khu kinh tế cửa khẩu.

Hai khu kinh tế ven biển là Vân Đồn, Quảng Yên được hình thành với mục tiêu khai thác có hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị trong giao thương, dịch vụ trong nước, quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội cũng như phát triển bền vững cho Quảng Ninh; bảo đảm an ninh – quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Ba khu kinh tế cửa khẩu có tổng diện tích trên 144.735 ha gồm khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái gắn với cửa khẩu quốc tế Móng Cái, khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô – Đồng Văn gắn với cửa khẩu quốc gia Hoành Mô và khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh gắn với cửa khẩu quốc gia Bắc Phong Sinh.

? *Đọc thông tin, em hãy cho biết mục đích của việc hình thành các KKT ven biển, KKT cửa khẩu ở tỉnh Quảng Ninh.*

## 2.2. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp



Hình 8.2. Lược đồ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh



### a) Khu công nghiệp

Các KCN chủ yếu tập trung tại các địa phương như thị xã Quảng Yên, thành phố Hạ Long, huyện Hải Hà và thành phố Móng Cái. Đây đều là những khu vực tập trung các đầu mối giao thông, hạ tầng đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và giao lưu hàng hóa.

Với định hướng phát triển của tỉnh, các chủ đầu tư đã nhanh chóng huy động nguồn lực, phát triển hạ tầng KCN theo hướng đồng bộ, hiện đại; thu hút các nhà đầu tư sử dụng công nghệ sạch, thân thiện môi trường.



Hình 8.3. Cổng vào khu công nghiệp Cái Lân, TP. Hạ Long

? Bằng hiểu biết của bản thân, em hãy kể tên một vài khu công nghiệp ở địa phương (nếu có) hoặc ở tỉnh Quảng Ninh.

### b) Cụm công nghiệp

Quy hoạch, xây dựng các CCN được tỉnh Quảng Ninh chủ động thực hiện từ rất sớm. Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã thành lập, mở rộng 08 CCN trong đó có 05 CCN đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đi vào hoạt động bao gồm CCN Kim Sen (Thị xã Đông Triều), CCN Hà Khánh (Thành phố Hạ Long), CCN Hoàn Bò (Thành phố Hạ Long), CCN Nam Sơn (Huyện Ba Chẽ), CCN Cẩm Thịnh (Thành phố Cẩm Phả); 03 CCN đang triển khai các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm CCN Phương Nam (Thành phố Uông Bí), CCN Đông Mai (Thị xã Quảng Yên), CCN Vân Đồn (Huyện Vân Đồn).

Không gian bố trí các CCN hiện tại tập trung chủ yếu ở vùng trung tâm như Hạ Long và Cẩm Phả và tiểu vùng phía Tây như Đông Triều và Uông Bí, là các khu vực có điều kiện giao thông tốt và gần các đô thị hiện hữu. Các CCN góp phần thu hút đầu tư phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các chủ cơ sở tiểu thủ công nghiệp. Các CCN đóng vai trò to lớn trong việc đảm bảo môi trường phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và đảm bảo an sinh xã hội.

? Đọc thông tin, hãy trình bày đặc điểm phân bố và vai trò của CCN ở tỉnh Quảng Ninh.

### 2.3. Tổ chức lãnh thổ du lịch

Tổ chức lãnh thổ du lịch ở Quảng Ninh được phân chia thành các phân vùng du lịch và các đầu mối trung tâm du lịch gắn các trục kết nối.

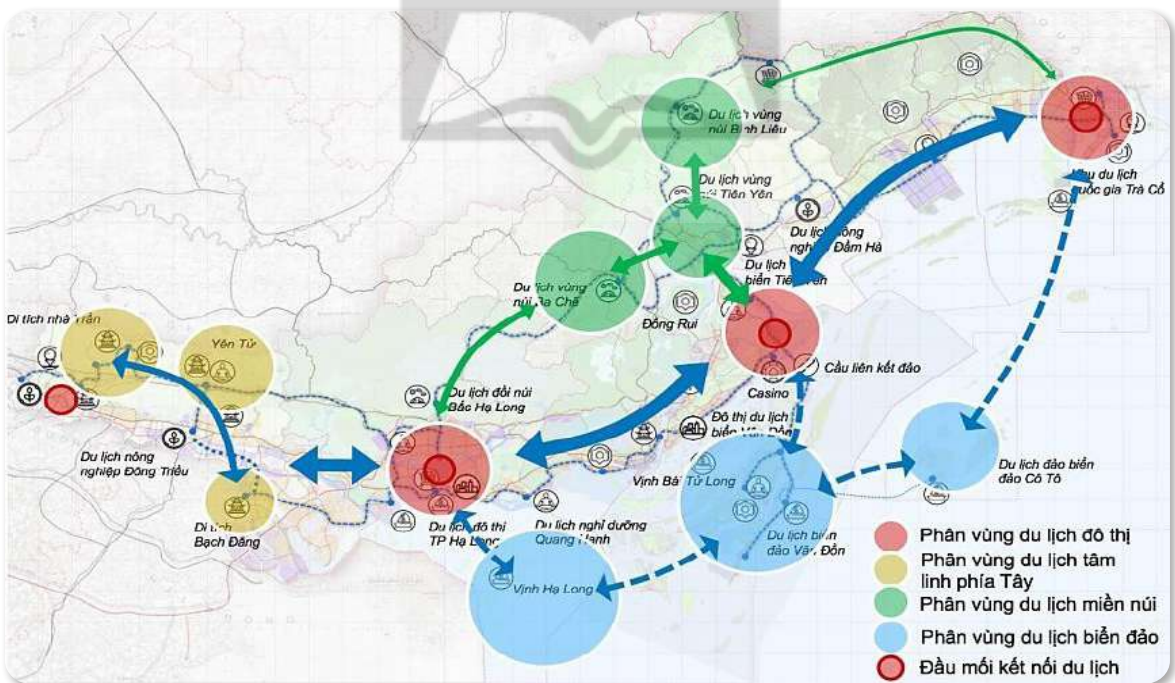
Phân vùng du lịch Quảng Ninh bao gồm phân vùng du lịch đô thị, vùng du lịch tâm linh phía tây, phân vùng du lịch miền núi phía đông, phân vùng du lịch biển đảo. Trong các phân vùng du lịch có sự đa dạng về các sản phẩm du lịch dựa trên việc khai thác tài nguyên du lịch nổi bật của vùng.

– Phân vùng du lịch đô thị đã hình thành đô thị ven biển thành phố Hạ Long, Vân Đồn, Móng Cái với các công trình như Bảo tàng Quảng Ninh, khu mua sắm, khu phố ẩm thực, Casino,...

– Phân vùng du lịch tâm linh phía tây ở Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên gắn với tài nguyên du lịch văn hoá – tâm linh (khu di tích Yên Tử, Khu di tích nhà Trần, di tích chiến thắng Bạch Đằng,...).

– Phân vùng du lịch biển đảo với di sản thế giới vịnh Hạ Long sẽ tiếp tục được bảo tồn và phát huy, đồng thời phát huy tiềm năng các khu du lịch biển đảo mới Vân Đồn và Cô Tô theo hướng hài hoà với thiên nhiên.

– Phân vùng du lịch miền núi phía Đông tại Tiên Yên, Ba Chẽ, Bình Liêu gắn với văn hoá của đồng bào dân tộc thiểu số thông qua du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng.



Hình 8.4. Phân vùng du lịch tỉnh Quảng Ninh

Hiện nay, các đầu mối trung tâm du lịch có vai trò quan trọng trong việc kết nối các vùng du lịch đạt hiệu quả cao, trong đó nổi bật là trung tâm du lịch trọng điểm Hạ Long – là đầu mối quan trọng trong mạng lưới du lịch của tỉnh. Ngoài ra, các trung tâm khác như Vân Đồn, Móng Cái, Đông Triều đang được tiếp tục phát triển. Các đầu mối trung tâm du lịch được tăng cường liên kết bằng hệ thống giao thông liên vùng như đường cao tốc, đường tốc độ cao, đã và đang được nâng cấp, đầu tư xây dựng.

**?** *Đọc thông tin và quan sát hình 8.3, hãy trình bày sự phân vùng du lịch và các đầu mối kết nối du lịch ở tỉnh Quảng Ninh.*

## 2.4. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

Với định hướng phát triển một nền nông nghiệp xanh, đẩy mạnh tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, nông nghiệp Quảng Ninh có sự đa dạng các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

### a) Trang trại

Kinh tế trang trại mới được hình thành ở Quảng Ninh từ năm 1995, phát triển trên nền tảng kinh tế hộ gia đình, đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh đã có 149 trang trại. Các trang trại đã từng bước khẳng định được vị trí trong quá trình xây dựng nông thôn mới với nhiều mô hình hoạt động hiệu quả.

Các trang trại ở Quảng Ninh đang từng bước chuyển từ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá gắn với thị trường, góp phần tích cực vào quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tạo ra các vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, làm tiền đề cho công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản, là động lực thúc đẩy các loại hình dịch vụ đa dạng cùng phát triển (cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, cơ sở chế biến, bảo quản nông sản), tạo việc làm ổn định cho hàng ngàn lao động, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Các trang trại đã khai thác hơn 7487,5 ha đất trống, đồi núi trọc, bãi bồi ven biển đưa vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nhiều trang trại đã thực hiện ứng dụng khoa học kỹ thuật tạo ra những sản phẩm đặc trưng của các địa phương.

Kinh tế trang trại ở Quảng Ninh rất đa dạng gắn với các sản phẩm đặc trưng có lợi thế như cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa, chăn nuôi lợn, bò và đặc biệt có thế mạnh về các trang trại thủy sản. Tuy vậy, hiện nay trang trại mới chỉ phân bố chủ yếu ở những địa bàn thuận lợi như Đông Triều, Quảng Yên, Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí; các vùng sâu, vùng xa như Bình Liêu, Ba Chẽ trang trại chưa thực sự phát triển, phần lớn các trang trại quy mô còn nhỏ.

Thời gian tới, Quảng Ninh thực hiện đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại theo hướng tập trung, bền vững, theo chuỗi giá trị sản phẩm hàng hoá chất lượng cao, nhất là đối với những sản phẩm OCOP.

## b) Hợp tác xã nông nghiệp

Hợp tác xã nông nghiệp là hình thức đóng vai trò quan trọng trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh Quảng Ninh. Năm 2020, toàn tỉnh có 362 hợp tác xã. Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ hợp tác đã thực hiện khuyến khích áp dụng công nghệ cao và tiêu chuẩn Viet Gap<sup>1</sup> vào quá trình sản xuất nên hiệu quả sản xuất đã được nâng cao.



Hình 8.5. Trồng hoa tại HTX rau, hoa Đồng Chè tại Hoàn Bồ



Hình 8.6. Vùng trồng rau an toàn ở phường Cộng Hoà (thị xã Quảng Yên) của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Long

Sự xuất hiện hình thức liên kết giữa các hợp tác xã nông nghiệp đã và đang phát huy được hiệu quả cao hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Các liên kết trồng trọt, chăn nuôi kết hợp với du lịch sinh thái, sản xuất dược liệu, chế biến sản phẩm cho hiệu quả cao như HTX nông dược xanh (Hạ Long), HTX Dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao (Đông Triều), HTX hoa mai, hoa lan ở Yên Tử (Uông Bí),...

Trong lâm nghiệp cũng hình thành hình thức liên kết khai thác, chế biến gỗ, trồng cây dược liệu, tiêu thụ sản phẩm và quản lý rừng ở Bình Liêu, Tiên Yên, Ba Chẽ, Hải Hà, Đầm Hà.

Lĩnh vực thủy sản đã hình thành liên kết như đánh bắt, hậu cần nghề cá và chế biến trên biển đã từng bước cơ cấu lại hình thức khai thác theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm khai thác gần bờ. Hình thức này được hình thành ở nhiều địa phương trong tỉnh như Vân Đồn, Hải Hà, Quảng Yên và Cẩm Phả,... theo hướng cùng dòng họ, cùng địa phương hoặc có cùng ngư trường khai thác. Mô hình hoạt động tương đối hiệu quả với sự kết nối, trao đổi thông tin về thời tiết, ngư trường, nguồn lợi, giá cả thị trường, hỗ trợ nhau khi gặp sự cố trên biển hay trong quá trình sản xuất.

Mô hình liên kết hợp tác xã nông nghiệp đã thu hút sự đầu tư của nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư trên địa bàn tỉnh như: Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn BIM, Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc, Công ty thủy sản N.G Việt Nam, Công ty cổ phần Phú Lâm, Công ty Việt Long,...

<sup>1</sup> **Viet Gap:** là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành nhằm hướng dẫn sản xuất, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng; đồng thời bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản xuất.

### c) Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Đây là hình thức nhằm tập trung phát triển ở những địa bàn có lợi thế trong phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, từng bước phát triển nền nông nghiệp hàng hoá.

Trong lĩnh vực trồng trọt, trên địa bàn tỉnh tập trung phát triển 3 nhóm sản phẩm chính: nhóm cây trồng có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng lớn (rau sạch, lúa chất lượng, lúa nếp cái hoa vàng, cây ăn quả (na, vải, cam, chuối,...), cây công nghiệp lâu năm (chè), cây dong riềng); nhóm sản phẩm tiềm năng (hoa, cây cảnh); nhóm sản phẩm hỗ trợ ngành chăn nuôi (ngô, cỏ,...). Trong tỉnh đã hình thành các vùng chuyên canh như trồng lúa Đông Triều, Quảng Yên; vùng trồng cây ăn quả như na Đông Triều, vải chín sớm Uông Bí, vùng chuyên canh cây công nghiệp như chè ở Hải Hà; ngô cao sản, ngô sinh khối ở Bình Liêu, Đàm Hà, Hải Hà; quế ở Tiên Yên, Đàm Hà; hồi, dong riềng ở Bình Liêu;...



Hình 8.7. Vùng trồng cây dong riềng ở tỉnh Bình Liêu



Hình 8.8. Quy hoạch 37 vùng lúa chất lượng cao tại Đông Triều



Hình 8.9. Gạo rươi Bắc thơm và gạo rươi lứt Hồng Hương là 2 sản phẩm OCOP được xếp hạng 4 sao của tỉnh năm 2021



Hình 8.10. Gà Tiên Yên là sản phẩm OCOP nổi tiếng bởi chất lượng tốt, hương vị thơm ngon

Trong ngành chăn nuôi cũng hình thành những vùng chuyên môn hoá như: nuôi lợn ở Đông Triều, Quảng Yên, Hải Hà; nuôi gà ở Tiên Yên; nuôi trâu ở Bình Liêu, Hải Hà, Tiên Yên, Hoàn Bò; nuôi bò ở Quảng Yên, Bình Liêu, Uông Bí, Móng Cái.

Quảng Ninh là tỉnh có thế mạnh về thủy sản nên ngành này phát triển ở nhiều địa phương. Khai thác hải sản tập trung nhiều ở Quảng Yên, Vân Đồn, Hải Hà. Nuôi trồng thủy sản đang được thực hiện theo hướng nuôi bán thâm canh và nuôi công nghiệp với nhiều loại thủy sản như tôm, cua, sò huyết, tu hải, trai ngọc,... tập trung ở các địa phương như Quảng Yên, Hải Hà, Móng Cái, Vân Đồn.

Quảng Ninh đang hướng tới hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thực hiện việc nghiên cứu ứng dụng, đào tạo nhân lực, sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, gắn nông nghiệp hữu cơ với chế biến sâu, kết hợp với du lịch, dịch vụ nông nghiệp. Việc hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao sẽ làm tăng giá trị đầu ra cho nông nghiệp, đáp ứng cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Các chuỗi cung cấp sản phẩm an toàn, chuỗi giá trị được hình thành, truy xuất được nguồn gốc, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường và có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.



Hình 8.11. Nuôi trồng thủy sản bằng hình thức ô lồng bè ở Vân Đồn

? Đọc thông tin, hãy cho biết Quảng Ninh có những hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nào? Em hãy lựa chọn một hình thức và trình bày sự phân bố của hình thức đó.



Lập sơ đồ và tóm tắt đặc điểm chính của một số hình thức tổ chức lãnh thổ trong nông nghiệp ở tỉnh Quảng Ninh.



Tìm hiểu và trình bày về một khu công nghiệp hoặc một địa điểm du lịch ở đại phương em.

# 9

## TỈNH QUẢNG NINH TRONG TƯƠNG LAI

- Trình bày được định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh trong tương lai.
- Đề xuất được giải pháp thu hút đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc địa phương nơi học sinh sinh sống.
- Suru tầm được tài liệu, thiết kế được sản phẩm sáng tạo để quảng bá hình ảnh và thu hút các nhà đầu tư đến với tỉnh Quảng Ninh (hoặc địa phương).



Quảng Ninh là trung tâm phát triển công nghiệp, cảng biển, dịch vụ, du lịch của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, là trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm cung cấp năng lượng quốc gia, là cửa ngõ ra biển và ra quốc tế của khu vực. Với những thành tựu đã đạt được, để tiếp tục phát huy những thế mạnh của tỉnh, đồng thời đảm bảo phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ninh cần có những định hướng phát triển trong tương lai như thế nào? Cần đề xuất những giải pháp nào để quảng bá hình ảnh và thu hút đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh?



### 1. Định hướng phát triển tỉnh Quảng Ninh trong tương lai

Trong những năm qua, nhờ kiên trì thực hiện các quy hoạch chiến lược, Quảng Ninh đã sớm nắm bắt được những cơ hội để vươn lên trở thành một trong những tỉnh phát triển năng động, đầu tàu động lực tăng trưởng cho cả nước nói chung, vùng Đồng bằng sông Hồng và các địa phương lân cận nói riêng. Những thay đổi lớn và khó lường từ bối cảnh mới sẽ tạo ra sức ép tích cực cho các địa phương của cả nước nói chung và Quảng Ninh nói riêng phải thay đổi, đổi mới và cải cách mạnh mẽ hơn để thích nghi.

Tổ chức không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá, ba vùng động lực”:

– Tâm là thành phố Hạ Long, trung tâm chính trị – hành chính – kinh tế – văn hoá của tỉnh; phát triển theo mô hình đa cực, lấy vịnh Cửa Lục làm trung tâm kết nối, mở rộng đô thị về phía Bắc.

– Hai tuyến từ Hạ Long về phía Tây và về phía Đông: tuyến hành lang phía Tây xuất phát từ Hạ Long đến Đông Triều hướng tới Đông bằng sông Hồng và Thủ đô Hà Nội (phát triển chuỗi đô thị – công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao và du lịch văn hoá, lịch sử, tâm linh); tuyến hành lang phía Đông xuất phát từ Hạ Long đến Móng Cái và hướng tới thị trường Đông Bắc Á (phát triển chuỗi đô thị sinh thái – dịch vụ, thương mại, du lịch tổng hợp cao cấp, nông nghiệp sạch – công nghệ cao và kinh tế biển; lấy phát triển công nghiệp để dẫn dắt nông nghiệp).

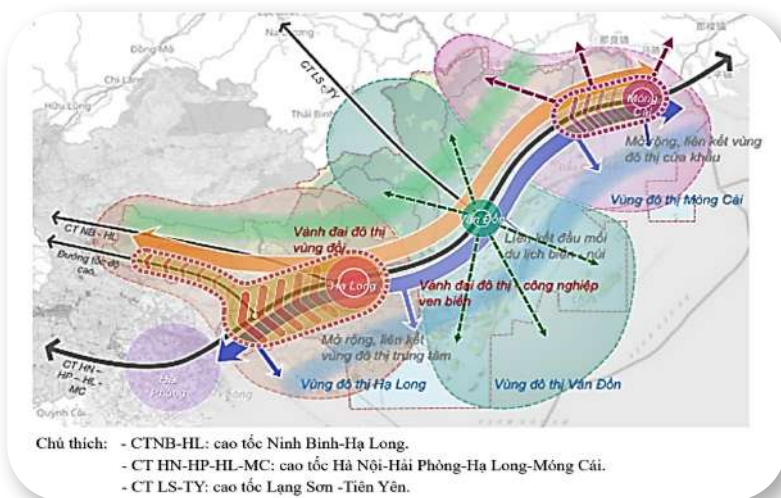
– Hai mũi đột phá gồm khu kinh tế Vân Đồn và khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái.

– Ba vùng động lực gồm: (1) Phân vùng đại đô thị Hạ Long mở rộng (gồm Hạ Long, Cẩm Phả, Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều); (2) Phân vùng đô thị du lịch biển và núi rừng Vân Đồn (gồm Vân Đồn, Ba Chẽ, Tiên Yên, Cô Tô); (3) Phân vùng đô thị kinh tế cửa khẩu, công nghiệp Móng Cái (gồm Móng Cái, Hải Hà, Bình Liêu, Đầm Hà).

(Trích nguồn: Quyết định Số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)

Em có biết

Hiện nay, Quảng Ninh đang tổ chức các hoạt động kinh tế theo mô hình tổ chức không gian phát triển “một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá, ba vùng động lực”. Để tiếp tục phát huy những thế mạnh của tỉnh, đồng thời đảm bảo phát triển bền vững dài hạn trên cả ba trụ cột là kinh tế – xã hội – môi trường thì cần phải tiến hành quy hoạch tỉnh trong thời kỳ mới và sẽ có sự điều chỉnh theo thời gian cho phù hợp với từng giai đoạn nhất định.



**Hình 9.1. Cấu trúc không gian tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn 2050**

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

Để khẳng định vị thế, vai trò ngày càng quan trọng, đáp ứng mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới của tỉnh cần có những định hướng cụ thể đối với từng ngành, lĩnh vực.

### 1.1. Định hướng phát triển ngành công nghiệp

– Phát triển công nghiệp xanh, đưa ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành một trụ cột chính trong nền kinh tế, phát triển bền vững và hợp lý các ngành công nghiệp khai khoáng.

– Phát triển công nghiệp năng lượng thân thiện với môi trường; đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

– Đầu tư nâng cao hiệu suất các nhà máy điện hiện có, khai thác hợp lý tài nguyên kết hợp bảo vệ môi trường.

Theo quy hoạch của tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Đến năm 2030, xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tình hình mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong 4 trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng – an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2050, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế, là một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo vững chắc quốc phòng – an ninh.

(Trích nguồn: Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050)

**Em có biết**

### 1.2. Định hướng phát triển ngành dịch vụ

– Phát triển dịch vụ tổng hợp, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.

– Ngành du lịch cần tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống dịch vụ chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch và đảm bảo phát triển bền vững.

– Phát triển Quảng Ninh là trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, Đông Bắc Á và ASEAN.

– Ứng dụng các kỹ thuật công nghệ tiên tiến, thành tựu khoa học kỹ thuật trong phát triển hệ thống giao thông thông minh.



### 1.3. Định hướng phát triển ngành nông nghiệp

- Phát triển nền nông nghiệp sinh thái xanh – sạch, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, lấy người nông dân làm chủ thể, trung tâm, làm cơ sở cho sự phát triển bền vững.
- Phát triển các khu nông – lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiêu biểu như các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đông Triều, nuôi trồng thủy sản Đàm Hà, bò sữa Đàm Hà, khu lâm nghiệp công nghệ cao Tiên Yên.
- Phát triển nền nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao theo hướng tăng cường liên kết theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế của các sản phẩm OCOP.
- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quy hoạch các vùng trồng rừng nguyên liệu, đưa Quảng Ninh trở thành trung tâm chế biến, xuất khẩu đồ gỗ của miền Bắc.
- Phát triển thủy sản là ngành mũi nhọn, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển công nghệ cao, hiệu quả bền vững hướng tới xây dựng Quảng Ninh thành Trung tâm thủy sản miền Bắc.

## 2. Các giải pháp thu hút đầu tư cho sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh địa đầu Tổ quốc có nhiều thế mạnh phát triển kinh tế – xã hội. Để đạt được tốc độ phát triển nhanh hơn và hiệu quả cao hơn nữa, Quảng Ninh cần thu hút nhiều nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước vào các dự án phát triển trọng điểm. Để làm được như vậy, Quảng Ninh cần đưa ra nhiều giải pháp<sup>1</sup>:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, công nghệ thông tin, viễn thông, cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyên dịch cơ cấu lao động, tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị là nhân tố quyết định sự thành công trước mắt và chiến lược.
- Mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đối với tất cả các lĩnh vực kinh tế – xã hội như: chế biến chế tạo, sản xuất điện, khai khoáng, du lịch, thương mại, logistics, tài chính, nông nghiệp,



Hình 9.2. Tập đoàn Vingroup xây dựng Vinpearl Resort & Spa Hạ Long



Hình 9.3. Công ty TNHH khoa học kỹ thuật TEXHONG Ngân Long

<sup>1</sup> Tham khảo văn bản số 80/QĐ-TTg về “Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 2 năm 2023”.

kinh tế biển, cảng biển, y tế, giáo dục, văn hoá, thông tin truyền thông, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và xây dựng đô thị thông minh.

– Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác của các địa phương trong vùng, tạo thế đan xen lợi ích trên địa bàn tỉnh và từng địa phương, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

– Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác liên tỉnh trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và xử lý ô nhiễm giữa các khu vực giáp ranh, khu vực chung.

**?** *Hãy trình bày một số giải pháp thu hút đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh.*

### 3. Quảng bá hình ảnh và thu hút các nhà đầu tư

Quảng Ninh được ví như “hình ảnh một Việt Nam thu nhỏ”, là tỉnh duy nhất của cả nước có đường biên giới cả trên bộ, trên biển và trên không với Trung Quốc; sở hữu di sản – kì quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long; có trữ lượng than lớn nhất Đông Nam Á. Xã hội, con người Quảng Ninh hội tụ, giao thoa trong sự đa dạng của nền văn minh sông Hồng; nơi duy nhất có nhà vua sau khi thắng giặc ngoại xâm đã từ bỏ ngai vàng đi tu hoá Phật, xây dựng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử chứa đựng trong mình giá trị tinh thần bất diệt.

Trong quá trình phát triển, Quảng Ninh xác định mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp, dịch vụ hiện đại; trung tâm du lịch quốc tế, một trong những đầu tàu kinh tế của miền Bắc và của cả nước, tích cực chuyển đổi mô hình phát triển từ “nâu” sang “xanh”, trở thành nơi phòng thủ vững chắc về quốc phòng an ninh và phòng tuyến hợp tác cạnh tranh kinh tế quốc tế.

Những năm qua, Quảng Ninh ghi dấu ấn mạnh mẽ trong thu hút, huy động nguồn lực đầu tư cho các dự án, công trình trọng điểm, động lực; cùng nhiều dự án du lịch, dịch vụ cao cấp, công nghiệp chế biến, chế tạo tầm cỡ. Những dự án này đang đóng góp tích cực cho sự phát triển xanh, bền vững của tỉnh Quảng Ninh, thúc đẩy liên kết vùng, hợp tác quốc tế.

Ngày 24-10-2021, Quảng Ninh đã khởi công 4 dự án trọng điểm tại tỉnh, gồm: Dự án Khu đô thị phức hợp Hạ Long Xanh tại thị xã Quảng Yên và TP. Hạ Long; Dự án sân golf Đông Triều; Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh; Dự án Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh.

**Em có biết**



Hình 9.4. Phối cảnh Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh

### 3.1. Về hạ tầng giao thông

Quảng Ninh rất thành công trong đầu tư, phát triển hạ tầng giao thông, được đánh giá là điển hình của cả nước với các công trình đột phá, thí điểm, mở các cửa ngõ giao thông kết nối vùng và trở thành động lực phát triển của tỉnh như đường bao biển Hạ Long – Cẩm Phả; cao tốc Hạ Long – Hải Phòng, Hạ Long – Vân Đồn, Vân Đồn – Móng Cái; cảng hàng không quốc tế Vân Đồn... Đây đều là các dự án chiến lược, hình thành hệ thống hạ tầng giao thông kết nối hiện đại, là những công trình điểm nhấn, mang giá trị mỹ quan kiến trúc, đô thị nổi bật của tỉnh.



Hình 9.5. Đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả

### 3.2. Về hạ tầng công nghệ thông tin

Trong những năm qua, Quảng Ninh đã xây dựng phát triển được hệ thống hạ tầng CNTT cho Chính quyền điện tử và thành phố thông minh theo mô hình tập trung, đồng bộ, thuận lợi trong quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin mạng. Hạ tầng CNTT nền tảng gồm Trung tâm tích hợp dữ liệu (DC) được xây dựng theo chuẩn Tier 3, trung tâm dữ liệu các cơ quan Đảng, nền tảng điện toán đám mây thành phố thông minh, mạng WAN được xây dựng đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, 100% các Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã được trang bị hệ thống CNTT đồng bộ, hiện đại.

### 3.3. Về hạ tầng thương mại

Quảng Ninh đang tích cực huy động nhiều nguồn lực đầu tư vào hạ tầng thương mại. Tỉnh tập trung phát triển hệ thống chợ, siêu thị và trung tâm thương mại, góp phần thay đổi diện mạo, văn minh đô thị và văn hoá tiêu dùng của nhân dân. Mô hình thương mại, siêu thị ngày càng gia tăng về số lượng và quy mô theo hướng hiện đại. Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm đã được quan tâm đầu tư đúng mức, tương xứng với nhu cầu, vị thế của tỉnh. Trung tâm OCOP Quảng Ninh được hình thành mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy việc kết nối các tour du lịch, cũng như quảng bá hình ảnh con người và sản vật Quảng Ninh. Hệ thống kho bãi, xăng dầu ngày càng được quy hoạch và đầu tư đồng bộ, bài bản, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

### 3.4. Về hạ tầng du lịch

Hạ tầng du lịch với các công trình quan trọng tạo thành các sản phẩm du lịch như Cụm công trình Bảo tàng – Thư viện tỉnh Quảng Ninh, Cung quy hoạch và triển lãm tỉnh Quảng Ninh, Khu nghỉ dưỡng cao cấp suối khoáng nóng Quang Hanh, tổ hợp vui chơi giải trí có casino tại Vân Đồn, hệ thống các sân golf tại Vân Đồn, Hạ Long, Đông Triều... tạo ra lực hút hấp dẫn đối với nhà đầu tư và du khách.

### 3.5. Về hạ tầng đô thị

Quảng Ninh đầu tư phát triển hệ thống đô thị theo hướng đồng bộ, xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Quy mô và chất lượng đô thị tăng nhanh, tỉ lệ đô thị hoá thuộc loại cao nhất cả nước. Tỉnh đã huy động nguồn lực nâng cấp tất cả các đô thị đảm bảo liên kết đồng bộ và phát huy thế mạnh của từng địa phương.

Thành phố Hạ Long hướng tới mục tiêu là trung tâm du lịch văn minh, hiện đại, hấp dẫn của cả nước và thế giới. Thành phố Cẩm Phả tích cực đổi mới mô hình từ “nâu” sang “xanh”, phát triển đô thị ven biển bền vững. Thành phố Uông Bí kết nối với thị xã Đông Triều đang dần trở thành trung tâm du lịch tâm linh. Thị xã Quảng Yên trở thành hạt nhân mới thúc đẩy tăng trưởng phía Tây, được nhiều nhà đầu tư lớn xây dựng hạ tầng dịch vụ cảng biển logistic, phát triển đô thị theo hướng hiện đại công nghiệp – công nghệ cao. KKT Vân Đồn với hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại đã tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thu hút nhà đầu tư chiến lược; từng bước xây dựng Vân Đồn trở thành thành phố du lịch biển đảo xanh, sạch và là một trong những mũi đột phá của tỉnh.

### 3.6. Về cải cách hành chính

Quảng Ninh luôn tiên phong trong cải cách hành chính. Với mô hình cải cách hành chính toàn diện, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm môi trường phát triển kinh tế – xã hội bền vững, Quảng Ninh đã xây dựng và triển khai thành công mô hình Trung tâm hành chính công từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Sự tiên phong này đã góp phần hình thành nên hành chính công khai, minh bạch, thuận tiện và hiệu quả.

Nhiều năm gần đây, Quảng Ninh luôn đứng hàng đầu bảng xếp hạng của cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS),...

Với chủ trương lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, nhiều nhà đầu tư đã triển khai hàng loạt các dự án tại các khu vực kinh tế, khu công nghiệp, diện mạo Quảng Ninh sẽ tiếp tục có bước phát triển mới trong tương lai.

? Em hãy kể tên một số công trình, dự án tiêu biểu tỉnh Quảng Ninh đã huy động nguồn lực đầu tư phát triển nhằm quảng bá hình ảnh và thu hút đầu tư trong những năm gần đây.



Em hãy kể tên một số công trình, dự án tiêu biểu tỉnh Quảng Ninh đã thu hút, huy động nguồn lực đầu tư trong những năm gần đây.



Em hãy sưu tầm tài liệu và thiết kế sản phẩm để quảng bá hình ảnh Quảng Ninh (hoặc địa phương) theo một số hình thức gợi ý như sau:

- + Thiết kế sản phẩm trên phần mềm như Canva, Minmap, Infographic,...
- + Xây dựng các video, phim hoạt hình ngắn.
- + Thiết lập website, trang fanpage, kênh tiktok,...

## Chủ đề 3 KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP

10

### NHU CẦU NHÂN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG NINH

- Trình bày được các yếu tố tác động đến nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh.
- Trình bày được chủ trương, chính sách của tỉnh Quảng Ninh trong việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Xác định được cơ hội, thách thức của người lao động trong vấn đề lao động, việc làm tại tỉnh Quảng Ninh.
- Xác định được mục tiêu định hướng nghề nghiệp của bản thân và xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.



Quảng Ninh được biết đến là tỉnh có nhiều thành phố trực thuộc nhất Việt Nam cho tới thời điểm năm 2022. Quảng Ninh là tỉnh duy nhất của Việt Nam đã có được cho mình các điều kiện dành cho phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội mang đầy đủ các đặc trưng của Việt Nam như: Rừng - tài nguyên - biển - du lịch - biên giới, thương mại... Quảng Ninh là một địa phương giàu tiềm năng du lịch, với hơn 600 danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử được xếp hạng, đặc biệt có vịnh Hạ Long hai lần được UNESCO công nhận là “Di sản thiên nhiên thế giới” về giá trị cảnh quan và giá trị địa chất, địa mạo và được vinh danh là một trong 7 kì quan thiên nhiên mới của thế giới, hằng năm thu hút lượng khách du lịch lớn đến tham quan du lịch. Điều kiện địa hình rất đa dạng, phong phú là điều kiện để Quảng Ninh phát triển đa dạng nhiều ngành kinh tế, như khai thác khoáng sản, nông - lâm - ngư nghiệp. Đường biên giới trải dài trên biển và đất liền, trên không tạo điều kiện giao lưu và xuất - nhập khẩu hàng hoá...

Chính những điều kiện nêu trên đã tạo nên một Quảng Ninh năng động và nhân lực cho tỉnh theo đó cũng được coi là yếu tố quan trọng, là nền tảng vững chắc để tỉnh Quảng Ninh phát triển bền vững.



#### 1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ninh

**Bảng 10.1.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015-2020

(Đơn vị tính: %)

TT		Năm 2015	Năm 2020	Tăng, giảm tỉ trọng cơ cấu kinh tế 2020 so với 2015
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	7,7	5,9	-1,8
2	Công nghiệp và xây dựng	49,2	49,5	+0,3
3	Dịch vụ + thuế sản phẩm	43,1	44,6	+1,5

(Nguồn: Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV nhiệm kỳ 2021-2025)

**Bảng 10.2.** Quy mô và tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015-2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2020	Bình quân (2015-2020)
Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	8,1	10	10,7
Trong đó:				
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	4,1	3,5	3,5
- Công nghiệp & xây dựng	%	7,6	11,9	11,0
- Dịch vụ + thuế sản phẩm	%	9,3	8,8	11,5
Giá hiện hành	tỉ đồng	113.908	211.476	
GRDP bình quân đầu người	USD/người	4.232	6.742	

(Nguồn: Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025)

#### Kết luận:

– Kinh tế Quảng Ninh liên tục tăng trưởng cao, ổn định và chuyển dịch theo hướng bền vững (giảm tỉ trọng của các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, giữ ổn định tỉ trọng công nghiệp và xây dựng, tăng tỉ trọng các ngành dịch vụ).

– Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh luôn đạt ở mức cao so với bình quân chung của cả nước (quy mô nền kinh tế năm 2020 ước đạt 211.467 tỉ đồng gấp 1,86 lần so với năm 2015).

– Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của Quảng Ninh và thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đều tăng nhanh và cao hơn so với trung bình chung cả nước. Tổng sản phẩm bình quân đầu người đến hết năm 2020 đạt trên 6.700 USD, gấp hơn 2 lần bình quân chung cả nước (2.800 USD).

– Để duy trì được quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỉnh Quảng Ninh có những nhu cầu cơ bản về nhân lực cho thị trường lao động của mình:

- + Số lượng người lao động trong tất cả các ngành đều tăng nhanh;
- + Nhu cầu nhân lực chất lượng cao, nhân lực qua đào tạo bài bản được xác định cần với số lượng lớn;
- + Nhu cầu nhân lực trong các ngành dịch vụ, đặc biệt là các ngành du lịch tăng nhanh (doanh thu từ du lịch tăng 11,9%/năm).



1. Dựa vào các bảng số liệu trên, kết hợp với những nguồn thông tin khác, hãy phân tích xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, so sánh quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh với một số địa phương khác và cả nước.

2. Hãy nhận xét nhu cầu về nhân lực cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế đã nêu.

## 2. Vấn đề dân cư của tỉnh Quảng Ninh ảnh hưởng tới nguồn nhân lực cho thị trường lao động của tỉnh

**Bảng 10.3.** Dân cư tỉnh Quảng Ninh năm 2019

Dân cư tỉnh Quảng Ninh	Số lượng	Tỉ lệ %	Ghi chú
Tổng số	1.320.324		Đến 01-4-2019
Trong đó:			
– Nam	671.522	50,86	
– Nữ	648.802	49,14	
– Khu vực nông thôn	474.070	35,91	Mật độ dân số: 93 người/km <sup>2</sup>
– Khu vực thành thị	846.254	64,09	Mật độ dân số: 840 người/km <sup>2</sup>

(Nguồn: Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019)

Kết luận: Những yếu tố dân cư tác động đến nguồn nhân lực:

Thuận lợi:

– Quảng Ninh là tỉnh tương đối đông dân, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực tại chỗ khá dồi dào. Tỉnh có hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề có năng lực đào tạo tốt, đáp ứng được nhiều yêu cầu của những ngành kinh tế trọng điểm.

– Tỉ lệ cư dân ở khu vực thành thị tương đối cao, có khả năng tiếp cận các cơ hội học tập, đào tạo và có khả năng tiếp cận tốt với các thông tin về thị trường lao động.

– Quảng Ninh đang trong thời kì dân số vàng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp nhân lực cho phát triển kinh tế.

Khó khăn:

– Tốc độ già hoá dân số nhanh, thời gian dân số vàng sớm kết thúc, sự chênh lệch nam/nữ tạo ra sự bất bình đẳng giới và mầm mống của bất ổn xã hội.

– Mật độ dân cư vùng nông thôn khá thấp; nhiều vùng xa và khó khăn, ít có điều kiện phát triển kinh tế; người dân ít có điều kiện tiếp cận với quá trình đào tạo nghề để phát triển kinh tế.

– Số lượng người lao động được đào tạo lành nghề và một số nghề công nghệ cao chưa đủ cho nhu cầu đang tăng rất nhanh của thị trường lao động trong tỉnh.



Dựa vào thông tin bảng 10.3, kết hợp với những nguồn thông tin khác, hãy phân tích và chỉ ra những yếu tố tác động đến nguồn nhân lực cho thị trường lao động của tỉnh.

## 3. Cơ hội cho người lao động tại Quảng Ninh

Tỉnh Quảng Ninh xây dựng nhiều quy hoạch cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, trong đó có cả quy hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, theo đó người lao động sẽ có nhiều cơ hội với những định hướng tiêu biểu sau:

a) Tỉnh Quảng Ninh mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, thúc đẩy sản xuất thông minh, du lịch, y tế, giáo dục, thông tin truyền thông, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và xây dựng đô thị thông minh. Như vậy, nhân lực chất lượng cao trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông sẽ trở thành nguồn lực thúc đẩy cho sự phát triển của các nguồn lực khác.

b) Về phát triển du lịch, dịch vụ: Xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế phát triển theo chiều sâu có trọng tâm, trọng điểm; trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đang là định hướng được tỉnh quan tâm và đầu tư mạnh mẽ: Sinh viên theo học các ngành du lịch tại Trường Đại học Hạ Long và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã, đang và sẽ nhận được nhiều ưu đãi trong khi học và sau khi tốt nghiệp.

c) Tỉnh Quảng Ninh đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải, kinh tế thương mại, dịch vụ biên giới. Hình thành, mở rộng các trung tâm tài chính – ngân hàng lớn tại Hạ Long, Móng Cái, Vân Đồn. Với tốc độ tăng trưởng chung khá cao, tỉ trọng đóng góp của các ngành này tạo ra triển vọng về thu nhập rất tốt cho người lao động cả trước mắt cũng như lâu dài.

d) Về phát triển công nghiệp: Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, tăng nhanh tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp thông minh có giá trị gia tăng lớn, quản trị hiện đại tạo đột phá đóng góp vào GRDP và thu ngân sách. Phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên, mới, công nghệ cao: Công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử – viễn thông; sản phẩm số, ô tô, công nghiệp dược phẩm, công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp môi trường, công nghiệp thời trang... Phát triển công nghiệp phụ trợ, phục vụ công nghiệp sản xuất, chế biến, chế tạo.

Tỉnh phát triển hợp lí công nghiệp khai khoáng theo quy hoạch, hiện đại hoá công nghệ khai thác; như vậy, mặc dù tỉ trọng của công nghiệp khai khoáng giảm xuống nhưng tổng giá trị không giảm, trong thời gian sắp tới nhân lực cho công nghiệp khai khoáng vẫn liên tục cần được bổ sung.

Ngoài ra, tỉnh cũng xác định phát triển hợp lí và có hiệu quả ngành công nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu phục vụ cho ngành du lịch, dịch vụ, vận tải; phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo, lắp ráp, sửa chữa máy móc, máy thi công.

e) Nông nghiệp được xác định phát triển theo hướng hiện đại. Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển toàn diện cả về nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển dịch vụ, công nghiệp với nông nghiệp và lợi thế của thị trường để thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông thôn và tái cơ cấu nông nghiệp. Người lao động ở khu vực nông thôn sẽ được ưu tiên đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất và kinh doanh; tạo ra sự bình đẳng với các ngành, nghề khác.

f) Phát triển kinh tế biển và ven biển: Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển; tập trung phát triển bền vững các hành lang kinh tế, đô thị ven biển. Xây dựng, khai thác có hiệu quả các cảng biển và dịch vụ vận tải cảng biển có quy mô lớn, dịch vụ logistics chuyên nghiệp; đồng thời với việc thu hút nhân lực chất lượng cao từ các địa phương khác, tỉnh Quảng Ninh cũng chú trọng việc tạo ra môi trường đào tạo các nghề có liên quan tới kinh tế biển và ven biển ngay tại địa phương.



? Dựa vào xu thế phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ninh, hãy liệt kê những ngành nghề có khả năng tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.



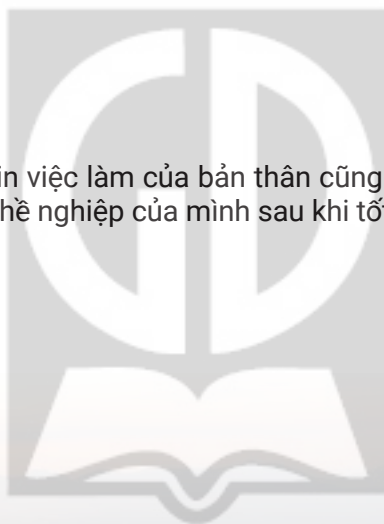
Hãy tìm hiểu và thống kê những doanh nghiệp ở địa phương mà em có quan tâm theo các nội dung sau:

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh;
- Quy mô;
- Nhu cầu tuyển dụng lao động;
- Triển vọng về thu nhập của người lao động tại các doanh nghiệp đó.

Hãy trao đổi thông tin với các bạn cùng lớp về những gì mình thu thập được.



Trên cơ sở tìm hiểu thông tin việc làm của bản thân cũng như các bạn cùng lớp, hãy lập một kế hoạch chuẩn bị cho nghề nghiệp của mình sau khi tốt nghiệp THPT.



## Chủ đề 4 CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

# 11

## VẤN ĐỀ AN SINH XÃ HỘI Ở QUẢNG NINH

- Liệt kê được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản của tỉnh Quảng Ninh.
- Thực hiện được trách nhiệm công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể.



An sinh xã hội là hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế, bảo đảm cho người dân cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,...

An sinh xã hội được xác định là một bộ phận quan trọng của chính sách xã hội, nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tỉnh Quảng Ninh luôn thực hiện tốt chính sách bảo đảm an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm quyền được hưởng an sinh xã hội của công dân, chú trọng đối tượng yếu thế, người có công, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

? An sinh xã hội là gì?



### 1. Chính sách an sinh xã hội cơ bản của tỉnh Quảng Ninh

#### 1.1. Chính sách giảm nghèo bền vững

Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều chính sách riêng về an sinh, phúc lợi xã hội. Chỉ tính từ năm 2016 đến 2020, tỉnh đã chi trên 8.980 tỉ đồng để thực hiện các chính sách này.

Nhiều cơ chế, chính sách nhằm giảm nghèo bền vững đã được ban hành và thực hiện hiệu quả từ những nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Nghị quyết số 39/2010/NQ-HĐND ngày 10-12-2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2020; Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 7-12-2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó

khẩn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 13-7-2018 về quy định mức chi hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020,...

Từ những giải pháp đồng bộ, tỉ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều của Quảng Ninh giảm từ 4,56% năm 2015 xuống còn 0,36% năm 2020; tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm còn 3,9% năm 2020. Bảo đảm 100% số gia đình và người có công với cách mạng có mức sống cao hơn mức sống trung bình của người dân địa phương.



Hình 11.1. Ngày 7/12/2016, tại kì họp thứ tư, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII đã thông qua Nghị quyết về việc bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh



Hình 11.2. Lãnh đạo tỉnh phát lệnh chính thức đóng điện lưới quốc gia ra đảo Trần ngày 2-9-2020, ghi dấu sự kiện 100% khu vực dân cư thuộc tỉnh Quảng Ninh có điện lưới quốc gia

## 1.2. Phát triển hệ thống cung cấp các dịch vụ xã hội, trợ giúp xã hội hiện đại, chuyên nghiệp; khuyến khích các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập

Tỉnh Quảng Ninh đã thành lập các đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ xã hội công như Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Điều dưỡng người có công, Cơ sở bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và Trung tâm Công tác xã hội. Các đơn vị này đã đáp ứng nhu cầu vật chất cơ bản cho mọi đối tượng yếu thế là trẻ em, người già cô đơn, người tàn tật mất khả năng lao động trong cộng đồng.

Quảng Ninh khuyến khích phát triển các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập. Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh mở rộng hoạt động, tiếp nhận nuôi dưỡng các đối tượng tự nguyện đóng góp kinh phí.

Quảng Ninh mở rộng đối tượng hưởng trợ cấp xã hội ngoài quy định của Chính phủ. Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn. Đối với người sinh sống tại cộng đồng, giai đoạn từ 1-8-2021 đến 31-12-2022 mức trợ giúp xã hội là 450 ngàn đồng/tháng; giai đoạn từ 1-1-2023 trở đi mức trợ giúp xã hội 500 ngàn đồng/tháng. Đối với người nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, mức chuẩn trợ cấp xã hội là 500 ngàn đồng/tháng.

Tính đến tháng 10-2021, tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chế độ trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là 41.958 người, trong đó 11 đối tượng được hưởng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ là 37.333 người, số đối tượng được trợ giúp theo chính sách riêng của tỉnh Quảng Ninh tại Nghị quyết số 21/21/NQ-HĐND là 4.625 người, với mức hỗ trợ cao hơn mức quy định của Chính phủ.

## 1.3. Chính sách đảm bảo nhu cầu vật chất cơ bản

Quảng Ninh luôn có những chính sách kịp thời đảm bảo nhu cầu vật chất cơ bản như nhà ở, điện, nước sạch, thông tin... cho nhân dân, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình khó khăn.

– **Nhà ở:** Giai đoạn 2017-2020, Quảng Ninh phát động các cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp ủng hộ 77 tỉ đồng hỗ trợ 1362 hộ nghèo khó khăn về nhà ở, có nhu cầu xây dựng nhà ở thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn.



Hình 11.3. Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh tổ chức hoạt động vui chơi đón Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 cho các đối tượng đang được chăm sóc tại đây



Hình 11.4. Tiết mục biểu diễn văn nghệ của trẻ câm điếc tại lễ khai giảng năm học mới 2021-2022 tại Cơ sở bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tỉnh Quảng Ninh

Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hoả hoạn hoặc lí do bất khả kháng mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ kinh phí làm nhà ở với mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/hộ.

+ Hộ phải di dời nhà khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hoả hoạn hoặc lí do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ phí di dời nhà ở với mức hỗ trợ là 35 triệu đồng/hộ.

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hoả hoạn hoặc lí do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức hỗ trợ là 25 triệu đồng/hộ.

Quảng Ninh xây dựng Chương trình Phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, chú trọng nhà ở phục vụ nhu cầu của người lao động có thu nhập thấp, đối tượng chính sách... Phấn đấu năm 2025, diện tích nhà ở của Quảng Ninh bình quân đạt 27,5m<sup>2</sup> sàn/người.

– **Điện, nước sạch, thông tin:** Năm 2016, tỉnh Quảng Ninh hoàn thành 100% xã có điện lưới quốc gia. Về nước sạch, từ năm 2016 đến năm 2020, tỉnh hỗ trợ 43 công trình nước sinh hoạt tập trung cho 2.178 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 5.268 hộ, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 614 hộ. Năm 2020, tỉ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,3%. Quảng Ninh xây dựng Đề án Bảo đảm an ninh nguồn nước giai đoạn 2021-2022, định hướng đến năm 2030. Đảm bảo 100% dân số ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn được nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương trên các phương tiện.

#### 1.4. Y tế và giáo dục được đầu tư phát triển

– **Y tế:** Quảng Ninh ban hành và thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 23-3-2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Quy hoạch này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh cục bộ năm 2020, trong đó bổ sung “Đầu tư xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh”. Các chỉ tiêu y tế của Quảng Ninh đều vượt mức đề ra và cao hơn so với bình quân cả nước: Năm 2020 đạt tỉ lệ 14,8 bác sĩ/vạn dân; 54,6 giường bệnh/vạn dân; 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; 100% số người nghèo, đối tượng chính sách được khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế; trên 97% số dân được lập hồ sơ sức khoẻ, trong đó trên 82% hồ sơ được cập nhật thông tin.

Hệ thống cơ sở khám chữa bệnh công lập của Quảng Ninh được hoàn thiện. Cùng với các bệnh viện quy mô lớn như Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển (Uông Bí), Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh và các bệnh viện tuyến huyện là các cơ sở chuyên sâu như: Bệnh



Hình 11.5. Hội Chữ thập đỏ tỉnh và Mặt trận Tổ quốc thành phố Cẩm Phả khởi công xây nhà cho hộ nghèo ở phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả (tháng 5-2020)

viện Phổi, Bệnh viện Sản Nhi, Trung tâm Tim mạch – Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Ung bướu – Bệnh viện Bãi Cháy, Bệnh viện Lão khoa. Y tế ngoài công lập được khuyến khích phát triển như Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long, Bệnh viện mắt quốc tế Việt – Nga Hạ Long...

Quảng Ninh phấn đấu trở thành một trong những trung tâm dịch vụ y tế kỹ thuật cao của cả nước để phục vụ nhân dân cùng thúc đẩy phát triển du lịch.

Quảng Ninh xây dựng và thực hiện đề án Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng và y tế điều trị; chất lượng chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

– **Giáo dục:** Từ năm 2010 đến năm 2020, HĐND tỉnh đã ban hành 15 nghị quyết về các chính sách đặc thù thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, trong đó có 10 nghị quyết quy định các chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Chính sách hỗ trợ học phí và chi phí học tập cho đối tượng bảo trợ xã hội và khó khăn được quy định tại Nghị quyết số 21/21/NQ-HĐND ngày 16-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hỗ trợ 100% học phí năm học 2021-2022 cho trẻ mầm non và học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27-8-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND ngày 09-12-2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ học phí học văn hoá cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 27-8-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt – Hàn Quảng Ninh và Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025. Trong đó, có quy định: Thương mức cao nhất 50 triệu đồng nếu đạt giải Nhất kì thi học sinh giỏi cấp quốc gia (Nghị quyết số 63 của HĐND tỉnh – ưu đãi với học sinh Trường THPT chuyên Hạ Long); được hỗ trợ cao nhất tiền học phí, miễn phí chỗ ở tại kí túc xá và tiền ăn 600 nghìn đồng/người/tháng nếu có đăng kí thường trú tại tỉnh Quảng Ninh và thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thuộc các xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, tốt nghiệp các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an.

### **1.5. Nâng cao đời sống kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo đi đôi với giữ gìn bản sắc văn hoá**

Vùng có người dân tộc thiểu số sinh sống, miền núi, biên giới và biên đảo của tỉnh đã có bước phát triển vượt bậc với dấu ấn mới. Số hộ nghèo là dân tộc thiểu số đã giảm từ 20,3% năm 2016 xuống còn 2,23% năm 2019.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 16-7-2021 về Chương trình phát triển bền vững kinh tế – xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng – an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (dự kiến dành khoảng 4.000 tỉ đồng từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn xã hội hoá để thực hiện chương trình) nhằm thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch vùng miền.

Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người tăng tối thiểu 2 lần so với năm 2020; tỉ lệ hộ nghèo giảm trung bình 3%/năm; trên 98% đồng bào dân tộc thiểu số có bảo hiểm y tế; 100% số hộ dân trên địa bàn được sử dụng điện; 100% học sinh dân tộc thiểu số được định hướng nghề nghiệp, phần đầu 30% học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng vào học nghề, vừa học văn hoá vừa học nghề; 100% các thôn được phủ sóng điện thoại di động và hạ tầng cáp quang; 50% số thôn có đội, câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng,...

Một trong các khâu đột phá để phát triển đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kì 2020-2025 xác định là: Xây dựng nền văn hoá giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh.

- ?
1. An sinh xã hội ở tỉnh Quảng Ninh được bảo đảm như thế nào?
  2. Các chính sách an sinh xã hội của tỉnh Quảng Ninh có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh?

## 2. Trách nhiệm công dân về an sinh xã hội

Đối với an sinh xã hội, công dân có trách nhiệm như sau:

- Tìm hiểu chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh Quảng Ninh về công tác an sinh xã hội, góp phần xây dựng và thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- Trách nhiệm xây dựng gia đình mình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; vận động và cùng mọi người quan tâm, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.
- Tuân thủ pháp luật, thực hiện nghiêm những quy định bảo đảm an sinh xã hội như phòng, chống dịch bệnh (Ví dụ: Thực hiện 5K với Covid-19); thực hiện nguyên tắc cộng đồng (Ví dụ: Thực hiện hương ước, quy ước khu dân cư, nội quy nhà trường, Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh,...); bảo đảm an toàn xã hội (Ví dụ: Cấp cứu người bị nạn); bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy,...
- Nêu cao ý thức, trách nhiệm vì cộng đồng, tham gia các tổ chức, đoàn thể cùng các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, như hoạt động Chữ thập đỏ, hoạt động tình nguyện,...



Hình 11.6. Các học viên CLB Bóng đá cộng đồng Hạ Long Kids tặng cặp sách và dụng cụ học tập cho học sinh Trường Tiểu học và THCS Kỳ Thượng (Hạ Long)

– Nắm rõ thông tin liên lạc (số điện thoại) của các cơ sở dịch vụ xã hội, trợ giúp xã hội để liên lạc khi cần thiết.

– Hưởng ứng các cuộc vận động, ủng hộ nhân dân nơi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hoạn nạn để khắc phục hậu quả; ủng hộ các hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,...

– Quan tâm tuyên truyền các vấn đề đảm bảo an sinh xã hội (Ví dụ: Sự cần thiết tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...); phản ánh những hoàn cảnh cần được hỗ trợ, giúp đỡ; thông tin những bất cập trong thực hiện chính sách an sinh xã hội để được khắc phục kịp thời.

**?** Công dân cần phải làm gì và có trách nhiệm như thế nào để công tác an sinh xã hội được thực hiện hiệu quả?



1. Liệt kê một số chính sách an sinh xã hội cơ bản của tỉnh Quảng Ninh.

Lĩnh vực an sinh xã hội	Chính sách của tỉnh Quảng Ninh
Giảm nghèo	– Nghị quyết số 39/2010/NQ-HĐND ngày 10-12-2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2020; – Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 7-12-2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; – Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 13-7-2018 về quy định mức chi hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020
Trợ giúp xã hội	
Y tế	
Giáo dục...	

2. Nêu những dự định thực hiện trách nhiệm công dân đối với công tác an sinh xã hội.



1. Giới thiệu về một trong các cơ sở: Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh (<https://baotroxahoiquangninh.vn>), Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tỉnh Quảng Ninh (<http://cosobaotrotreemqn.vn>) và Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ninh (<http://www.congtacxahoiquangninh.vn>).

2. Giới thiệu một tấm gương trong thực hiện công tác an sinh xã hội mà em biết.



# 12

## QUẢNG NINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

- *Nêu được những thành tựu cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng.*
- *Giới thiệu/ quảng bá một số thành tựu cơ bản ở địa phương bằng những việc làm cụ thể.*



Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, bao gồm cả đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới về công tác tổ chức cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác, đã đưa đất nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới. Từ năm 1986 đến nay, Quảng Ninh thực thi và phát triển sáng tạo đường lối đổi mới, từng bước đạt được những thành tựu lớn, trở thành một tỉnh đột phá đi đầu trên các lĩnh vực, góp phần cùng cả nước phát triển.



*Vì sao Đảng ta đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước?*

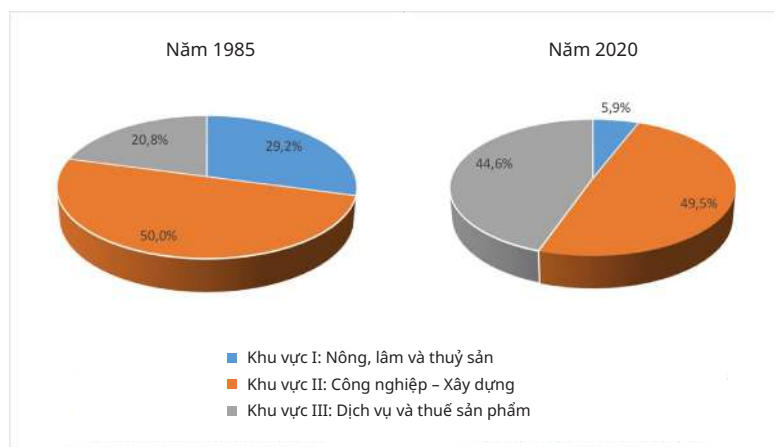


### 1. Thành tựu về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng

#### 1.1. Đổi mới và phát triển kinh tế làm trung tâm

– *Tập trung đổi mới và phát huy vai trò của các thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.* Doanh nghiệp kinh tế nhà nước tiêu biểu là Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam vẫn giữ vững vai trò quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Kinh tế tư nhân đã trở thành một động lực của nền kinh tế với tỉ trọng số vốn đầu tư phát triển hằng năm trên địa bàn tỉnh tăng cao. Một số doanh nghiệp có quy mô lớn tập trung vào lĩnh vực du lịch, xây dựng hạ tầng, kinh doanh bất động sản như Công ty TNHH Âu Lạc, Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Sun Group... Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có đóng góp ngày càng quan trọng vào nền kinh tế của tỉnh. Cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch tích cực, công nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao, nông nghiệp giảm còn 5,9% năm 2020.

Từ một tỉnh Trung ương cấp ngân sách, đến năm 2004, Quảng Ninh vươn lên thành địa phương tự cân đối và đứng vào nhóm các tỉnh, thành có số thu ngân sách và tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước.



Hình 12.1. Cơ cấu kinh tế năm 1985 và năm 2020

– *Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy các nguồn ngoại lực.* Quảng Ninh thuộc nhóm những địa phương thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất cả nước. Từ 11 dự án FDI với số vốn đầu tư 98 triệu USD giai đoạn 1991-1995, đến cuối năm 2021, Quảng Ninh có 145 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng kí đạt khoảng 8,15 tỉ USD.

– *Xây dựng, phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế tạo động lực phát triển.* Khu công nghiệp Cái Lân là khu công nghiệp đầu tiên của tỉnh thành lập năm 1997. Hiện nay, Quảng Ninh có 5 khu kinh tế, 10 khu công nghiệp và 6 cụm công nghiệp. Trong đó, các khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển có quy mô lớn, chiếm 1/3 diện tích tự nhiên của tỉnh. Riêng 2 khu kinh tế ven biển của Quảng Ninh chiếm 9% tổng diện tích đất các khu kinh tế ven biển cả nước.



Hình 12.2. Thu ngân sách nhà nước (tỉ đồng)

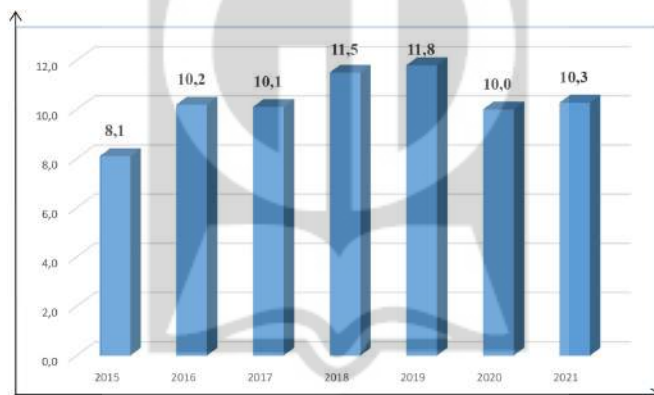
– *Phát triển, hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.* Từ tỉnh có 6 bến phà chia cắt các tuyến quốc lộ, đến nay Quảng Ninh có hệ thống giao thông hoàn thiện, đặc biệt có trục đường cao tốc kéo dài gần 180km nối từ cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến thành phố Móng Cái, là tỉnh có tuyến đường cao tốc dài nhất nước. Quảng Ninh là tỉnh duy nhất trong cả nước huy động tư nhân đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế (tại Vân Đồn), Cảng tàu khách quốc tế (tại Hạ Long) và là tỉnh đầu tiên đưa cáp ngầm điện lưới quốc gia vượt biên ra huyện đảo (Cô Tô, Vân Đồn). Quảng Ninh có 13 đô thị, trong đó là tỉnh duy nhất của cả nước có 4 thành phố. Kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội đồng bộ tạo cho Quảng Ninh mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

– Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Quảng Ninh đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững, Đề án 196 (Đề án nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh) và Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP). Chương trình OCOP Quảng Ninh trở thành điển hình được Chính phủ quyết định nhân rộng ra toàn quốc.



Hình 12.3. Hội nghị xúc tiến đầu tư Quảng Ninh năm 2012

– Đẩy mạnh cải cách và hiện đại hoá nền hành chính, từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế, không ngừng cải thiện môi trường đầu tư. Năm 2014, Quảng Ninh công bố 7 quy hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tỉnh xây dựng mô hình và vận dụng sáng tạo hình thức đối tác công – tư (PPP) để huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ. Quảng Ninh đi đầu trong cả nước về xây dựng hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện đã tạo điều kiện, thuận lợi lớn cho người dân và doanh nghiệp.



Hình 12.4. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn (GRDP) (%)

Môi trường đầu tư của tỉnh liên tục được cải thiện, các chỉ số cạnh tranh, phát triển đứng ở tốp đầu và dẫn đầu cả nước. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) đứng đầu cả nước 4 năm liên tiếp (2017-2020); chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng đầu cả nước 2 năm liên tiếp (2019-2020); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) từ vị trí thứ 62 năm 2016 vươn lên thứ 3 năm 2019 và đứng đầu cả nước năm 2020.

## 1.2. Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị và phát huy quyền làm chủ của nhân dân

– Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị. Từ năm 1986, trên tinh thần đổi mới, tỉnh Quảng Ninh chủ động nghiên cứu, xây dựng, đề xuất nhiều thể chế, cơ chế, chính sách về tổ chức, cán bộ, trong đó có nhiều văn bản thể hiện tư duy và hành động đi trước đón đầu, đột phá. Kế thừa và phát huy thành tựu giai đoạn trước, ngày 28-2-2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành Chỉ thị số 25-CT/TU về triển khai thực hiện Kết luận số 64-KL/TW ngày 28-5-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 5-12-2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nội dung “đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy, biên chế”.

Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU, Quảng Ninh tiến hành xây dựng Đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” và được gọi tắt là Đề án 25. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề số 19-NQ/TU, ngày 3-3-2015, “Về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”.

Đề án 25 và Nghị quyết 19-NQ/TU được đánh giá là sáng kiến của Quảng Ninh trong chủ động và quyết liệt sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, mạnh dạn thí điểm thành công nhiều mô hình mới. Nhiều tỉnh, thành phố đã tới Quảng Ninh trao đổi, tìm hiểu về sáng kiến này.

– *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân.* Quảng Ninh thực sự là nơi hội tụ, từ 22 thành phần dân tộc chung sống năm 2009, đến năm 2019 số thành phần dân tộc tăng lên 43. Quảng Ninh coi trọng công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo sự đoàn kết, đồng thuận trong đồng bào các dân tộc của tỉnh. Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và triển khai quyết liệt, có hiệu quả các đề án, quy định phát huy vai trò, nâng cao vị thế của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội và nhân dân trong giám sát, đánh giá, phản biện, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền.

### **1.3. Chăm lo phát triển các lĩnh vực văn hoá – xã hội, nâng cao đời sống nhân dân**

– *Xây dựng và phát triển văn hoá, con người trong tiến trình đổi mới.* Phát huy giá trị truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”, tỉnh Quảng Ninh chú trọng xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

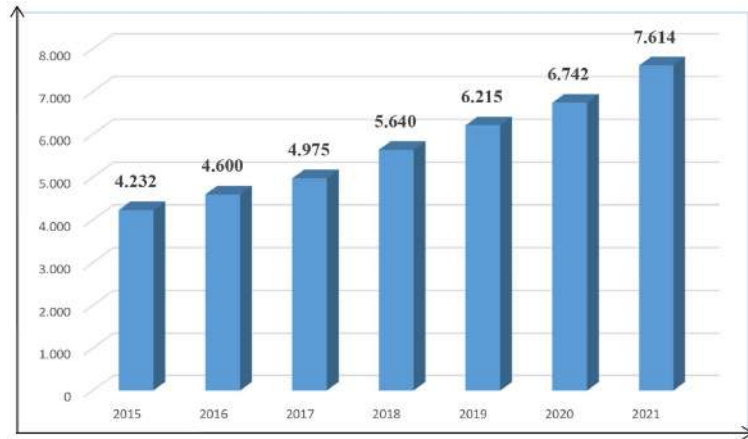
Năm 2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU “Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”, trong đó có mục tiêu xây dựng con người Quảng Ninh với các đặc trưng “Năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện”.

Các thiết chế văn hoá được tỉnh đầu tư, điển hình là các công trình trọng điểm mang tầm quốc gia, khu vực như: Cụm công trình Bảo tàng – Thư viện, Quảng trường 30-10, Cung Quy hoạch, hội chợ, triển lãm; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh, Cụm thông tin cô động biên giới, Trung tâm Văn hoá, thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc... Quảng Ninh có 5 tác giả được trao Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, 2 nghệ sĩ được phong nghệ sĩ nhân dân, 1 vận động viên cờ vua được phong đại kiện tướng thế giới.

– *Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học – công nghệ.* Về giáo dục và đào tạo, từ một tỉnh chưa được đánh giá cao về thành tích học tập đã vươn lên là một tỉnh học tập với nhiều học sinh giành giải cao trong các cuộc thi trong nước, quốc tế. Tỉnh có 3 học sinh đạt huy chương tại các kì thi Olympic quốc tế, khu vực. Tính đến năm 2021, sau 21 lần cuộc thi *Đường lên đỉnh Olympia*, Quảng Ninh là địa phương duy nhất trong cả nước có đến 3 thí sinh giành vòng nguyệt quế.

Quảng Ninh chú trọng phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và dành khoảng 5% kinh phí chi thường xuyên cho lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2020 đạt tới 45,24%. Tính đến năm 2022, Quảng Ninh đã có 7 đề tài, giải pháp giành giải nhất qua các lần hội thi toàn quốc và 3 đề tài, giải pháp được các tổ chức khoa học quốc tế trao giải thưởng.

– *Công tác bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện chính sách đối với người có công.* Tỉnh Quảng Ninh đã coi trọng công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, đẩy mạnh phong trào phòng chống dịch. Đối với nguồn nhân lực, năm 1986 toàn tỉnh mới có hơn 4 bác sĩ/ vạn dân, đến năm 2022 đạt gần 15 bác sĩ/ vạn dân. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Quảng Ninh nằm trong nhóm các địa phương cao nhất cả nước.



Hình 12.5. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người (USD/người)

Từ năm 1986, Quảng Ninh chú trọng công tác xoá đói, giảm nghèo, bảo trợ xã hội. Đến năm 2005, Quảng Ninh không còn hộ đói. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm xuống còn 0,36% năm 2020. Đến nay 100% số hộ gia đình chính sách, có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh đã có cuộc sống ổn định, đều có mức sống bằng và cao hơn mức sống chung của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày một được nâng cao.

– *Xây dựng, phát triển, hiện đại hoá hệ thống thông tin, báo chí.* Ngay trong những năm đầu đổi mới, lĩnh vực viễn thông của tỉnh Quảng Ninh đã “Đi thẳng vào công nghệ hiện đại, số hoá, đa dịch vụ”. Năm 2006, Quảng Ninh là tỉnh đầu tiên cấp quang hoá toàn tỉnh. Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) năm 2021 và trước đó là chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông (ICT Index) của tỉnh Quảng Ninh luôn đứng vị trí top 5 dẫn đầu toàn quốc.

Quảng Ninh là tỉnh đầu tiên đề xuất thí điểm triển khai xây dựng Trung tâm Truyền thông tỉnh trên cơ sở sáp nhập các cơ quan báo chí, thông tin (Báo Quảng Ninh, Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Hạ Long, Cổng Thông tin điện tử tỉnh) đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả.

#### 1.4. Giữ vững quốc phòng, an ninh, xây dựng môi trường hoà bình, ổn định

– *Bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới, biển đảo, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.* Tỉnh Quảng Ninh thực hiện nhiều cơ chế chính sách kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới, biển đảo, vùng đồng bào dân tộc. An ninh chính trị được đảm bảo, ứng phó kịp thời với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tỉnh chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

– *Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giữ vững thành quả đổi mới trên mảnh đất địa đầu của Tổ quốc.* Trước tác động của toàn cầu hoá, mặt trái của cơ chế thị trường, sự chống phá của các thế lực thù địch, đặc biệt là thông tin xấu độc trên mạng Internet, hệ thống thông tin, tuyên truyền của Quảng Ninh đã chủ động cung cấp thông tin định hướng. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được đẩy mạnh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Quảng Ninh an toàn, năng động, phát triển, dân trở trở thành “nơi cần đến, nơi đáng sống”.

? Dựa vào hình 12.1, 12.2, 12.4, hãy nhận xét về cơ cấu kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

## 2. Quảng bá thành tựu của tỉnh Quảng Ninh

### 2.1. Viết bài, chụp ảnh, quay clip giới thiệu, chia sẻ trên các phương tiện truyền thông về những công trình dấu ấn phát triển của Quảng Ninh từ năm 1986 tới nay

*Các công trình kinh tế:* Các nhà máy, cơ sở sản xuất tại các Khu công nghiệp (KCN) và Khu kinh tế (KKT). (10 KCN là: KCN Cái Lân, Việt Hưng, Sông Khoai, Đông Mai, TEXHONG – Hải Hà, Dịch vụ Đầm Nhà Mạc, Hải Yên, phụ trợ ngành Than, Tiên Yên, Đông Triều; 5 KKT là: KKT Vân Đồn, cửa khẩu Móng Cái, cửa khẩu Hoành Mô – Đồng Văn, cửa khẩu Bắc Phong Sinh, ven biển Quảng Yên).

Công trình điện lưới ra đảo Cô Tô, đảo Cái Chiên; các nhà máy nhiệt điện (từ 1 nhà máy nhiệt điện Uông Bí, đến nay có 7 nhà máy nhiệt điện: Uông Bí, Quảng Ninh, Cẩm Phả, Mạo Khê, Mông Dương I, Mông Dương II, Thăng Long) và Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh,...

*Các công trình giao thông:* Tuyến cao tốc Hạ Long – Vân Đồn – Móng Cái, tuyến đường bao biển Hạ Long – Cẩm Phả, đường ven sông Quảng Yên – Đông Triều; các cây cầu Bãi Cháy, Bạch Đằng, Bắc Luân II, Tình Yêu, Vân Tiên; Cảng hàng không Vân Đồn; Cảng tàu quốc tế Tuần Châu, Cảng tàu khách quốc tế Hòn Gai, Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh...



Hình 12.6. Cầu Vân Tiên dài 1.515m, là cầu lớn nhất trong tổng số 32 cầu trên toàn tuyến cao tốc đường bộ Vân Đồn – Móng Cái, cũng là cây cầu dài nhất tỉnh Quảng Ninh hiện nay

*Các công trình lĩnh vực văn hoá:* Bảo tàng – Thư viện tỉnh – Quảng trường 30-10 – Cung Quy hoạch, hội chợ, triển lãm, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh, Cụm thông tin cổ động biên giới, Trung tâm Văn hoá, thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc; Trường Đại học Hạ Long, Trường THPT chuyên Hạ Long, Trường THPT Hòn Gai, Trường THPT Hoành Bồ; Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Quảng Ninh; Bệnh viện Lão khoa tỉnh Quảng Ninh...

*Các công trình du lịch:* Khu du lịch giải trí Tuần Châu, khu nghỉ dưỡng Vinpearl Hạ Long, công viên Đại Dương, quần thể du lịch nghỉ dưỡng và sân golf FLC Hạ Long, khu nghỉ dưỡng Yên Tử Legacy, khu nghỉ dưỡng cao cấp suối khoáng nóng Quang Hanh, cáp treo Yên Tử, cáp treo Ngọa Vân, cáp treo Nữ Hoàng; các đô thị, siêu thị, trung tâm thương mại; các công trình chủ quyền Tổ quốc: Cột mốc biên cương, cột cờ chủ quyền đảo Trần (Cô Tô)...

*Các công trình bảo vệ môi trường:* Hệ thống xử lý môi trường tại các khu công nghiệp, trồng cây hoàn nguyên môi trường của ngành than, trồng rừng cây bản địa, trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, điểm quan trắc tự động, bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long...



Vẽ các lược đồ về các công trình kinh tế, các công trình giao thông, các công trình du lịch mới được xây dựng của Quảng Ninh.

## 2.2. Tích cực tham gia các cuộc thi, diễn đàn để có cơ hội giới thiệu những thành tựu phát triển của tỉnh

Các cuộc thi tìm hiểu về kiến thức (như Đường lên đỉnh Olympia), về ngoại ngữ (như hùng biện tiếng Anh), về báo chí, về sáng tác (sáng tác văn học, nhiếp ảnh, hội họa, âm nhạc...), về biểu diễn (hát, múa...) luôn được các nhà trường, đoàn thể, đơn vị, cơ quan báo chí – truyền thông tổ chức thường xuyên cũng như trong các dịp sự kiện.

Tham gia các diễn đàn phù hợp về học tập, sở thích, về quê hương, đất nước, về bảo vệ môi trường.

Tham gia các cuộc thi, diễn đàn sẽ có cơ hội giới thiệu về bản thân, về nơi mình sinh sống, quảng bá hình ảnh, con người cùng những thành tựu tự hào của quê hương Quảng Ninh.

## 2.3. Tự hào là người Quảng Ninh, chủ động chào đón, hướng dẫn du khách tới Quảng Ninh

Nắm vững lịch sử phát triển của Quảng Ninh, những câu chuyện về vùng đất, con người Quảng Ninh, nhất là thành tựu đổi mới phát triển của Quảng Ninh để chủ động giới thiệu cũng như giải thích, tranh luận, phản bác về những nội dung chưa chính xác, hoặc chưa đúng.

Tự hào là người Quảng Ninh, mỗi người dân chúng ta đều có trách nhiệm chào đón du khách trong và ngoài nước. Không chỉ chào đón, hướng dẫn, giúp đỡ du khách khi du khách tới Quảng Ninh, mà có thể làm điều đó khi du khách có nhu cầu trên môi trường mạng internet. Muốn làm tốt điều này ngoài nắm vững lịch sử phát triển của tỉnh, chúng ta cần phải có kiến thức ngoại ngữ.

Mỗi người Quảng Ninh cần tỏ rõ “Năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện” trong mọi hoạt động tuân thủ pháp luật, sinh hoạt, học tập, lao động, bảo vệ môi trường... và đây cũng là cách quảng bá “thương hiệu Quảng Ninh” đối với du khách, nhà đầu tư.



1. Những hình thức, việc làm cụ thể để quảng bá một số thành tựu đổi mới, phát triển của Quảng Ninh.
2. Giới thiệu một công trình mới của tỉnh Quảng Ninh.



1. Nêu những kết quả dẫn đầu, những thí điểm đi trước của tỉnh Quảng Ninh.
2. Giới thiệu những công trình nhà máy, giao thông, văn hoá, y tế, giáo dục, du lịch... được xây dựng mới có ý nghĩa tác động lớn đến sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh.



1. Suu tầm hình ảnh về Quảng Ninh “xưa – nay” và nêu cảm nghĩ về sự đổi thay phát triển.
2. Tìm hiểu những nội dung tiếp tục đổi mới, phát triển của Quảng Ninh.

## Chủ đề 5 MÔI TRƯỜNG

# 13

### CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA TỈNH QUẢNG NINH

- Trình bày được những hiểu biết cơ bản về những vấn đề môi trường cấp thiết của tỉnh Quảng Ninh.
- Xây dựng và thực hiện được dự án bảo vệ môi trường sinh thái tại địa phương. Qua dự án, đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo trong bảo vệ môi trường tại địa phương.



Môi trường sinh thái luôn là vấn đề cấp thiết của các địa phương, nhất là trong cuộc sống hiện đại. Cùng với sự phát triển của kinh tế – xã hội, tỉnh Quảng Ninh đang phải đối mặt với nhiều khó khăn khi môi trường sinh thái của tỉnh đang chịu những tác động tiêu cực. Với vai trò, trách nhiệm của người học sinh, mỗi chúng ta cần phải đóng góp công sức của mình để bảo vệ môi trường sống của chính chúng ta. Một trong những hoạt động hiệu quả đó chính là những dự án bảo vệ môi trường sinh thái tại địa phương nơi chúng ta sinh sống.



#### 1. Những vấn đề môi trường cấp thiết của tỉnh Quảng Ninh

##### 1.1. Thiên tai

Hàng năm có từ 1-5 cơn bão đổ bộ vào vịnh Bắc Bộ và tác động trực tiếp đến vùng bờ biển Quảng Ninh, tốc độ gió mạnh nhất có thể lên tới 40-50m/s (cấp 13-16). Những cơn bão thường kèm theo lượng mưa lớn trên diện rộng, sóng biển to và nước dâng gây thiệt hại nặng nề cho tài sản vật chất và tính mạng con người.

Mưa lớn và lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất thường xuyên diễn ra vào mùa mưa (năm 2015 diễn đợt mưa lũ kỉ lục ở Quảng Ninh gây ngập lụt ở nhiều địa phương, đặc biệt ở thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Cô Tô và Uông Bí). Trượt lở đất, xói lở bờ sông đã xảy ra ở nhiều địa phương. Mặc dù rủi ro thiên tai không phổ biến trên diện rộng, nhưng có khả năng gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Nắng nóng cục bộ thường tập trung các tháng 6, 7, 8 và cá biệt có năm nắng nóng diễn ra đến tận tháng 9. Rét đậm, rét hại trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tập trung vào khu vực miền



Hình 13.1. Mưa lớn gây lụt cục bộ tại phường Cao Thắng, TP. Hạ Long, ngày 14/9/2021



núi giáp Trung Quốc (16-24 ngày/năm) và giảm dần đến các khu vực ven biển và đồng bằng (TP. Ông Bí, Bãi Cháy 12-15 ngày/năm), thậm chí có năm xuất hiện hiện tượng băng giá vùng núi cao.

Khí hậu cực đoan, gió lốc, nắng mưa thất thường, lũ, ngập lụt gây ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe con người; cơ sở hạ tầng dịch vụ thương mại làm giảm lượng khách du lịch tới Quảng Ninh. Các cơn bão đổ bộ vào đất liền với cường độ mạnh hơn gấp nhiều lần, nhiều cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch bị phá hỏng, hư hại, các hoạt động kinh doanh bị gián đoạn do việc khách du lịch hủy bỏ các tuyến, tour. Du lịch biển, du lịch sinh thái bị ảnh hưởng rất lớn bởi sự gia tăng các dạng thời tiết cực đoan, đặc biệt gia tăng mưa bão và nước biển dâng. Hoạt động kinh doanh du lịch bị ảnh hưởng gián tiếp từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản gặp thiệt hại.

Nói chung, thiên tai gây thiệt hại về người và tài sản, thiệt hại cơ sở hạ tầng thủy lợi, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; ngoài ra thiên tai còn tác động trực tiếp tới nhiều mặt đời sống, kinh tế xã hội của tỉnh, cần thiết phải tìm ra các biện pháp hạn chế thiệt hại.

## 1.2. Biến đổi khí hậu

Theo thống kê từ thập kỉ 60 của thế kỉ XX đến nay, nhiệt độ không khí trung bình năm ở tỉnh Quảng Ninh thể hiện xu hướng tăng, với tốc độ xấp xỉ  $0,2^{\circ}\text{C}/\text{thập}$  kỉ. Nhiệt độ trung bình trong mùa hè và mùa thu cũng có xu hướng tăng.

Mức nước biển tỉnh Quảng Ninh có xu hướng tăng  $0,25\text{cm}/\text{năm}$  (số liệu quan trắc được tại các trạm hải văn) và  $0,33\text{cm}/\text{năm}$  (số liệu quan trắc bằng vệ tinh). (Nguồn: *Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh*)

Việc phát thải khí nhà kính (chủ yếu là khí  $\text{CO}_2$ ) là nguyên nhân chính góp phần gây biến đổi khí hậu. Trên địa bàn Quảng Ninh có 2 loại hình sản xuất công nghiệp gây phát thải khí nhà kính nhiều nhất: Nhiệt điện than với 07 nhà máy và 04 nhà máy xi măng. Ngoài ra, Quảng Ninh có 138 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, đứng thứ 5 cả nước. Điều đó cho thấy, phát thải khí nhà kính hiện nay của tỉnh là vấn đề lớn, cần phải được giải quyết tận gốc bằng nhiều biện pháp khác nhau.

Biến đổi khí hậu đã và đang tác động đến tất cả các ngành, lĩnh vực, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành, lĩnh vực của tỉnh bao gồm: ngành nuôi trồng thủy sản; ngành nông nghiệp; lâm nghiệp; tài nguyên nước, công nghiệp, xây dựng – đô thị, năng lượng...

Trong sản xuất nông nghiệp, biến đổi khí hậu làm tăng nguy cơ dịch bệnh, nhiệt độ tăng có thể đẩy lùi thời vụ hoặc giảm thời gian trồng trọt những cây vụ đông. Tăng nguy cơ dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng ở gia súc, lợn tai xanh, tả lợn châu Phi. Trong sản xuất lâm nghiệp, biến đổi khí hậu gây suy giảm quỹ đất rừng và diện tích rừng do ngập lụt, nước biển dâng, hệ sinh thái rừng suy giảm và gia tăng nguy cơ cháy rừng. Hiện nay, những khu vực: Rừng ngập mặn huyện Tiên Yên, Quảng Yên, Vân Đồn, Cô Tô, rừng phòng hộ đầu nguồn ở Ba Chẽ, Bình Liêu, Hoàn Bồ, Tiên Yên, và Cẩm Phả bị ảnh hưởng rất lớn. Bão kết hợp mưa lớn, nhiệt độ nước biển tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trên toàn tỉnh.

Biến đổi khí hậu đã làm hư hỏng, giảm tuổi thọ đường giao thông đường bộ, hạn chế đi lại của người dân và gia tăng tai nạn giao thông đường bộ. Hoạt động giao thông đường thủy



Hình 13.2. Tháng 7/2020, nước hồ Yên Lập, hồ lớn nhất tỉnh Quảng Ninh đã xuống mức thấp nhất (gần mực nước chết) trong lịch sử hoạt động từ năm 1982

cũng bị ảnh hưởng nặng nề: Bến cảng bị ngập lụt, tàu thuyền không di chuyển được khi có bão gió hoặc hạn hán trên sông.

Các đợt nắng nóng kéo dài, nhiệt độ không khí tăng, gây nên những tác động tiêu cực đối với sức khỏe con người, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch như bệnh cúm, tiêu chảy, dịch tả... Biến đổi khí hậu làm gia tăng khả năng xuất hiện và bùng phát các bệnh nhiệt đới như sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não Nhật Bản trên địa bàn tỉnh; làm tăng tốc độ sinh trưởng và phát triển nhiều loại vi khuẩn và côn trùng, vật chủ mang bệnh nguy hiểm: ruồi, muỗi, chuột, bọ chét, ve,...

### 1.3. Rác thải sinh hoạt

Thành phần chủ yếu của rác thải sinh hoạt gồm: Chất hữu cơ dễ phân hủy, cao su, nhựa, giấy, bìa các-tông, giẻ vụn, kim loại, thủy tinh, gốm sứ, đất đá, gạch, cát. Trong đó, các chất hữu cơ chiếm khoảng 40-65% tổng lượng rác thải, trong đó nhiều loại gây nguy cơ ô nhiễm môi trường rất cao. Việc phân loại rác thải từ các gia đình chưa được thực hiện tốt.

Rác thải sinh hoạt khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2020 trung bình đạt 988,0 tấn/ngày (chiếm 79,2% toàn tỉnh) được thu gom và xử lý hợp vệ sinh đạt 950,5 tấn/ngày (96,2%). Tuy nhiên, vẫn xảy ra tình trạng rác ùn ứ cục bộ và thải rác bừa bãi ở một số khu vực đô thị (đặc biệt là một số địa phương du lịch phát triển) của tỉnh gây ô nhiễm không khí, nước và đất ảnh hưởng tới môi trường sinh thái nói chung và đời sống người dân nói riêng.

Khối lượng rác sinh hoạt nông thôn năm 2020 thu gom được đạt trung bình 259,4 tấn/ngày với tỉ lệ thu gom đạt 70,7%, phần còn lại được xả thẳng ra môi trường góp phần tăng nhanh hiện tượng ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn. (Nguồn: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh)

Rác thải sinh hoạt của tỉnh hiện nay chủ yếu được xử lý theo 2 cách là chôn lấp và đốt. Cả hai phương pháp này đều có ưu và nhược điểm riêng, tuy nhiên nhược điểm chung là cả hai đều có khả năng phát thải những tác nhân ô nhiễm môi trường. Những công nghệ hiện đại ít gây ô nhiễm môi trường chưa được áp dụng đại trà.

### 1.4. Chất thải rắn công nghiệp

Chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn tỉnh phát sinh từ các khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất ngoài khu công nghiệp (chủ yếu trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất giấy, sản xuất da giày, sản xuất vật liệu xây dựng, nhiệt điện, chế biến lâm sản, chế biến thủy sản).

Công tác thu gom tập trung các loại chất thải rắn công nghiệp được tiến hành theo 02 giai đoạn:

– Giai đoạn thu gom sơ cấp: Chất thải được thu gom từ các công đoạn sản xuất của từng nhà máy được vận chuyển đến kho chứa chất thải của nhà máy. Sau đó được chuyển đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển của các khu công nghiệp và được phân loại một lần nữa cũng như xử lý cơ học.

– Giai đoạn thu gom thứ cấp: Chất thải được vận chuyển từ các trạm trung chuyển đến khu vực xử lý sao cho mỗi loại rác được vận chuyển đến khu vực xử lý riêng. Hiện tại ở



Hình 13.3. Bãi rác này đã tồn tại từ nhiều năm cạnh Quốc lộ 18B, xã Quảng Đức, huyện Hải Hà (ảnh đăng báo Quảng Ninh điện tử ngày 25/10/2017)

Quảng Ninh, rác công nghiệp cũng được phân loại nhưng chưa thật sự kỹ. Một số loại rác công nghiệp thông thường được xử lý, chôn lấp chung với chất thải sinh hoạt đô thị.

### 1.5. Chất thải nguy hại

#### a) Chất thải nguy hại đô thị

Chất thải nguy hại tại các khu vực đô thị chủ yếu phát sinh là từ các hộ gia đình với khối lượng nhỏ, không thường xuyên như: Các acquy, pin hỏng, đèn huỳnh quang thải, chất thải có thành phần sơn – vecni – chất kết dính – chất bịt kín – mực in, thuốc diệt trừ các loài gây hại... Các chất thải nguy hại này hầu như không được thu gom riêng mà chúng thường được thu gom cùng với rác sinh hoạt khác.

#### b) Chất thải nguy hại nông nghiệp và nông thôn

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp và nông thôn bao gồm: Bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật là một trong những loại chất thải nguy hại. Những chất thải nguy hại này tại các vùng sản xuất nông nghiệp đã xây dựng hệ thống thu gom thì tỉ lệ thu gom, xử lý đúng quy định đạt trên 90%, còn lại đối với các vùng sản xuất nông nghiệp chưa có hệ thống thu gom thì chúng vẫn được thu gom lẫn cùng các loại rác thải thông thường khác hoặc bị xả bừa bãi ra môi trường.

### 1.6. Ô nhiễm môi trường nước

**a) Ô nhiễm do nước thải sinh hoạt:** Thống kê năm 2020, nước thải sinh hoạt của tỉnh chủ yếu được phát sinh từ các khu vực đô thị (bao gồm 4 thành phố và 2 thị xã), chiếm 86% tổng lượng nước thải sinh hoạt với tổng lưu lượng đạt 160.220,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm, còn lại khu vực nông thôn phát sinh 26.022m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**b) Ô nhiễm do nước thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp:** Lượng nước thải phát sinh do hoạt động tại các khu công nghiệp là 10.438,19m<sup>3</sup>/ngày đêm; các cụm công nghiệp là hơn 3.150m<sup>3</sup>/ngày đêm. (Nguồn: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh)

**c) Ô nhiễm do hoạt động khai thác mỏ:** Để sản xuất một 01 tấn than theo phương pháp lộ thiên tại Quảng Ninh cần bóc tách 8-10m<sup>3</sup> đất, thải ra từ 1-3m<sup>3</sup> nước thải mỏ. Năm 2019 các cơ sở sản xuất than đã thải ra môi trường khoảng 129 triệu m<sup>3</sup> nước thải, 209,7 triệu m<sup>3</sup> đất đá thải. (Nguồn: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh)

Với điều kiện địa hình của Quảng Ninh, nước thải từ khai thác than sau khi phát sinh nếu không được thu gom sẽ đều được đổ ra cửa sông, vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long gây bồi lắng, làm ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng nước biển ven bờ. Bên cạnh đó, nước thải tính axit và hàm lượng kim loại nặng cao là nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học vùng bờ (san hô, thảm cỏ biển...).

**d) Ô nhiễm do hoạt động du lịch, dịch vụ:** Du lịch, dịch vụ đang là thế mạnh của tỉnh Quảng Ninh, trong những năm qua, lượng du khách đến thăm quan và du lịch Quảng Ninh luôn có xu hướng gia tăng. Thống kê năm 2019, tỉnh đón khoảng 14 triệu lượt khách, tính trung bình mỗi khách lưu trú khoảng 2 ngày, lượng nước thải phát sinh bình quân khoảng 5,6 triệu m<sup>3</sup>/năm. (Nguồn: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh)

Trên vịnh Hạ Long có hàng trăm tàu hoạt động du lịch, mặc dù được quản lý chặt chẽ nhưng vẫn xảy ra nguy cơ gây ô nhiễm.



Hình 13.4. Sông Mông Dương (Cẩm Phả) thường xuyên bị bồi lắng bùn than, nước cạn trơ đáy

**e) Hoạt động nông nghiệp:** Năm 2019, toàn tỉnh có tổng số đàn lợn là 205.305 con, trâu là 28.820 con, bò là 29.064 con, gia cầm là 3,65 triệu con. Hằng ngày sẽ tạo 561,68 nghìn tấn phân và 291,22 nghìn m<sup>3</sup> chất thải lỏng. (Nguồn: *Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh*)

Bên cạnh đó, trong canh tác nông nghiệp, dư lượng phân hoá học và các loại hoá chất bảo vệ thực vật đang được coi là nguồn gây ô nhiễm nước rất lớn, gây phú dưỡng, làm ảnh hưởng tới các sinh vật thủy sinh, nguồn lợi thủy sản và làm thoái hoá đất. Hoạt động nuôi trồng thủy sản cũng đang được coi là nguồn gây ô nhiễm nước mặt do lượng thức ăn dư thừa, sử dụng các hoá chất trong nuôi trồng thủy sản, hoạt động thu rửa các hồ điều hòa, ao nuôi,...

### 1.7. Ô nhiễm môi trường không khí

Tại tỉnh Quảng Ninh, môi trường không khí tại các khu vực chịu ảnh hưởng từ hoạt động khai thác khoáng sản, hoạt động xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, hoạt động sản xuất năng lượng, hoạt động giao thông có dấu hiệu ô nhiễm bụi lơ lửng ở nhiều mức độ khác nhau, và có xu hướng gia tăng.

Hầu hết các tuyến giao thông chính trên địa bàn tỉnh đều có dấu hiệu ô nhiễm bụi và tiếng ồn. Các khu vực điển hình chịu tác động từ các hoạt động khai thác, vận chuyển than và khoáng sản thì nồng độ bụi trung bình luôn ở mức cao (350-600  $\mu\text{g}/\text{m}^3$ ).

Tình trạng ô nhiễm môi trường không khí dẫn đến nhiều hệ lụy: Ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ người dân, gây nhiều bệnh đường hô hấp, làm suy giảm năng suất của cây trồng vật nuôi, phá hủy các công trình xây dựng...



Hình 13.5. Khói, bụi từ Nhà máy xi măng Hạ Long (xã Thống Nhất, Hạ Long) bay phủ một khu vực rộng lớn (ảnh chụp và đăng trên báo Quảng Ninh điện tử ngày 27/4/2016)

### 1.8. Ô nhiễm môi trường đất

Chất lượng của đất ở Quảng Ninh đang bị ảnh hưởng xấu do xói mòn, suy thoái, rửa trôi. Đất nông nghiệp đã ít lại được sử dụng vào các mục đích khác ngày càng nhiều. Khai thác than và vật liệu xây dựng đã làm cho diện tích bị ô nhiễm tăng lên. Sản xuất công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp là các nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường đất, đáng chú ý hàm lượng các kim loại nặng trong đất rất cao.

Trên đất canh tác các kim loại nặng chịu ảnh hưởng mạnh của chế độ nước thải, nước tưới và hoạt động khai thác, vận chuyển than. Việc sử dụng phân bón không hợp lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không được kiểm soát trong trồng trọt dẫn đến mất cân bằng dinh dưỡng, suy giảm hệ sinh vật đất ảnh hưởng đến khả năng tự làm sạch của đất.

Các khu vực đất bị thoái hoá nặng ở tỉnh Quảng Ninh là do đất bị mặn hoá, phèn hoá nặng (ở khu vực ven biển); đất bị suy giảm độ phì nặng (ở khu vực đồng bằng) và đất bị xói mòn mạnh (khu vực trung du, miền núi). Diện tích đất bị thoái hoá mức nhẹ và trung bình xuất hiện nhiều ở các khu vực huyện Hoành Bồ cũ, Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu, thành phố Móng Cái, ... Tình hình ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên đang có chiều hướng gia tăng, dẫn đến việc đất đai bị thoái hoá, chất lượng đất giảm dần, môi trường đất bị ô nhiễm, tập trung chủ yếu bởi các nguyên nhân chính: (i) Việc khai thác các loại tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản và tài nguyên rừng đã làm xói mòn, sạt lở, suy thoái chất lượng đất...; (ii) Ô nhiễm môi trường gây ra do các hoạt động nông nghiệp, đặc biệt là do quá trình sử dụng các chất hoá học trong nông nghiệp đã và đang là nguyên nhân làm giảm số lượng của nhiều loại vi sinh vật có ích, làm giảm đa dạng sinh học...; (iii) Ô nhiễm, thoái hoá môi trường đất còn do tập quán sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt của một bộ phận đồng bào

dân tộc, của các khu dân cư đô thị, các chất thải chưa được thu gom và xử lý...; (iv) Nước biển dâng, thời tiết cực đoan cũng có tác động không nhỏ đến sự suy thoái tài nguyên đất.

Ngoài ra, việc khai thác than lộ thiên sẽ tạo ra hố khai thác sâu và các bãi thải mỏ có nền đất yếu, dưới tác động của mưa lớn sẽ gây ra nguy cơ sạt lở, lũ bùn đá cao. Trên địa bàn tỉnh hiện có 6 bãi thải lớn của ngành than đang hoạt động. Đặc biệt, những biến đổi địa hình và cảnh quan diễn ra chủ yếu ở các mỏ khai thác lộ thiên. Việc khai thác lộ thiên đã bóc đi lớp đất màu, dễ bị xói mòn, chủ yếu là đất xen lẫn đá, xít than, khiến cho việc trồng rừng cải tạo môi trường, giảm xói mòn và sạt lở đất đá cũng rất khó khăn.

? *Liệt kê những vấn đề môi trường cấp thiết ở tỉnh Quảng Ninh. Những vấn đề đó ảnh hưởng gì đến hoạt động kinh tế, đời sống của người dân ở Quảng Ninh?*

## 2. Vai trò, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ môi trường sinh thái địa phương

Mỗi người dân đều phải có ý thức và trách nhiệm đối với môi trường sinh thái của địa phương nơi cư trú như sau:

– Tích cực học tập, tích lũy kiến thức về môi trường sinh thái; tìm hiểu những vấn đề môi trường sinh thái của địa phương từ đó có suy nghĩ và hành động đúng đắn.

– Tìm hiểu, nắm bắt đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sinh thái.

– Thực hiện những hoạt động trong cuộc sống góp phần bảo vệ môi trường sinh thái (trích *Luật Bảo vệ môi trường*, 2020):

a) Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định;

b) Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư;

c) Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh;

d) Chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư;

e) Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

Mỗi học sinh cần vận dụng linh hoạt kiến thức khoa học của mình để có thể xây dựng, triển khai thực hiện những dự án bảo vệ môi trường sinh thái tại địa phương theo hướng dẫn sau đây.

? *Nêu trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ môi trường sinh thái địa phương.*

## 3. Quy trình xây dựng và thực hiện dự án học tập

*Giai đoạn 1:* Thảo luận lựa chọn chủ đề và xác định mục tiêu của dự án

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề môi trường sinh thái cấp thiết của tỉnh Quảng Ninh và vai trò, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ môi trường sinh thái địa phương, giáo viên và học sinh thảo luận, nghiên cứu, dự kiến lựa chọn những nội dung và chủ đề có thể triển khai đồng thời xác định mục tiêu chung của dự án.

*Giai đoạn 2:* Xây dựng kế hoạch chi tiết và cụ thể

Giáo viên và HS xác định những công việc cụ thể cần thực hiện; mô tả sản phẩm cần đạt được sau khi hoàn thành dự án. Xây dựng bộ câu hỏi định hướng.

Giáo viên gợi ý cho học sinh tìm kiếm các nguồn tài liệu tham khảo.

Căn cứ vào quy mô các dự án, học sinh chia nhóm thực hiện dự án và giao nhiệm vụ cho từng cá nhân trong nhóm; dự trù thời gian cần thiết để hoàn thành dự án, phổ biến cách thức thực hiện nhiệm vụ của mỗi thành viên, lên danh sách và chuẩn bị các phương tiện, đồ dùng, vật liệu cần thiết để thực hiện dự án.

Mỗi nhóm gồm nhóm trưởng, thư kí và các thành viên; Nhóm trưởng chịu trách nhiệm chung, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, Thư kí ghi chép các nội dung thảo luận và tập hợp sản phẩm dự án của cả nhóm. Giáo viên giám sát hoạt động của các nhóm và có thể đưa ra điều chỉnh nếu cần thiết.

*Giai đoạn 3: Thực hiện dự án*

Các nhóm triển khai thực hiện Kế hoạch đã xây dựng dưới sự điều khiển của Nhóm trưởng và sự giám sát, kiểm tra của giáo viên.

Trong quá trình thực hiện dự án các nhóm có thể tìm sự hỗ trợ từ nhiều nguồn khác nhau: Các cơ quan quản lí và bảo vệ môi trường tại địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có liên quan tới môi trường, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn...

Các nhóm tiến hành nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lí thông tin; thảo luận nhóm, trao đổi, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Hoàn thiện sản phẩm của dự án.

*Giai đoạn 4: Trình bày sản phẩm dự án*

Các nhóm lựa chọn hình thức, hoàn thiện nội dung và tiến hành trình bày sản phẩm dự án của mình, khuyến khích những sản phẩm có tính sáng tạo và khả năng triển khai ứng dụng thực tiễn cao. Đối với những sản phẩm cần thời lượng trình bày dài có thể được bố trí trình bày vào các giờ học ngoại khóa.

Các kết quả, sản phẩm của dự án cần được gửi tới GV và các nhóm khác trước khi trình bày. GV tổ chức cho các nhóm trao đổi, thảo luận, đặt ra các tình huống cho các nhóm thuyết minh, làm rõ và định hướng phát triển dự án.

*Giai đoạn 5: Đánh giá và kết thúc dự án*

Việc đánh giá dự án cần được tổ chức theo các hướng sau: GV đánh giá sản phẩm của dự án, HS tự đánh giá nhóm mình và các nhóm đánh giá lẫn nhau, tập trung vào: Mục tiêu cần đạt của dự án, sự hợp tác của các thành viên trong nhóm, thời gian hoàn thành, nội dung báo cáo, hình thức và trình bày sản phẩm cũng như việc phản biện các câu hỏi từ phía GV và các nhóm khác.

Những dự án có chất lượng tốt và có khả năng phát triển ứng dụng trong thực tế sẽ được đề xuất tiếp tục thực hiện và tiếp tục tìm tòi các nguồn hỗ trợ khác để đạt hiệu quả cao hơn.



Dựa vào gợi ý về các vấn đề môi trường của địa phương trong bài học, lớp chia thành các nhóm để xây dựng và triển khai thực hiện các dự án chung tay bảo vệ môi trường sinh thái địa phương phù hợp với năng lực và hoàn cảnh thực tế.



Các nhóm tổ chức báo cáo kết quả của dự án, cùng nhận xét đánh giá và triển khai mở rộng các dự án tiềm năng.

## THUẬT NGỮ DÙNG TRONG TÀI LIỆU

STT	Thuật ngữ	Trang
1	An sinh xã hội	48, 67, 71, 72, 76
2	Di sản văn hóa	29
3	Đa dạng sinh học	39, 41, 83, 85
4	Giá trị địa chất	38, 63
5	Giá trị sinh học	38
6	Giá trị văn hóa - lịch sử	38, 39
7	Hoạt động bảo vệ môi trường	85
8	Hội nhập quốc tế	30, 31, 32, 33, 37
9	Khu công nghiệp	33, 46, 47, 62, 66, 74, 78, 82, 83
10	Khu kinh tế	46, 47, 49, 66, 74, 78
11	Ô nhiễm môi trường	54, 82, 83, 84, 85
12	Thị trường lao động	63, 64, 65
13	Thiên tai	52, 69, 72, 80, 81

## NGUỒN TÀI LIỆU ẢNH

**Chúng tôi trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng trong cuốn sách này**

- TTXVN, trong sách ảnh "Những hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quảng Ninh, Tỉnh uỷ Quảng Ninh, NXB Thông tấn, năm 2019.
- Minh Hà (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)
- Hội Nhà báo tỉnh Quảng Ninh
- Minh Hà (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)
- Hà Trung (Bệnh viện tỉnh Quảng Ninh)
- Nguyễn Anh Dũng (Sở Văn hoá Thể thao Quảng Ninh)
- Thanh Tùng (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)
- Đỗ Phương (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)
- Hằng Ngân (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)
- Thùy Dung (Trung tâm Truyền thông và Văn hoá Cẩm Phả)
- Đỗ Giang (Trung tâm Truyền thông Quảng Ninh)
- Đỗ Phương